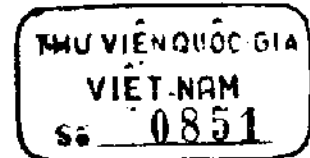


TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP



**LUẬT-LỆ BẢO-CHỈ
HIỆN-HÀNH**



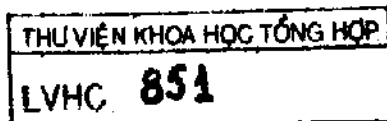
Giáo sư hướng dẫn : **HOÀNG-XUÂN-HÀO**

Luật Khoa Tiến Sĩ

Sinh viên đệ trình : **ĐINH-XUÂN-CẢNH**

Cử Nhân Báo Chí

Cử Nhân Văn Khoa



TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Không tán-thành cũng không phản-đối những ý-kiến
Phát-biểu trong Luận-văn. Những ý-kiến đó do
Tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm.

CHÂN THÀNH CẢM TẠ:

Giáo-sư

HOÀNG - XUÂN - HẢO

Tiến sĩ Luật khoa

Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
trong việc thực hiện tập Luận
văn này.

THÀNH KÍNH GHỈ ƠN:

- ★ Giáo sư Viện Trưởng
- ★ Giáo sư Phó Viện Trưởng
- ★ Quý vị Giáo sư trong Ban Giảng Huấn

Đã hết lòng dạy dỗ chúng tôi
trong suốt học khóa 1971 - 1974.

MỤC LỤC

	Trang	
<u>DẪN NHẬP</u>	1	
<u>Phần thứ nhất</u>		
<u>KHUNG CẢNH PHÁP LÝ</u>		7
<u>Chương I</u> : <u>TỔ CHỨC BÁO CHÍ</u>	10	
<u>Tiết I</u> : <u>Thế lệ xuất-bản báo-chí</u>	10	
<u>Đoạn 1</u> : Thế thức khai báo	10	
A.- Những ai có quyền ra báo	10	
B.- Hồ sơ khai báo	13	
<u>Đoạn 2</u> : Biên nhận tạm	15	
A.- Thời gian cấp phát Biên nhận tạm	15	
B.- Trường hợp từ chối biên nhận tạm	16	
<u>Đoạn 3</u> : Biên lai chính thức	17	
<u>Đoạn 4</u> : Thế thức điều hành	18	
A.- Các ấn hiệu	18	
B.- Nạp bản	19	
<u>Tiết II</u> : <u>Việc lưu hành báo chí</u>	20	
<u>Đoạn 1</u> : Các qui chế phát hành cũ	20	
A.- Thời Đệ nhất Cộng Hòa	20	
B.- Thời chuyển tiếp	21	
<u>Đoạn 2</u> : Qui chế phát hành hiện hữu	22	
A.- Trường hợp báo chí tự phát hành	22	
B.- Trường hợp phát hành báo do người khác xuất bản	22	
<u>Tiết III</u> : <u>Tổ chức nghề nghiệp báo chí</u>	23	
<u>Đoạn 1</u> : Tổ chức và thành phần Hội Đồng báo chí	23	
<u>Đoạn 2</u> : Nhiệm vụ	24	

<u>Chương II: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÁO CHÍ</u>	26
<u>Tiết I: Quyền hạn của báo chí</u>	26
<u>Đoạn 1: Quyền thông tin nghị luận</u>	27
<u>Đoạn 2: Quyền bảo vệ bí mật nguồn tin</u>	27
<u>Đoạn 3: Quyền không bị đình bản đột ngột</u>	28
A.- Thăm quyền bình bản	28
B.- Trường hợp đình bản	28
<u>Đoạn 4: Những bảo đảm khi bị tịch thu</u>	29
A.- Trường hợp tịch thu	29
B.- Thăm quyền tịch thu	30
C.- Những bảo đảm	30
<u>Đoạn 5: Quyền trích dịch</u>	30
<u>Tiết II: Trách nhiệm của báo chí</u>	32
<u>Đoạn 1: Những giới hạn của quyền tự do ngôn luận</u>	32
A.- Những giới hạn trong việc phê bình chỉ trích	32
B.- Những giới hạn nhằm bảo vệ danh dự oá nhân	33
C.- Những giới hạn nhằm bảo vệ an ninh quốc gia	35
D.- Những giới hạn nhằm bảo vệ thuần phong mỹ tục	36
E.- Những giới hạn nhằm bảo vệ công quyền	36
F.- Những giới hạn nhằm bảo vệ giao hảo quốc tế	37
<u>Đoạn 2: Những giới hạn của quyền tự do thông tin</u>	37
A.- Việc thông tin tòa án	37
B.- Tường thuật những cuộc tranh luận tại diễn đàn Quốc Hội	38
C.- Trách nhiệm trả lời đính chính	39

Tiết III: Tội phạm báo chí và biện pháp chế tài - 41
Thẩm quyền xét xử và thủ tục truy tố

<u>Đoạn 1:</u>	Tội phạm báo chí và biện pháp chế tài	41
	A.- Trong lãnh vực xuất bản báo chí	41
	B.- Trong lãnh vực thông tin nghị luận	43
	C.- Trong lãnh vực phát hành báo chí	47
<u>Đoạn 2:</u>	Thẩm quyền xét xử và thủ tục truy tố	47
	A.- Những ai sẽ bị truy tố	47
	B.- Thẩm quyền xét xử	48
	C.- Thủ tục truy tố	49

Phần thứ hai

THỰC TẠI CHÍNH TRỊ 54

Chương I : THỰC TRẠNG BÁO CHÍ VIỆT NAM. 56

Tiết I : Thực trạng báo chí Việt Nam qua các giai đoạn 57

<u>Đoạn 1 :</u>	Trước luật 019/69	58
	A.- Dưới chính quyền quân sự	58
	B.- Dưới chính quyền dân sự	58
	C.- Dưới chính quyền quân sự	58
	(phục hồi)	

Đoạn 2 : Trong luật 019/69 59

Đoạn 3 : Trong Sắc luật 007/72 64

	A.- Điều kiện kỹ quỹ nặng nề	64
	B.- Tịch thu, đình bản	65
	C.- Chế tài nghiêm khắc	67

Tiết II : Ưu khuyết điểm của luật 019/69 74

Đoạn 1 : Ưu điểm 75

	A.- Luật 019/69 đặt nền tảng pháp lý cho báo chí Việt Nam	75
	B.- Luật 019/69 bảo vệ hữu hiệu ký giả trong khi hành nghề	76

<u>Đoạn 2</u> :	Khuyết điểm	78
	A.- Qui định chặt chẽ về chế độ xuất bản	78
	B.- Định tội danh một cách mơ hồ.....	80
<u>Đoạn 3</u> :	Mục tiêu của Sắc luật 007/72 có đạt được không?	82
<u>Chương II</u> :	<u>BÁO CHÍ VÀ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ.</u>	87
<u>Tiết I</u> :	<u>Trình độ quần chúng đọc báo</u>	87
<u>Đoạn 1</u> :	Bối cảnh đặc biệt của xã hội VN	87
<u>Đoạn 2</u> :	Phân loại độc giả	88
<u>Đoạn 3</u> :	Sự lựa chọn của độc giả	89
	A.- Lựa chọn theo trình độ Văn hóa	89
	B.- Lựa chọn theo thành phần xã hội.....	90
<u>Đoạn 4</u> :	Những đòi hỏi và đóng góp của độc giả	91
<u>Tiết II</u> :	<u>Vai trò báo chí trong sinh hoạt chính trị</u>	91
<u>Đoạn 1</u> :	Giáo dục chính trị quần chúng	91
<u>Đoạn 2</u> :	Điều hòa sinh hoạt giữa các cơ chế công quyền	93
<u>Đoạn 3</u> :	Tạo sự lưu thông chính trị đa phương	94
<u>Đoạn 4</u> :	Tương quan giữa báo chí và chính quyền	95
	A.- Kiểm soát chính quyền	95
	B.- Cộng tác với chính quyền	98
<u>Đoạn 5</u> :	Thái độ mà báo chí xứng danh phải có	99
	A.- Thái độ độc lập	100
	B.- Tôn trọng sự thật	100
	C.- Tinh thần trách nhiệm	100

<u>Tiết III</u> :	<u>Quan niệm một Hội Đồng báo chí hữu hiệu</u>	101
	<u>Đoạn 1</u> :	Tầm quan trọng của Hội Đồng báo chí
		102
	<u>Đoạn 2</u> :	Mục tiêu và phạm vi hoạt động của Hội Đồng báo chí
		102
	A.-	Sự hữu danh vô thực của Hội Đồng báo chí hiện hữu
		102
	B.-	Điều kiện hữu hiệu hóa HDBC
		103
	<u>Đoạn 3</u> :	Những khó khăn của HDBC
		104
	A.-	Kinh nghiệm quá khứ
		104
	B.-	Trở ngại thực tế
		105
<u>Tiết IV</u> :	<u>Giải pháp đề nghị</u>	106
	<u>Đoạn 1</u> :	Về mặt pháp lý
		107
	A.-	Việc xuất bản và phát hành báo chí
		107
	B.-	Về phương diện chế tài
		108
	<u>Đoạn 2</u> :	Trên bình diện thực tế
		110
	A.-	Chấp nhận báo đối lập
		110
	B.-	Thành lập giải thưởng báo chí
		111
	<u>Đoạn 3</u> :	Qui chế Ký-giả
		112
<u>KẾT LUẬN</u>		115
<u>PHỤ LỤC</u>		117

DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Thomas Jefferson, vị Tổng Thống thứ 2 của Hoa Kỳ đã từng tuyên bố: "... Nếu phải chọn một trong hai đường, có chính phủ mà không có báo chí, hoặc có báo chí mà không có chính phủ thì tôi sẽ chọn đường thứ hai".

Tu chính án thứ nhất (1st amendment) của Hoa Kỳ cũng minh thị cấm chỉ Quốc Hội Mỹ không được làm đạo luật hạn chế tự do báo chí (Congress shall make no law abridging the freedom of speeck or of Press). Đi xa hơn nữa, Herbert Bucker còn chủ trương nâng tự do báo chí lên thành đệ tứ quyền, ngang hàng với các quyền Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp. Ngoài ra, trong tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền và hầu hết các bản Hiến Pháp của các Quốc gia dân chủ tự do đều ghi nhận tự do báo chí là một "quyền" bất khả xâm phạm.

Xem vậy, vai trò của báo chí càng ngày càng trở nên vô cùng quan trọng. Nhất là tại các quốc gia văn minh tiến bộ, tỷ lệ mù chữ rất ít. Do đó nhu cầu trí thức gia tăng, báo chí được xem như một phương tiện để đáp ứng các nhu cầu học hỏi, giải trí và tìm hiểu những biến cố xảy ra chung quanh môi trường sinh sống và trên thế giới. Báo chí còn là một diễn đàn để khảo cứu và trao đổi tư tưởng, ý kiến, do đó đã đóng góp rất nhiều vào việc phát triển trong các lãnh vực văn chương, nghệ thuật, khoa học, triết học, v.v... Cựu tướng Nguyễn Khánh trong một cuộc họp Ký giả đã nhận định: "Mỗi ngòi bút có giá trị và sức mạnh tương đương với 1 sư đoàn". Dù lời nói trên có vẻ quá đáng, nhưng cũng đã biểu lộ phần nào tầm mức quan trọng của báo chí trong xã hội. Ngày nay với sự cải tiến về ấn loát và phổ biến, tờ báo đã tăng được nhiều độc giả, ảnh hưởng của nó vì vậy cũng sâu rộng hơn. Nhất là khuynh hướng của tờ báo càng ngày càng nghiêng nặng về giải trí hơn là những bài bình luận khô khan nên đã thu hút nhiều độc giả bình dân. Những người này trình độ văn hóa phần nhiều ở bậc tiểu học. Sau khi rời ghế nhà trường, họ chỉ còn báo chí là phương tiện học hỏi duy nhất thích hợp với khả năng.

Báo chí còn giữ vai trò "bổ khuyết" cho những phương tiện truyền thông khác như vô tuyến truyền thanh, truyền hình, điện - ảnh.

Thật vậy, các phương tiện truyền thông này có ưu điểm là sống động và kịp thời, nhưng lại có khuyết điểm là thiếu sót. Báo chí sẽ bổ khuyết những thiếu sót đó bằng cách chi tiết hóa để tạo thêm dữ kiện cho độc giả trong việc phê phán một nguồn tin. Trong một cuộc điều tra đến g tin cậy để tìm hiểu thái độ của cử tri trong cuộc bầu cử bán p h à n Thượng Nghị Viện năm 1970 do Giáo sư Tạ văn Tài và một nhóm sinhviên Quốc gia Hành chánh thực hiện đã cho thấy ưu thế của báo chí đối với các phương tiện truyền thông khác. Với câu hỏi "Nhờ phương tiện nào cử tri biết đến các liên danh tranh cử?" Kết quả như sau:

- Báo chí: 689
- Bích chương: 655
- Truyền thanh, truyền hình: 634 (1)

Tương cũng cần xác định ở đây danh từ "báo chí" không phải chỉ bao gồm những tờ báo hàng ngày, hàng tuần hay định kỳ mà thôi. Báo chí - hiểu như nghĩa chữ Journalisme ở Pháp ngữ hay Journalism ở tiếng Anh - bao gồm tất cả sinh hoạt thuộc lãnh vực thông tin, bình luận, dù bằng chữ in, bằng tiếng nói hay bằng hình ảnh và những ngành hoạt động liên hệ như vô tuyến truyền thanh, truyền hình, thông tấn xã, quảng cáo, ấn loát, v.v...

Tuy nhiên, để phù hợp với điều 3 luật báo chí, danh từ báo chí nghiên cứu trong khảo luận này chỉ được giới hạn trong lãnh vực nhật báo và các tạp chí định kỳ.

Là một xí nghiệp tư, nhưng báo chí lại được suy đoán là có mục đích phục vụ công ích xã hội. Do đó việc hành sử đệ tứ quyền này phải được luật pháp qui định minh bạch để, một mặt bảo đảm được quyền tự do ngôn luận của người làm báo, mặt khác duy trì được trật - t ự công cộng.

(1) Trương Quang Báo chí và Sinh hoạt chính trị tại VNCH, Cao Học 6 Trường Quốc Gia Hành Chánh, trang 42.

Trong quá khứ, luật lệ báo chí của ta rất phức tạp và thiếu nhất trí. Nguyên do là sau khi thoát ách đô hộ của Pháp, ta vẫn giữ nguyên pháp chế cũ của Thực dân rồi đem vá vúi vào cho phù hợp với nhu cầu nhất thời. Thí dụ các Sắc luật số 2/64 và 10/64 công nhận quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, nhưng lại sợ báo chí tự do nên vẫn giữ nguyên vẹn luật lệ cũ, nhiều khi còn tỏ ra khắc nghiệt hơn. Vì vậy, những Sắc luật ấy trở thành "hữu danh vô thực" mà hậu quả là đưa đến tình trạng hỗn độn.

Để có thể nhìn thấy hướng tiến triển của luật lệ báo chí Việtnam, ta hãy ôn lại những chặng đường đã qua.

A.- THỜI KỲ PHÁP THUỘC.

Cho đến ngày Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương, luật lệ áp dụng cho báo chí ở xứ ta rất phức tạp vì sự áp dụng mỗi nơi một khác.

Ở Bắc và Trung Kỳ, báo chí bị chi phối bởi Sắc luật ngày 4-10-1927. Về những tội phạm báo chí, ngoài những khinh tội và trọng tội dự liệu nơi Sắc luật này, các điều luật Hình Bắc và Trung vẫn còn hiệu lực. Riêng về chế độ xuất bản báo chí, các báo Pháp ngữ được hưởng đặc ân "phát hành không phải xin phép trước" và chỉ cần khai báo tại Biện lý cuộc là đủ (điều 5 đoạn 1). Các báo chí không phải là Pháp ngữ đều phải xin phép. Luật không ấn định một điều kiện gì để có thể xin phép ra báo ngoài việc người quản lý phải là thuộc dân Pháp có đầy đủ quyền dân sự và không bị truất quyền công dân.

Tại các nhượng địa như Hanoi, Haiphong, Tourane, mặc dù có qui chế thuộc địa như Nam Kỳ, nhưng vì những nhượng địa này đã được nhượng cho Pháp sau ngày ban hành luật báo chí 29-7-1881 (về tự do báo chí áp dụng cho chính quốc và những thuộc địa cùng nhượng - địa của Pháp) nên không được hưởng luật này. Với Sắc luật ngày 8-9-1888 và Sắc lệnh ngày 28-2-1890 mở rộng sự áp dụng luật lệ Nam Kỳ cho cả Bắc kỳ, báo chí miền Bắc mới được hưởng chế độ của luật 1881. Điểm đặc biệt là, khi ra miền Bắc, luật này trở thành một Sắc lệnh. Do đó chỉ cần một Sắc lệnh là có thể hủy bỏ được. Vì vậy, do Sắc lệnh

ngày 04-10-1927 hủy bỏ Sắc lệnh nói trên, báo chí miền Bắc đã bị tước quyền tự do xuất bản báo chí để trở về chế độ xin phép trước khi xuất bản kể từ ngày 10-01-1928 trở đi.

Tại Nam Kỳ, vì là một thuộc địa nên vấn đề đơn giản hơn. Luật báo chí 1881 về tự do báo chí được ban hành ngày 12-9-1881 nên kể từ ngày đó báo chí tại Nam Kỳ dù bằng ngôn ngữ nào đều được xuất bản tự do. Luật không buộc một điều kiện nào để có thể làm chủ một tờ báo ngoài việc viên quản lý phải có quốc tịch Pháp, thành niên và đã khai báo tại Biện lý cuộc. Thời kỳ vàng son này mỏng manh như tuấn trắng-mật vì Sắc lệnh ngày 30-12-1898 buộc báo chí không phải là Pháp - ngữ đều phải được phép trước khi xuất bản. 50 năm sau, sự bạc đãi báo chí này mới được nhà cầm quyền để ý. Do đó với Sắc lệnh ngày 30-8-1938 đã hủy bỏ văn kiện trên trả lại thời vàng son cho báo chí Vietnam. . . Nhưng thời gian này cũng quá ngắn ngủi, vì với sự bùng nổ của Thế chiến thứ hai, luật ngày 13-12-1941 tạm đình chỉ thi hành điều 5 của luật : tự do báo chí và từ đây báo chí xuất bản bằng tiếng gì cũng đều phải có phép trước.

B.- THỜI KỲ TRƯỚC KHI CÓ LUẬT 019/69.

1/- Dưới thời Bảo Đại, vì không muốn mang tiếng bóp nghẹt báo chí, chính quyền không dám dùng những biện pháp cứng rắn đối với báo chí, nên không có một đạo luật nào sửa đổi những bản văn của luật lệ báo chí cũ để lại từ thời Thực dân. Luật 1881 và Sắc lệnh ngày 04-10-1927 vẫn là những văn kiện căn bản về báo chí. Để dễ dàng trong việc cai trị, chính quyền dùng "thuật" để trị báo chí như "thuật giải thích rộng rãi" tại bản văn 19-9-1949: " Trong khi chờ đợi sự ban hành qui chế báo chí, Bộ Trưởng Bộ Tuyên Truyền có quyền cấp phát giấy phép xuất bản báo chí sau khi Thủ Hiến nơi mà các báo ấy xuất bản điều tra và đề nghị", và "thuật buông tay trái nắm tay phải" như miễn kiểm duyệt nhưng phải nộp bản, v.v...

2/- Dưới thời Đế I Cộng Hòa, điều 16 Hiến Pháp 1956 qui định: "Mọi công dân có quyền tự do ngôn luận, quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hô - hào

nổi loạn và lật đổ chính thể Cộng Hòa''. Một điều đáng ghi nhận là ngày 19-2-1956 Tổng Thống Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 23 - TTP định chỉ việc kiểm duyệt báo chí Việt ngữ và ngày 20-2-1956 ban hành Dự số 13 ấn định những hình phạt tù và tiền đối với những tội phạm báo chí.

Tuy quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí đã được ghi trng Hiến pháp, nhưng trên thực tế vẫn không được hưởng tự do rộng rãi và bị ràng buộc bởi những luật lệ lỗi thời của Pháp để lại. Báo đối lập vẫn bị chèn ép đến phải đình bản như tờ Thần Chung, Tin Điện ; hoặc bị truy tố ra toà rồi bị đóng cửa vĩnh viễn như tờ "Thời Luận" và "Đường sống". Số báo còn lại bị dồn vào chân tường để phải đổi hướng sang con đường thương mại như "Tiếng chuông", "Saigon Mới". Đồng thời cũng thấy xuất hiện vài tờ báo được coi là của Phong trào ủng hộ chế độ như tờ "Cách mạng Quốc gia", tờ "Times of Vietnam".

3/- Sau cách mạng 1-11-1963, Sắc luật 2/64 ngày 19-2-1964 long trọng cam kết: "Quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí được công nhận là một quyền tự do căn bản trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa". Riêng các chính đảng muốn xuất bản báo chí chỉ cần nộp một tờ khai tại Nha Thông Tin báo chí (NB 90B ngày 19-2-1964). Đối với tư nhân, Sắc luật 10/64 ngày 30-4-1964 ấn định qui chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí, theo đó mọi công dân trên 25 tuổi, không có khuynh hướng Cộng sản, tay sai thực dân và Trung lập thân Cộng, đã tốt nghiệp một phân khoa báo chí, có ký quỹ 200000 đồng đều có quyền xuất bản báo chí sau khi khai báo tại Bộ Thông tin. Riêng các ký giả chuyên nghiệp được miễn điều kiện văn bằng và chỉ cần ký quỹ 100.000 đồng. Vậy trong mọi trường hợp chỉ cần khai báo với bộ Thông tin là có quyền ra báo. Không bao giờ phải đợi giấy phép như trước. Tuy nhiên trên thực tế, vấn đề cho phép trước vẫn được cơ quan Hành chánh áp dụng. Chính Thiếu tướng Kỳ đã tiết lộ trong bản báo cáo ngày 19-6-1965: "Còn hơn 300 đơn xin ra báo trong đó có 125 hợp lệ đang nằm chờ giấy phép". (2)

(2) Trần Thúc Linh, Luật lệ báo chí, Bách khoa số 217, trang 86.

C.- DUỚI THỜI ĐỆ II CỘNG HÒA.

Dưới Chính thể Đệ II Cộng Hòa, báo chí Việt Nam bước sang một giai đoạn mới. Hiến pháp ngày 1-4-1967, điều 12, minh thị : "Quốc gia tôn trọng tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản, miễn là sự hành sử những quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng và thuần phong mỹ - tục chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường". Sau đó, ngày 30-12-1969, Tổng thống Nguyễn-Văn-Thiệu đã ký ban hành luật 019/69 qui định các điều kiện về mọi hoạt động của báo chí. Như vậy, tự do báo chí vừa là một quyền Hiến định vừa là một quyền Pháp định của nền đệ II Cộng Hòa V.N.

Mục tiêu chính của luật 019/69 là nhằm chấm dứt việc cấp giấy phép xuất bản báo chí, bãi bỏ chế độ kiểm duyệt và trao c h o cơ quan tư pháp xét xử các tội phạm báo chí.

Nhưng ngày 4-8-1972, trong khuôn khổ luật ủy quyền, Tổng-Thống Việt Nam Cộng Hòa lại ký ban hành Sắc luật 007/72 sửa đổi một số điều khoản của luật 019/69 bằng cách qui định thêm về điều kiện xuất bản và xiết chặt những biện pháp chế tài.

Trong phạm vi hạn hẹp của tập khảo luận này, chúng tôi sẽ dùng luật 019/69 làm phương tiện chính để nghiên cứu và dĩ nhiên sẽ thay thế những điều khoản đã được Sắc luật 007/72 sửa đổi. Ngoài ra, mục tiêu của đề tài vừa có tính chất pháp lý vừa liên quan đến thực tại chính trị, do đó phương pháp sưu khảo, phân tích tài liệu và phỏng vấn đã được áp dụng.

Theo chiều hướng đó, chúng tôi lần lượt trình bày trong tập luận văn này hai phần chính:

Phần thứ nhất : Khung cảnh pháp lý

Phần thứ hai : Thực tại chính trị.

PHẦN THỨ NHẤT

KHUNG CẢNH PHÁP LÝ

Ngày 30-12-1969 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã ký ban hành Luật số 019/69 ấn định qui chế báo chí.

Sau hơn hai năm trời thai nghén, Đạo luật ra đời trong sự chờ đợi của tất cả mọi người cầm bút. Được biết việc soạn thảo, biểu quyết Đạo luật được diễn tiến khá gay go và sôi nổi đến nỗi đã có lúc dự luận tưởng rằng nó sẽ bị "nhận chìm" luôn.

Khởi thủy một dự luật Báo chí soạn thảo từ hội Quốc - Hội Lập Hiến, sửa đổi và bổ túc bởi Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia được Ủy Ban Thông tin Chiêu Hồi Hạ nghị viện nghiên cứu sửa đổi và chung quyết hồi tháng 5-1968. Ngày 18-5-1968 bản Dự luật được chuyển lên Thượng Nghị Viện. Nhưng Thượng viện mới chỉ đem ra bàn cãi và tu - chính đến điều 12 thì báo giới đã đứng lên phản đối kịch liệt khiến cho Thượng viện phải ngừng cuộc thảo luận và giao cho Ủy Ban Tư Pháp ấn định chế nghiên cứu và tái trình một Dự luật tu chính mới. Nhiều cuộc tiếp xúc rộng rãi được mở ra với các giới liên hệ am hiểu về vấn đề báo chí để thu thập ý kiến, nguyện vọng và đề nghị.

Ngày 9-12-1968 Dự án Tu chính được đem ra thảo luận tại khoáng đại Thượng Nghị Viện, sau đó được nơi đây chấp thuận và chuyển xuống Hạ Nghị Viện biểu quyết.

Tại cả hai viện, Dự luật được quý vị Dân biểu Nghị sĩ mổ xẻ bàn cãi rất tỉ mỉ và hăng hái cuối cùng luật Báo chí chính thức chào đời ngày 30-12-1969.

Việc ban hành luật Báo chí giữa lúc nước nhà đang ở vào giai đoạn chiến tranh khốc liệt với Cộng sản là một thiện chí và can đảm của cơ quan Lập pháp và nhất là của người đứng đầu Hành pháp. Vì kinh nghiệm cho thấy rằng đa số các quốc gia trong thời chiến, nhà cầm quyền đều muốn rộng tay để ủng hộ với tình thế.

Đạo luật 019/69 có tiến bộ hay không, điều đó sẽ xét sau. Có điều sự ra đời của nó, dù muốn dù không, cũng ràng buộc và cùm chân cả chính quyền lẫn làng báo. Về phía chính quyền, không thể có những quyết định linh động và chủ quan như trước đây khi còn dựa

vào những luật lệ báo chí quá cũ kỹ và phức tạp. Về phía báo chí, quyền hạn và nghĩa vụ đã được qui định, không thể sử dụng quy ền thông tin ngôn luận một cách phóng túng bừa bãi. Những ràng buộc, do luật báo chí mang lại cho cả hai phía không phải là ^{không} gây khó chịu. Khắc phục được thói quen tâm lý ấy để chấp nhận hy sinh là một dấu hiệu tiến bộ của sinh hoạt dân chủ.

Trong phần này, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu luật qui chế báo chí 019/69 về phương diện:

- Tổ chức báo chí (Chương I)
- Quyền hạn và trách nhiệm của báo chí (Chương II).

★

★ ★

Chương I

TỔ CHỨC BÁO CHÍ

Về phương diện tổ chức, luật 019/69 qui định khá chặt chẽ về việc xuất bản và lưu hành báo chí. Người làm báo muốn xuất bản và phát hành báo của mình phải hội đủ điều kiện luật định như: điều kiện văn bằng hoặc thâm niên nghề nghiệp, điều kiện tuổi tác, quốc - tịch, điều kiện ký quỹ v.v... Ngoài ra để khuyến khích và mở đường cho việc đoàn ngũ hóa những người làm báo, luật còn minh thị công nhận việc thành lập những tổ chức nghề nghiệp báo chí. Trong chương này ta sẽ lần lượt đề cập đến thể lệ xuất bản, việc lưu hành và tổ chức nghề nghiệp báo chí.

TIẾT I:

Thể lệ xuất bản báo chí

Vấn đề xuất bản báo chí được trù liệu tại chương thứ hai, từ điều 9 đến điều 17, tổng cộng 8 điều khoản của luật Qui Chế Báo Chí. Nhìn chung, luật 019/69 đã đưa ra một qui chế xuất bản nửa vời, vì thể lệ xuất bản báo chí là thể lệ khai báo rộng rãi hơn qui chế cấp giấy phép, nhưng chưa phải là tự do hoàn toàn vì vẫn còn dành cho nhà cầm quyền Hành chánh nhiều đặc quyền.

Đoạn 1 : THỂ THỨC KHAI BÁO

Vấn đề đặt ra ở đoạn này là những ai có quyền ra báo, hồ-sơ ra báo gồm những văn kiện nào và sự khai báo có hiệu lực như thế nào?

A.- NHỮNG AI CÓ QUYỀN RA BÁO?

Theo điều 3 luật QCBC, mọi thể nhân và pháp nhân có quốc tịch Vietnam đều có quyền xuất bản báo chí sau khi đã khai báo hợp lệ tại Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi (DVCH). Điểm đáng lưu ý là trong thành-

phần hồ sơ khai báo có ghi rõ phải kèm theo Tư pháp lý lịch và chứng chỉ sự trú của Chủ nhiệm, Chủ bút và quản lý. Điều này được suy đoán là những người can án không được quyền đứng tên xuất bản báo chí.

Theo điều 5, mỗi tờ báo (kể cả báo định kỳ) phải có 1 Chủ nhiệm, 1 chủ bút, 1 quản lý. Chủ nhiệm có thể kiêm chủ bút. Cả ba chức này đều phải hội đủ các điều kiện ấn định tại điều 6. Nếu chỉ một trong ba người thiếu 1 điều kiện, tờ báo cũng không được xuất bản. Điều 6 nêu trên dự liệu 5 điều kiện cho cả 3 người, riêng Chủ-nhiệm và chủ bút còn phải thêm 1 điều kiện thứ 6 nữa.

• Năm điều kiện chung cho Chủ nhiệm, Chủ bút, Quản lý:

1/- Có quốc tịch Vietnam: Luật không buộc phải có quốc tịch Vietnam nguyên thủy hay đã nhập Việt tịch được bao lâu. Vậ y đương sự chỉ cần có quốc tịch Vietnam kể từ ngày nộp hồ sơ khai báo là được.

2/- Ít nhất 25 tuổi: Tính đến ngày nộp hồ sơ khai báo.

3/- Không có tiền án về tội đại hình hoặc tiểu hình từ ba tháng trở lên, không kể các tội sơ xuất bất can và các tội phạm báo chí, trừ các tội như đã dự liệu tại điều 27, 28 và 29 của luật này: (tức là các tội xúi giục hay đề cao một số tội đại hình hay tiểu hình tội loan tin có tác dụng nguy hại cho quốc gia và tội đề cao Cộng - Sản). Điều khoản này rất rõ ràng, nhưng hai chữ "tiền án" khiến người ta nghĩ rằng tất cả các án nói ở điều luật phạm phải trong quá khứ đều có tác dụng "tước quyền". Thực ra, chỉ có tiền án ghi ở phiếu lý lịch số 2 mà thôi. Trong phiếu lý lịch số 2 sẽ ghi các tiền án đã được giải trừ vì đại xá hay được canh cải theo một quyết nghị cho sửa đổi tư pháp lý lịch.

4/- Không có hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản: Hai chữ "Hành vi" cũng như ba chữ "nhằm mục đích" dùng trong điều luật có nghĩa là cơ quan chính quyền muốn có lý do để từ chối cấp biên lai phải dựa vào những chứng cứ cụ thể chứ không được căn cứ vào một nghi vấn mơ hồ. Tuy nhiên, người t a

tự hỏi, khi một cá nhân đã có hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng sản thì cá nhân ấy có thể nào vẫn sống nhón như để nạp hồ sơ ra báo? Ít nhất đương sự cũng đang bị câu lưu nếu chưa tiền án. Như vậy, xét cho kỹ, điều kiện này sẽ không có giá trị thực tế bao nhiêu mà rất có thể còn mở đường cho những quyết định võ đoán.

5/- Chủ nhiệm, chủ bút, quản lý, 1 trong ba người này không được hưởng quyền đặc miễn tài phán. Điều kiện này giúp cho cơ quan tài phán khỏi gặp trở ngại mỗi khi cần truy tố tờ báo về một hành vi phạm pháp. Thí dụ, một tờ báo do Dân biểu hay Nghị sĩ làm chủ nhiệm bị truy tố về tội "phỉ báng", nếu không có điều kiện do luật mới đặt ra thì sự truy tố chỉ có thể thực hiện sau khi được sự chấp thuận của 3/4 tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ. Luật báo chí ngày 25 - 3 - 1951 (sửa đổi Đạo luật 1881) của Pháp cũng có điều khoản tương tự: Khi người Giám Đốc xuất bản tờ báo được hưởng quyền đặc miễn tài phán, đương sự phải chỉ định một người đồng Giám Đốc trong số những người không hưởng đặc quyền này.

o Điều kiện riêng của Chủ nhiệm và Chủ bút:

Bên cạnh các điều kiện chung kể trên, điều 6 Luật QCBC còn buộc chủ nhiệm và chủ bút phải hội thêm điều kiện kiến thức tổng quát hay kiến thức chuyên môn, theo đó hai người này phải có 1 văn bằng báo chí hoặc một văn bằng Đại học, hoặc đã làm Tổng thư ký tòa soạn trong thời gian tổng cộng 1 năm hoặc đã làm ký giả trên 2 năm tại một hay nhiều cơ quan báo chí, thông tấn hay đài phát thanh hợp pháp ở Vietnam, hoặc đã làm chủ nhiệm chủ bút trên 6 tháng.

Điều khoản này được soạn thảo khá uyển chuyển, nếu không có văn bằng ta vẫn có thể dựa vào thâm niên chức nghiệp. Thời hạn hành nghề cũng không cần liên tục vì thâm niên có thể tính tổng cộng các khoảng ngày tháng làm việc tại một hay nhiều nơi. Danh từ "cơ quan" có thể được hiểu rộng rãi bao gồm các cơ sở tư nhân và công lập. Hơn nữa, luật không buộc phải là cơ quan thuần túy Vietnam. Vậy thời gian hành nghề thư ký tòa soạn, ký giả tại một cơ quan báo chí, hãng

thông tấn, đài phát thanh ngoại quốc tại Vietnam cũng được kể là hợp cách, miễn sao cơ quan ngoại quốc ấy hoạt động hợp pháp tại Vietnam. Tuy nhiên, sự thi hành điều luật trên có một điều khó, đó là sự chứng minh thâm niên chức nghiệp. Đối với những người hành nghề tại các cơ quan hiện hữu, sự chứng minh không đặt thành vấn đề. Nhưng đối với các cộng sự viên của những tờ báo đình bản từ lâu, họ không dễ gì tìm gặp được vị chủ nhiệm để nhờ xác nhận. Muốn tránh gây khó khăn cho các đương sự, thiết tưởng Bộ Dân Vận Chiêu Hồi cũng có thể linh động chấp thuận các giấy tờ chứng thực của các đoàn thể báo chí và ký giả đang hoạt động từ trước đến nay.

B.- HỒ SƠ KHAI BÁO.

Mục đích: Không phải bất cứ ai cũng có quyền xuất bản báo chí. Vì vậy, việc qui định thành phần hồ sơ khai báo là nhằm mục đích kiểm soát xem những người xin ra báo có hội đủ điều kiện luật định hay không. Có những điều kiện dành cho Chủ nhiệm, Chủ bút, Quản lý, bảo quản v.v...

Hồ sơ khai báo gồm những văn kiện nào? Theo Điều 4 của SL 007/72, hồ sơ khai báo gồm tới 6 loại giấy tờ:

1/- Một tờ khai tổng quát lập thành 3 bản có chữ - ký của Chủ nhiệm được thị - thực tại cơ quan Hành chánh và ghi rõ các chi tiết như sau, liên quan đến tờ báo sắp xuất bản:

- Tên tờ báo, địa chỉ nhà in và bảo quản
- Tôn chỉ, đường lối, chủ trương
- Danh tánh, bút hiệu, địa chỉ của Chủ nhiệm, Chủ bút và Quản lý.

2/- Chứng chỉ cư trú của Chủ nhiệm, Chủ bút và Quản lý do cơ quan Hành chánh thẩm quyền cấp.

3/- Giấy khai sanh của Chủ nhiệm, Chủ bút, Quản lý.

4/- Giấy tờ liên quan đến văn bằng hoặc thâm niên chức nghiệp về báo chí của Chủ nhiệm và Chủ bút.

5/- Trích lục tư pháp lý lịch số 2 không quá 3 tháng (3) của Chủ nhiệm, chủ bút và quản lý.

6/- Biên nhận đóng tiền ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố trong một trường mục có lời:

- 20 triệu đồng đối với nhật báo
- 10 triệu đồng đối với báo định kỳ.

Số tiền ký quỹ nói trên sẽ được:

- Giảm một nửa đối với 1 cơ quan ngôn luận chính thức của mỗi chính đảng đã được hợp thức hóa. Tuy nhiên chủ nhiệm hay chủ bút của cơ quan ngôn luận này phải do một trong các ủy viên Ban Chấp hành Trung Ương đảng đứng tên và trên nhãn báo phải ghi rõ là cơ quan ngôn luận chính thức của chính đảng.

- Miễn hẳn đối với các tạp chí định kỳ có tính cách thuần túy nghiên cứu về từng lãnh vực chuyên môn: giáo dục, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật.

7/- Văn kiện chứng minh xuất xứ số vốn, kể cả tiền ký quỹ.

o Hiệu lực của sự khai báo: Được qui định rõ tại điều 7, 8, 9 và do theo đó trong hạn 1 tháng kể từ ngày cấp biên nhận tạm thời, Bộ DVCH phải cấp biên lai chính thức. Hồ sơ khai báo được coi là hợp lệ kể từ ngày Bộ sở quan cấp biên lai chính thức.

Quá hạn 1 tháng nói trên, nếu Bộ DVCH không cấp biên lai chính thức hay không ra quyết định từ chối, hồ sơ khai báo đương nhiên coi là hợp lệ. Quyết định từ chối phải viện dẫn lý do.

Trường hợp Bộ DVCH ra quyết định từ chối, người đứng khai có quyền xin tiêu hủy quyết định ấy trước Tham chính viện (nay là ban Hành Chánh thuộc Tối Cao Pháp Viện), nơi đây có thời hạn tối đa

(3) Theo thể lệ mới: không quá 6 tháng.

là 30 ngày để xét xử. Hồ sơ khai báo đương nhiên coi là hợp lệ kể từ ngày Tối Cao Pháp Viện phán quyết tiêu hủy quyết định từ chối của Bộ DVCH. Chậm nhất 3 tháng sau khi hồ sơ khai báo được coi là hợp lệ, Chủ nhiệm phải xuất bản tờ báo. Quá thời hạn trên, hồ sơ khai báo đương nhiên mất hiệu lực.

Nếu so với thể lệ khai báo của luật 1881 của Pháp, ta nhận thấy nhà làm luật 019/69 vẫn còn dành một số đặc quyền cho cơ quan Hành pháp. Theo luật 1881, tất cả các loại báo sẽ được phát hành mà không cần cho phép trước, không phải ký quỹ sau khi được công bố theo điều 7, tức là tất cả các báo trước khi xuất bản và phát hành phải khai ở Biện Lý Cuộc những gì liên quan tới tờ báo, tên họ, địa chỉ của viên Quản lý và nơi in tờ báo (4).

Đoạn 2 : BIÊN NHẬN TẠM

Sau khi đã hoàn thành hồ sơ khai báo, người xin ra báo sẽ được Bộ DVCH cấp phát cho một Biên nhận tạm.

A.- THỜI HẠN CẤP PHÁT BIÊN NHẬN TẠM:

Theo điều 7, Bộ DVCH phải cấp phát Biên nhận tạm ngay khi nhận được hồ sơ khai báo. Hai chữ "Cấp ngay" hẳn được hiểu là cơ quan nhận hồ sơ sẽ không cần xét về nội dung hồ sơ, không cần biết các lời khai, các chứng từ có đúng hay không, công việc ấy sẽ làm sau. Cơ quan nhận hồ sơ chỉ cần kiểm soát xem, nếu có giấy tờ nộp đầy đủ, thiết lập đúng thể thức là cấp Biên nhận tạm ngay, không có quyền bất đương sơn chờ đợi.

Mục đích của nhà làm luật khi qui định sự "Cấp phát ngay" là nhằm bảo đảm quyền lợi cho người xin ra báo, tránh sự cố tình trì trệ của nhà cầm quyền.

(4) Điều 7 luật 1881: Avant la publication de tout journal ou écrit périodique, il sera fait au parquet du procureur de la République une déclaration contenant:

1- Le titre du journal ou écrit périodique et son mode de publication.

B.- TRƯỜNG HỢP NÀO TỪ CHỐI CẤP BIÊN NHẬN TẠM?

Vấn theo điều 7, nhà cầm quyền Hành Chánh chỉ có quyền từ chối cấp Biên nhận tạm trong những trường hợp sau đây:

- Hồ sơ thiếu sót
- Giấy tờ thiết lập không đúng cách.
- Có sự trùng hợp trên tờ báo với những hồ sơ nạp trước hay với những tờ báo đang xuất bản.

• Lý do từ chối: Theo qui chế cũ, việc cấp giấy phép ra báo thuộc thẩm quyền chuyên quyết của Bộ Thông Tin, nên mỗi khi i khước từ một hồ sơ. Bộ Thông Tin không cần phải giải thích và đương đơn cũng không có quyền buộc Bộ Thông tin nêu lý do của sự khước từ. Tình trạng ấy tất nhiên sẽ đưa đến sự lạm dụng quyền hành. Với sự ban hành Đạo luật 019/69, Bộ DVCH vẫn có quyền từ chối nhưng phải giải thích lý do. Vậy Bộ DVCH sẽ căn cứ vào những lý do nào để từ chối i hồ sơ?

a) Lý do hình thức: Theo điều 4, Bộ DVCH sẽ từ - chối cấp Biên nhận tạm đối với những hồ sơ thiết lập không đúng cách hoặc thiếu sót giấy tờ, hoặc tên tờ báo trùng hợp với một tờ báo khác như đã trình bày ở trên. Để khỏi làm mất thì giờ đương đơn, thiết - tưởng cơ quan tiếp nhận hồ sơ nên cho chủ nhiệm biết ngay để kịp thời sửa chữa, bỏ tức chứ không nên bắt đương đơn chờ đợi đúng l t h á n g Các thiếu sót về hình thức không thể được coi là một lý do để tước- đoạt quyền ra báo của một công dân.

b) Lý do nội dung: Lý do từ chối đúng nghĩa c ù a nó phải là lý do thuộc nội dung hồ sơ, nhà làm luật dành cho Bộ DVCH 1 tháng (kể từ ngày cấp Biên nhận tạm). Chính là để Bộ sở quan có

2- Le nom et la demeure du directeur de la publication et dans le cas prévu aux 2^e aliéna de l'article 6, du Co-directeur de la publi- cation.

3- L'indication de l'imprimerie où il doit être imprimé.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

thì giờ cứu xét nội dung tờ khai và các giấy tờ liên hệ. Hai trường hợp có thể xảy đến khiến Bộ DVCH từ chối không cấp biên nhận:

1/- Khi có sự gian dối trong lời khai, ngụy tạo giấy tờ. Thí dụ đương đơn đã nộp 1 giấy chứng chỉ cư trú giả mạo, chứng minh giả trá về thâm niên chức nghiệp hoặc có vết tẩy xoá trong Tư pháp lý lịch, v.v... Trong trường hợp này chẳng những hồ sơ bị khước từ mà người khai man trá hay giả mạo giấy tờ còn bị truy tố ra toà theo luật Báo chí và Hình luật.

2/- Tờ khai và các giấy tờ đính kèm đều đúng thật sự, nhưng Chủ nhiệm, Chủ bút, Quản lý hoặc một trong 3 người đã không hội đủ các điều kiện luật định.

Đoạn 3 : BIÊN LAI CHÍNH THỨC.

Sau khi cứu xét thành phần hồ sơ và được coi là hợp lệ, Bộ DVCH sẽ cấp phát cho người xin ra báo một "Biên lai chính thức" có giá trị xác nhận hồ sơ hợp lệ. Để bảo vệ quyền lợi của người xin ra báo đồng thời ngăn chặn sự lạm dụng của nhà cầm quyền, luật Qui chế báo chí buộc trong hạn 1 tháng kể từ ngày cấp biên nhận tạm. Bộ DVCH phải cấp biên lai chính thức và đương đơn có quyền ra báo kể từ ngày ấy. Quá hạn 1 tháng kể trên nếu Hồ DVCH không cấp biên lai chính thức mà cũng không ra quyết định từ chối, hồ sơ xin xuất bản báo đương nhiên được coi là hợp lệ.

• Hiệu lực của biên lai: Theo các điều 7, 8, và 9 của Luật 019/69, Bộ DVCH là cơ quan có thẩm quyền công nhận tính chất hợp lệ của các hồ sơ khai báo, chỉ khi nào bộ sở quan từ chối cấp biên lai và có khiếu nại của đương đơn, thẩm quyền ấy mới thuộc về Tối Cao Pháp viện (Ban Hành Chánh).

Để xác nhận sự hợp lệ, Bộ DVCH sẽ cấp biên lai chính thức. Trường hợp có từ chối và khiếu nại, bản án của Tối Cao Pháp Viện sẽ có hiệu lực thay thế biên lai chính thức của Bộ DVCH.

Ngoài ra, Biên lai (hay phán quyết của Tối Cao Pháp Viện) chỉ có hiệu lực trong 3 tháng. Quá 3 tháng, tờ báo không xuất bản,

hồ sơ sẽ đương nhiên mất hiệu lực. Vì luật không nói rõ, chúng ta có thể hiểu rằng hồ sơ sẽ còn hiệu lực miễn là chưa quá 3 tháng tờ báo đã xuất bản và không cần thiết xuất bản được bao nhiêu số, bao nhiêu định kỳ.

Theo điều 10, trong khi đang xuất bản, nếu một nhật báo ngừng xuất bản trong 2 tháng hay một tạp chí ngừng xuất bản trong 4 định kỳ liên tiếp, tờ báo hay tạp chí ấy sẽ bị coi như tự ý đình bản vĩnh viễn.

Giải thích điều này một cách chặt chẽ, chủ nhiệm nhật báo hay tạp chí sẽ tự thấy có quyền thỉnh thoảng ngừng xuất bản để cải tiến tờ báo miễn là đừng để vượt quá thời hạn ấn định mà thôi.

Đoạn 4 : THỂ THỨC ĐIỀU HÀNH.

Sau khi hồ sơ khai báo được công nhận hợp lệ và tờ báo hay tạp chí bắt đầu xuất bản, một số thể thức phải được thi hành. Các thể thức điều hành do luật báo chí đặt ra nhằm giúp cơ quan hữu trách có những dữ kiện cần thiết để kiểm soát và theo dõi tình hình sinh hoạt báo chí, đồng thời nó cũng giúp cho dân chúng dễ dàng hơn khi có việc giao dịch với tờ báo.

A.- CÁC ẤN HIỆU:

Theo điều 11, tờ báo phải ghi rõ các ấn hiệu sau:

- Danh tánh chủ nhiệm và quản lý.
- Riêng chủ bút có thể ghi bút hiệu.
- Địa chỉ báo quán.
- Tên và địa chỉ các nhà in.
- Giá bán lẻ, giá bán dài hạn.

Luật không minh thị chỉ định phải ghi các ấn hiệu trên ở đâu vào khoảng nào và ở trang báo thứ mấy. Theo thông lệ, các nhật báo thường công bố các ấn hiệu trên trang nhất, bên dưới nhãn báo; nhưng riêng danh tánh quản lý, tên và địa chỉ nhà in lại được in ở cuối trang chót. Về phía báo định kỳ, các ấn hiệu thường được ghi ở trang thứ hai sau trang bìa. Ngoài các ấn hiệu luật định, tờ báo vẫn có thể

ghi thêm nhiều chi tiết khác như cáo chi nhánh địa phương, các cơ sở quảng cáo, phát hành, danh sách toàn bộ phóng viên, bình luận gia, v.v

B.- NẠP BẢN.

Nạp bản là đem bản vớ (morasse) của tờ báo đệ nạp tại Bộ DVCH trước khi phát hành báo.

Đây là một nghĩa vụ của báo chí đã được áp dụng ngay từ thời Pháp thuộc.

Khởi thủy, điều 10 luật ngày 29-7-1881 qui định nạp bản báo chí tại Biện lý cuộc Tòa sơ thẩm sở tại (nơi nào không có tòa án phải nạp tại Tòa thị chính) (5). Sắc lệnh ngày 17-7-1946 sửa đổi bởi Sắc lệnh ngày 10-10-1961 ấn định nạp bản tại Nha Giám Đốc Quản thủ Văn Khố và Thư Viện. Nghị Định liên bộ Thông tin, Nội vụ số 151/BTT/NĐ ngày 26-6-1959 ấn định thêm thể lệ nạp bản tại hai Bộ Thông tin và Nội vụ. Với Đạo luật báo chí 019/69 hiện nay, thể lệ nạp bản được qui định lại trong điều 12 và 13 tóm lược như sau:

- o Trước khi phát hành mỗi tờ báo phải nạp:
 - a) Nếu xuất bản tại Saigon, Gia Định:
 - 10 bản cho Bộ DVCH
 - 02 bản cho Biện lý cuộc Tòa Sơ Thẩm
 - 02 bản cho Bộ Nội vụ
 - 02 bản cho Văn Khố quốc gia.
 - b) Nếu xuất bản ngoài Saigon, Gia Định:
 - 02 bản cho Cơ sở DVCH tỉnh
 - 02 bản cho Biện lý cuộc Tòa án sở tại
 - 02 bản cho Tòa Hành chánh Tỉnh, Thị Xã.

(5) Điều 10, luật 29-7- 1881: Au moment de la publication de chaque feuille ou livraison du journal ou écrit périodique, il sera remis au Paquer du Procureur de la République, ou à la mairie dans les villes où il n'y a pas de Tribunal de première instance, deux exemplaires signés du Directeur de la publication.

• Bản nạp phải có chữ ký và con dấu của Chủ nhiệm hay Quản lý. Ngoài ra còn phải khai rõ số lượng phát hành với Bộ DVCH hay cơ sở Dân Vận Chiêu Hồi Tỉnh, tùy theo nơi mà báo xuất bản.

• Nhật báo chỉ được đem ra khỏi nhà in 4 giờ (24 giờ đối với báo định kỳ) sau khi đã nạp bản. Khác với ND số 151/BTT/ND, báo chí bắt buộc phải nạp bản trong giờ làm việc của công sở, chỉ riêng nhật báo có thể nạp bản tới 20 giờ. Luật báo chí hiện hành không qui định nạp bản vào lúc nào trong ngày, như vậy phải chăng nhà làm luật muốn để cho các cơ quan nhất là Bộ DVCH tùy nghi lựa chọn một giờ nạp bản thuận tiện cho cả 2 phía.

TIẾT II :

Việc lưu hành báo-chí.

Lưu hành sản phẩm của mình là một vấn đề huyết mạch của báo-chí, một tờ báo sống vững hay chết yếu phần lớn tùy thuộc vào số độc giả mua báo nhiều hay ít.

Báo được quyền viết theo ý mình, nhưng nếu việc phân phối bị ngăn trở thì tự do ngôn luận có cũng như không. Luật Báo chí 019/69 đã dành hẳn một chương (Chương IV) với 3 điều khoản cho vấn đề phát hành. Ta phải công nhận rằng, pháp chế hiện hành đã ấn định một qui chế phát hành rất rộng rãi, vượt xa qui chế cũ.

Đoạn 1 : CÁC QUI CHẾ PHÁT HÀNH CŨ.

Ta lần lượt phân tích việc phát hành báo chí dưới thời Đệ I Cộng Hòa, qua thời Tướng lãnh và sau cùng là đề cập đến việc phát hành theo thể lệ hiện hữu.

A.- THỜI ĐỆ I CỘNG HÒA.

Việc phát hành được qui định trong ND266/ND/BTT ngày 12/12/1955 theo đó các thể nhân hay pháp nhân muốn phát hành báo chí phải

có giấy phép của Bộ Thông tin. Trên thực tế, từ 1955 đến ngày nền đê I Cộng Hòa sụp đổ, Bộ Thông tin chỉ cho phép một cơ sở phát hành hoạt động. Đó là nhà phát hành Thống Nhất của Hội Cựu chiến sĩ Vietnam. Chế độ độc quyền phát hành này một mặt nhằm nâng đỡ thành phần c ự u chiến binh. Mặt khác cũng mang lại sự ổn định và thống nhất đường lối của chính quyền. Nhưng về sau đã phát sinh nhiều tệ đoan như kỹ thuật vụng về, phân phối thiếu công bằng, thanh toán chậm trễ, báo chí độc lập bị chèn ép v.v...

B.- THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP.

Sau Cách mạng 1-11-1963, việc phát hành báo chí tương - đối được tự do hơn; điều kiện giấy phép của thời đê I Cộng Hoà chỉ áp dụng đối với những tư nhân muốn phát hành báo chí do người khác xuất bản. Đối với những người làm báo chuyên nghiệp nếu muốn phát hành tờ báo do mình xuất bản chỉ cần thiết lập hồ sơ khai báo. Như vậy, dưới thời kỳ Tướng lãnh việc phát hành báo chí được phân biệt thành h a i trường hợp:

1/- Trường hợp chủ báo tự phát hành:

Theo Sắc luật 10/64 ngày 30-4-1964, những Chủ nhiệm báo chí hợp lệ được quyền tự do tổ chức việc phát hành báo chí c ứ a mình, nhưng phải khai báo cho Bộ Thông Tin biết. Tuy nhiên Sắc luật không nêu rõ chi tiết về việc khai báo này.

2/- Trường hợp tư nhân phát hành:

Thê nhân hoặc pháp nhân muốn phát hành báo chí d o người khác xuất bản phải xin phép Bộ Thông Tin và đóng tiền ký quỹ là 500.000\$ 15 ngày trước khi hoạt động (điều 1, 2, 3 NĐ 402 ngày 14-7-1964). Đây là một hạn chế nhằm kiểm soát và ngăn ngừa những phần tử phản động xen vào phá hoại nội bộ làng báo. Vì vậy nên Nghị - Định còn định rõ, Bộ Thông tin chỉ cấp giấy phép sau khi đã được bộ Nội vụ điều tra và đề nghị với sự góp ý của Hội Đồng báo chí.

Trong thực tế, nạn độc quyền phát hành đã chấm dứt, nhiều cơ sở tự động thành lập mặc dù chưa được Bộ Thông Tin cấp giấy phép đ ể

hợp thức hóa. Trong khi đó, các hệ thống phát hành riêng của báo chí tuy tự do hoạt động nhưng trong phạm vi đô thành và vùng phụ cận.

Đoạn 2 : QUI CHẾ PHÁT HÀNH HIỆN HỮU.

Luật số 019/69 cũng phân biệt 2 trường hợp, các báo chí tự phát hành lấy và các cơ sở phát hành báo chí của người khác.

A.- TRƯỜNG HỢP BÁO CHÍ TỰ PHÁT HÀNH.

Theo điều 36, mọi thể nhân hay pháp nhân đều có quyền phát hành báo chí do chính mình xuất bản. Thủ tục duy nhất là thông báo 15 ngày trước khi hoạt động tại Bộ Nội vụ. Hồ sơ khai báo gồm những văn kiện sau:

(1) 1 tờ khai lập thành 3 bản có chữ ký của Chủ - nhiệm được thị thực và ghi rõ:

- Tên tờ báo
- Địa chỉ và cơ sở phát hành.

(2) Danh tánh của tất cả nhân viên phụ trách phát hành và các đại diện phát hành tại Đô, Tỉnh, Thị trên toàn quốc.

(3) Biên nhận đóng tiền ký quỹ tại Tổng Nha Ngân - Khố trong một Trường mục có lời:

- 5 triệu đồng đối với việc phát hành nhật báo
- 2 triệu 5 trăm ngàn đồng đối với việc phát hành tạp chí định kỳ.

Trường mục này do Chủ nhiệm, Chủ bút hoặc Quản lý đứng tên và đánh để việc bảo đảm việc thanh toán các ngân hình, án phí và bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo trong những bản án tuyên xử liên quan đến những vi phạm về phát hành.

B.- TRƯỜNG HỢP PHÁT HÀNH BÁO DO NGƯỜI KHÁC XUẤT BẢN.

Theo điều 37, trường hợp phát hành báo do người khác xuất bản hoặc phát hành hơn 1 tờ báo dưới hình thức tổ hợp, thể nhân hay pháp nhân phải có giấy phép của Bộ Nội vụ. Trong hồ sơ xin phép phải cho biết rõ:

- (1) Danh tánh người đứng đầu cơ sở phát hành
- (2) Tên các báo do cơ sở nhận phát hành
- (3) Địa chỉ trung ương cơ sở phát hành
- (4) Danh tánh tất cả nhân viên phụ trách phát hành tại Trung ương, các đại diện và địa chỉ các đại lý trên toàn quốc.
- (5) Biên nhận đóng tiền ký quỹ 50 triệu đồng tại Tổng Nha Ngân Khố trong một trương mục có lời.
- (6) Văn kiện chứng minh xuất xứ số vốn cả tiền ký quỹ.

TIẾT III :

Tổ chức nghề nghiệp báo chí

Tại các quốc gia tiên tiến Âu Mỹ, báo chí vì đã có một kinh nghiệm lịch sử lâu dài cộng với một sinh hoạt dân chủ vững chắc, các tổ chức nghề nghiệp báo chí đã đạt được mức độ chặt chẽ về phương diện tổ chức cũng như hành nghề. Hiệp hội báo chí Anh Quốc (Council Press) qui tụ hầu hết làng báo. Các hội viên tuyệt đối thi hành những quyết định chung của tổ chức, ngược lại tổ chức luôn luôn bảo vệ báo - chí trước bất cứ một áp lực nào của chính quyền. Mỗi khi chính quyền muốn lưu ý hoặc có biện pháp gì với một tờ báo đều phải qua Hội Đồng này. Tại Vietnam, tổ chức Hội Đồng Báo chí đã được qui định trong luật báo chí 019/69 (Chương V). Đây không phải là sáng kiến của nhà Lập pháp II Cộng Hòa. Sắc luật 10/64 ngày 30-4-1964 của Thủ Tướng Nguyễn - Khánh cũng đã dự liệu thành lập Hội Đồng Báo Chí. Sau đó một năm, một đại hội báo chí cũng đã được triệu tập để bầu Hội Đồng Báo chí, nhưng không được chính phủ công nhận nên thiếu căn bản pháp lý.

Sau đây ta tìm hiểu "tổ chức, thành phần và nhiệm vụ" của Hội Đồng báo chí theo Luật 019/69.

Đoạn 1 : TỔ CHỨC VÀ THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BÁO CHÍ.

Theo điều 39, Hội Đồng Báo chí do đại hội báo chí bầu lên có tư cách pháp nhân, Tuy nhiên, luật không ấn định rõ thành phần H ội i

Đồng báo chí mà chỉ dựa liệu trên nguyên tắc: "thành phần, chức vụ và số lượng hội viên trong Hội Đồng báo chí sẽ do đại hội báo chí quy định". Tìm hiểu ý chí của nhà Lập pháp trong khi quy định như vậy, ta nhận thấy phải chăng nhà lập pháp đã muốn dành cho cơ quan này một tư thế khách quan và độc lập.

* Đại hội báo chí: Theo điều 40, đại hội báo chí gồm có:

- Chủ tịch hoặc đại diện của ban Chấp hành các đoàn thể báo chí có tư cách pháp nhân (như Hội chủ báo, Nghiệp đoàn ký giả Việt Nam, Nghiệp đoàn ký giả Nam Việt, Hội ái hữu ký giả Việt Nam, v.v...)

- Chủ nhiệm các nhật báo và tạp chí đang xuất bản hợp lệ

- Một ký giả đại diện của mỗi nhật báo hay tạp chí đang xuất bản.

Ngoài ra, điều 40 lại ấn định luôn các điều kiện để được coi là ký giả:

"Ký giả là danh từ chỉ chung mọi người có nhận thù lao dưới mọi hình thức, cộng tác thường xuyên với các nhật báo, tạp chí định kỳ hoặc cơ quan thông tấn với tư cách đặc phái viên, biên tập viên, phóng viên, nhiếp ảnh, họa sĩ, dịch giả báo chí".

Ký giả phải có thể hành nghề do Chủ nhiệm các nhật báo tạp chí hay Giám đốc các cơ quan thông tấn cấp phát. Thể hành nghề phải được đăng ký tại Bộ DVCH.

Tuy nhiên, điều 40 không ấn định đại hội báo chí sẽ do ai triệu tập và triệu tập theo thể thức nào. Nhưng theo điều 41, Đại Hội Báo chí đầu tiên sẽ do Bộ DVCH triệu tập trong thời hạn 3 tháng sau khi luật này được ban hành.

Đoạn 2 : NHIỆM VỤ

Theo điều 39, Hội Đồng Báo Chí có nhiệm vụ đại diện chính thức cho báo giới, nghĩa là cho cả 2 giới Chủ nhiệm và Ký giả. Với nhiệm vụ đại diện này, một mặt Hội Đồng Báo Chí phải chấp hành nghiêm chỉnh những quyết định do làng báo đề ra, mặt khác điều hành và bảo vệ mọi quyền lợi cho ký giả.

Ngoài ra, Hội đồng Báo chí còn có nhiệm vụ chấp hành qui ước danh dự của Báo chí, tổ chức các lớp đào tạo và huấn luyện ký giả, giữ gìn kỷ luật trong báo giới và ấn định trừng phạt các vi phạm về kỷ luật. Sau cùng Hội đồng Báo chí có nhiệm vụ liên lạc với chính quyền để góp ý kiến về những vấn đề liên quan đến báo giới.

Điều luật không ấn định nhiệm kỳ của Hội đồng Báo chí là mấy năm. Nhà làm luật muốn dành cho Đại Hội Báo chí tự quyết định về việc này?

★

★ ★

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÁO CHÍ

Thông thường, một Đạo Luật về tự do ngôn luận của báo chí chỉ cần qui định các tội trạng mà báo chí có thể phạm phải. Các tội trạng ấy sẽ là giới hạn cho việc hành sử quyền tự do ngôn luận. Người làm báo sẽ căn cứ vào điều luật để hiểu rõ mình có quyền viết những gì, viết tới mức nào thì phải ngưng lại nếu không muốn bị hình phạt. Nhưng luật 019/69 và những điều khoản sửa đổi bởi Sắc luật 007/72 đã làm khác, các quyền hạn và trách vụ của báo chí được ghi bên cạnh nhau trong cùng một chương (Chương III). Quyền hạn chiếm 8 điều khoản, trách vụ chiếm 10 điều khoản. Thực ra, nội dung các điều khoản về quyền hạn cũng không có gì mới mẻ, giá trị của nó nếu có là để nhắc nhở nhà cầm quyền một sự tôn trọng đúng mức những điều không thể phủ nhận.

TIẾT I :

Quyền hạn của báo chí

Tự do là mục tiêu chính yếu của một chế độ dân chủ. Nhưng ai cũng biết, không một tự do nào có thể là tự do tuyệt đối. Tự do không phải là muốn làm gì thì làm. Tự do báo chí không phải là tự do phỉ báng, tự do mạ lỵ, tự do hô hào nhân dân nổi loạn, tự do đăng tải những tin tức, hình ảnh khiêu dâm, v.v... Mặt khác, ngày nay ảnh hưởng của báo chí càng ngày càng rộng lớn. Vì vậy vấn đề đặt ra là nhà báo phải hành sử quyền hạn của mình sao cho không thẹn với lương tâm và tôn giáo khuôn khổ luật định. Nói khác đi, người làm báo phải ý thức được quyền hạn của mình để thấy rõ con đường phải theo.

Đoạn 1 : QUYỀN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN.

Theo điều 21, báo chí được tự do thông tin và nghị luận miễn là sự hành sử quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc gia hay thuần phong mỹ tục. Điều này chỉ là một sự lặp lại nguyên văn của điều 12 Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1-4-1967. Hơn nữa nó cũng chỉ là nguyên tắc thông thường trong chế độ dân chủ, tự do của người này phải dung hợp với quyền lợi của người khác. Nếu nguyên tắc ấy có vẻ mơ hồ, oo dãn, thiết tưởng chúng ta cũng không thể đòi hỏi ở nhà làm luật một sự xác định nào rõ rệt hơn. Vì vậy, trong tương lai quyền tự do thông tin, nghị luận của báo chí sẽ được thể hiện như thế nào trong thực tế, điều này chẳng những chỉ tùy thuộc vào phán quyết của toà án và nhất là vào ý thức tiết chế của báo chí, thái độ can đảm của chính quyền.

Đoạn 2 : QUYỀN BẢO VỆ BÍ MẬT NGUỒN TIN.

Dù điều 22 qui định một cách long trọng: "Báo chí có quyền bảo vệ bí mật mọi nguồn tin tức". Ai cũng biết đối với người làm báo nói chung, phóng viên báo chí nói riêng, việc bảo vệ bí mật nguồn tin vừa là một qui tắc danh dự vừa là một kinh nghiệm để hành nghề. Muốn có nhiều tin riêng thuộc loại tin quan trọng gây cần, phóng viên cần bảo đảm an toàn cho những người cung cấp nguồn tin. Thiếu sự bảo đảm ấy chắc chắn chỉ còn rất ít người dám cung cấp tin tức cho báo chí.

Đây cũng là một qui tắc hành nghề được long trọng xác - nhận trong bản Hiến chương báo chí thế giới 1918 (6). Biến một qui tắc hành nghề của báo chí thành một điều luật, các nhà lập pháp đã miễn nhiên chấp nhận sự bảo vệ bí mật nghề nghiệp của báo chí là cần thiết và hợp lý.

(6) Xem nguyên văn tại phần "Phụ Lục"

Đoạn 3 : QUYỀN KHÔNG BỊ ĐÌNH BẢN ĐỘT NGỘT

A.- Thăm quyền đình bản:

Báo chí không thể bị đình bản bởi những chế tài Hành - Chánh.

Theo điều 18, báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hoặc vĩnh viễn nếu không có quyết định của cơ quan Tư Pháp. Khi nói đến quyết định của cơ quan Tư pháp, báo chí hiểu rằng ngòi viết của mình sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Mọi trường hợp vi phạm sẽ được xét xử theo thủ tục pháp lý trong đó có quyền biện minh của báo chí. Đây là một điều khoản tiên bộ và tôn trọng nguyên tắc tự do ngôn luận của người cầm bút. Nếu không có điều 18 minh thị thì việc bãi bỏ chế độ kiểm duyệt chỉ là con dao 2 lưỡi của nhà cầm quyền Hành chánh. Tuy nhiên theo điều 19 (đã được sửa đổi bởi sắc luật 007/72), quyền không bị đình bản đột ngột của báo chí có vài biệt lệ theo đó cơ quan Hành-Chánh có quyền tịch thu và đóng cửa tờ báo nào vi phạm 1 trong 2 trường hợp:

- Đã bị tịch thu lần thứ hai cùng một lý do là xâm phạm an ninh quốc gia hay trật tự công cộng.

- Công khai hay lén lút đưa báo ra khỏi nhà in trước khi ở phát hành. Tăng trữ hoặc in thêm những báo đã bị tịch thu.

Mặc dù 2 trường hợp nêu trên sẽ phải được xét xử trước tòa, nhưng nhà làm luật cũng đã dành cho nhà cầm quyền Hành chánh một quyền hạn khá rộng rãi, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống tinh thần và vật - chất của nhà báo.

B.- Trường hợp đình bản:

Theo điều 48, quyết định đình bản chẳng những do Tòa án (trừ 2 trường hợp nêu trên) mà hơn nữa chỉ có thể xảy đến cho báo chí trong 3 trường hợp tội phạm:

1/- Báo chí phạm tội xúi giục người khác phạm các trọng tội và khinh tội.

2/- Báo chí phạm tội phổ biến luận điệu, tin tức làm phương hại nền an ninh quốc gia, trật tự công cộng, kinh tế quốc gia gây chia rẽ tôn giáo, sắc dân, địa phương và làm suy giảm tinh thần chiến đấu của quân đội.

3/- Báo chí phạm tội phổ biến tin tức đề cao chủ nghĩa Cộng sản hoặc Trung lập thân Cộng.

Ngoài ba tội phạm trên đây, báo chí không thể bị đình bản vì các tội phạm khác. Thí dụ một tờ báo bị phạt vì tội phỉ báng Chủ nhiệm có thể lãnh án tù, nhưng tờ báo vẫn tiếp tục được xuất bản. So với Sắc luật 2/64 và Sắc luật 10/64, điều 18 này được coi như là tiến bộ hơn nhiều. Thực vậy, theo 2 Sắc luật trên, Toà án có thể ra lệnh đình bản có thời hạn vĩnh viễn tờ báo hay tạp chí phạm pháp (điều 13 - SL 2/64). Bộ Thông tin được quyền đình bản tạm thời những tờ báo xét ra đã bị Cộng sản, tay sai thực dân, Trung lập thân Cộng lũng đoạn hoặc những tờ báo xét ra nguy hại đến an ninh quốc gia,... (điều 23 - SL 10/64). Tuy nhiên, báo chí vẫn cảm thấy phải "đề phòng" vì riêng ba tội qui định tại điều 48 của Luật 019/69 nêu trên có một phạm vi rất rộng rãi và mơ hồ.

Đoạn 4 : NHỮNG BÁO ĐÁM KHI BỊ TỊCH THU.

Những báo đấm này, nhằm thảo mãn quyền lợi tinh thần và vật chất của nhà báo. Theo điều 19, báo chí có thể bị tịch thu trướcchay trong khi đang lưu hành và trong 3 trường hợp:

A.- Trường hợp tịch thu:

Tiêu chuẩn để cơ quan Hành chánh tịch thu được tóm lược vào trong 3 trường hợp và chỉ cần vi phạm một trong ba trường hợp này cũng có thể bị tịch thu:

- Phương hại đến An ninh quốc gia
- Gây rối trật tự công cộng
- Xúc phạm thuần phong mỹ tục

B.- Thẩm quyền tịch thu:

Thẩm quyền tra lệnh tịch thu thuộc về Bộ Nội Vụ đối với báo chí xuất bản tại Saigon - Gia Định và thuộc Tỉnh trưởng đối với các báo xuất bản ngoài Saigon - Gia Định. Do đó, việc tịch thu các báo xuất bản tại Saigon - Gia Định lưu hành ở địa phương đương nhiên thuộc thẩm quyền Tỉnh trưởng sở tại.

C.- Những bảo đảm:

Trong trường hợp báo chí bị tịch thu, điều 19 và 20 dự liệu những bảo đảm sau đây:

1/- Chậm nhất là 8 ngày sau khi tịch thu, các nhà chức trách đã ra lệnh tịch thu phải khởi tố tờ báo trước tòa án Hình sự có thẩm quyền. Riêng trường hợp vi phạm các điều 27, 28, 29 về tội xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, phải truy tố tại Tòa án quân sự mặt trận.

2/- Trong khi chờ phán quyết của Tòa án, Chủ nhiệm của tờ báo bị tịch thu vẫn có quyền xuất bản tiếp tục tờ báo của mình.

3/- Nếu sau đó, tờ báo được Tòa án tha bổng, Chủ nhiệm của tờ báo có thể, ngay tại phiên tòa ấy, phản tố đòi bồi thường thiệt hại. Bồi khoản phải tương đương với số thiệt hại và do công quỹ gánh chịu.

Đoạn 5 : QUYỀN TRÍCH DỊCH

Theo điều 25, báo chí không thể bị truy tố nếu trích dịch những số nhật báo và tạp chí ngoại quốc đã được phép lưu hành tại Việt Nam miễn là trích dịch trung thực và ngay tình. Trước đây vấn đề trích dịch báo chí ngoại quốc đã được nêu lên nhiều lần giữa bộ Thông Tin và báo chí trong nước. Nhiều tờ báo đã bị đóng cửa hay cảnh cáo vì dịch và đăng bài của các báo như Newsweek, Times, Daily Telegraph, Paris Match, v.v... Giới hữu trách đã căn cứ vào điều 27 luật 1881 theo đó: "Sự công bố, sự quảng bá hay thuật lại các tin tức thất -

thiệt, xuyên tạc, v.v... đều có thể bị trừng phạt (7).

Trích dịch tức là thuật lại, khi trích dịch báo chí ngoại-quốc, tờ báo, mặc nhiên đã có sự lựa chọn và chính sự lựa chọn này, là yếu tố tạo ra trách nhiệm. Lời giải thích như vậy không phải hoàn toàn vô lý, nhưng điều có thể làm cho báo chí thắc mắc là trong khi tờ báo trích dịch bị đóng cửa thì số báo xuất xứ bản tin hay bài báo lại được công khai bày bán cho công chúng mua đọc.

Sự trích dịch báo chí ngoại quốc vẫn bị ràng buộc vào 2 điều kiện "trung thực" và "ngay tình" được ghép liền với nhau. Quả thật là một tiêu chuẩn rắc rối. Hoặc giả nhà làm luật không cho phép một sự trích dịch quá "trung thực" hay chẳng? Vì biết đâu sự trung thực quá mức lại bị ghép vào tội thiếu "ngay tình".

Điểm thứ hai cần lưu ý là việc trích dịch chỉ được miễn trách nhiệm đối với số báo ngoại quốc được phép lưu hành tại Vietnam, chứ không phải đối với tất cả mọi số báo của một tờ báo. Có những tờ báo ngoại quốc vẫn được nhập cảng điều hòa, nhưng bất chợt một số nào đó bị cấm lưu hành và nhà báo không có quyền trích dịch. Sau chót, quyền trích dịch chỉ áp dụng đối với báo chí ngoại quốc. Điều 25 nêu trên không đề cập đến quyền trích dịch các bản tin của các hãng thông tấn và đài phát thanh ngoại quốc. Như vậy khi trích dịch bản tin của các thông tấn UPI, AP, AFP, Reuter, v.v... hoặc của các đài phát thanh VOA, BBC ... thì vấn đề trách nhiệm sẽ được quan niệm như thế nào? Phải chăng đây là một sự sơ sót của các nhà làm luật Báo Chí 019/69.

(7) Điều 27 : La publication, la diffusion ou la reproduction par quelque moyen que ce soit, de nouvelles fausses, de pièces fabriquées, falsifiées ou mensongèrement attribuées à des tiers, lorsque, faites de mauvaise foi, elle aura troublé de paix publique ou aura été susceptible de l'être et d'une amende de 20.000 à 20.000.000 de Francs, ou de l'une de ces deux peines seulement.

TIẾT II:

Trách nhiệm của báo chí

Trách nhiệm và quyền hạn của báo chí được luật qui định song song với nhau trong chương III. Thực ra, nhiệm vụ của báo chí thường mang nhiều đặc tính trừu tượng hơn là cụ thể. Thông thường khi nói đến nhiệm vụ, người ta thường không nghĩ đến sự cưỡng hành hay trừng phạt, vì nó thuộc lãnh vực "lương tâm chức nghiệp". Trách nhiệm của báo chí buộc báo chí phải tôn trọng 2 giới hạn:

- Giới hạn của quyền tự do ngôn luận
- Giới hạn của quyền tự do thông tin.

Đoạn 1 : NHỮNG GIỚI HẠN CỦA QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN.

Lý do của sự giới hạn tự do ngôn luận, một mặt giúp cho nhà báo nhận ra trách vụ của mình, mặt khác nhằm bảo vệ quyền lợi của quốc gia xã hội và của người khác mà sự lạm dụng quyền tự do báo chí có thể xâm phạm đến.

A.- Những giới hạn trong việc phê bình, chỉ trích.

Theo điều 24, báo chí có quyền phê bình chỉ trích chính sách kế hoạch của chính quyền miễn là không nhằm mục đích tuyên truyền cho Cộng sản hay trung lập thân Cộng.

Tren địa hạt báo chí, các bài báo phê bình chỉ trích được xếp vào loại nghị luận, phần tin tức thường chỉ có tính cách phản ảnh sự kiện. Trái lại, các bài nghị luận luôn luôn phản ảnh biểu lộ một khuynh hướng, một quan điểm. Đối với các tin tức, luật lệ có thể căn cứ vào yếu tố trung thực chính xác để trừng phạt các bản tin thất thiệt, xuyên tạc.

Song đối với các bài báo tỏ bày quan điểm, khuynh hướng người ta chỉ có thể hoặc tán đồng hoặc bác bỏ. Sự tán đồng hay bác bỏ ấy hoàn toàn là một thái độ chủ quan tùy thuộc vào quan niệm của mỗi cá

nhân. Nhà làm luật không thể dựa vào một tiêu chuẩn khách quan nào để dung nạp khuynh hướng này hay trừng phạt quan điểm khác. Các tội phạm về quan điểm và khuynh hướng (delits d'opinion) thường chỉ được dự liệu ở một chế độ phủ nhận tự do báo chí.

Đạo luật ngày 29-7-1881 của Pháp (được áp dụng tại Vietnam) được coi như 1 đạo luật về tự do ngôn luận đầu tiên trên thế giới vì nó đã bác bỏ tất cả các tội phạm về "quan điểm và khuynh hướng". Nhà làm luật 019/69 cũng đã tỏ ra mạnh dạn không kém. Thực vậy, sự phê bình chỉ trích chính quyền chẳng những không bị qui thành tội mà còn được công nhận là một cái quyền của báo chí. Tuy nhiên, theo điều 24, các bài báo phê bình chỉ trích phải nhằm vào chính sách và kế hoạch, nghĩa là không được nhắm vào cá nhân. Hơn nữa vì bị lý do chiến tranh quyền phê bình chỉ trích lại bị giới hạn thêm bởi điều kiện "không nhằm mục đích tuyên truyền cho Cộng sản hay Trung lập thân Cộng".

Điều đáng lưu ý ở đây là nhà làm luật đã qui định điều kiện 1 cách rõ ràng. Muốn kết tội báo chí khi họ phê bình chỉ trích chính quyền, tòa án sẽ không căn cứ vào hậu quả bài báo; bài báo chỉ trích chính quyền có thể được Cộng sản đem ra khai thác, nhưng người làm báo sẽ không bị kết tội nếu họ không nhằm mục đích "Tuyên truyền cho Cộng sản hay Trung lập thân Cộng". Ba chữ "nhằm mục đích" bao hàm sự dụng tâm, sự chí tình của người viết bài. Với cách hành văn rõ - ràng như vậy, nhà làm luật đã thẳng thắn gạt bỏ lối suy diễn rộng rãi mà các cơ quan hữu trách trước đây đã dùng để buộc tội những tờ báo xé t ra làm lợi cho Cộng sản.

B.- Những giới hạn nhằm bảo vệ danh dự cá nhân.

Theo điều 1 (khoản 2): "... sự hành sử quyền tự do báo chí không được phương hại đến danh dự cá nhân, ...". Vậy danh dự cá nhân là gì? Thông thường, mỗi khi làm giảm giá trị tinh thần của một người là phạm đến danh dự cá nhân người đó. Thực khó đánh giá danh dự của một người. Cá nhân nào cũng có quyền bảo toàn danh dự của mình dù có một người khác cho rằng cá nhân ấy đã không xứng đáng với danh - dự của nó. Nhưng khi nào thì được coi là phạm danh dự cá nhân của người khác? Luật báo chí hiện hành minh thị trừng phạt tội trên khi dùng hình thức "mạ lý" và "phỉ báng" bằng phương tiện báo chí.

1/- Tội mạ lỵ: Theo luật 1881 và luật 019/69, tội mạ lỵ gồm 4 thành tố:

- Dùng lời lẽ có tính cách lăng nhục sỉ vả mà không cần một chi tiết nào.
- Nhằm vào 1 cá nhân, 1 cơ quan không cần nêu đích danh, miễn là có thể nhận ra cá nhân hay cơ quan ấy.
- Tính cách công khai (in trên báo chí, bày bán).
- Ý định phạm tội.

2/- Tội phỉ báng: Theo điều 30: "Đều coi là phỉ báng mọi sự ám chỉ tường thuật hay qui trách một hành vi hay sự kiện làm tổn thương danh dự hoặc uy tín của một cá nhân hay một cơ quan đoàn thể".

Vậy không được xâm phạm danh dự cá nhân có nghĩa là không được dùng phương tiện báo chí để mạ lỵ phỉ báng người khác. Tuy nhiên, luật minh thị cho phép trong một số trường hợp, báo chí được quyền "dẫn chứng" để biện minh cho tội phỉ báng mạ lỵ của mình.

a Vấn đề dẫn chứng: Báo chí có quyền chứng minh, nếu bị truy tố về tội mạ lỵ phỉ báng, tính chất xác thực của sự việc đề bào chữa? Trên nguyên tắc, điều 31 chấp nhận cho báo chí được quyền dẫn chứng. Một tờ báo phỉ báng ông A can vào tội biến thủ công quỹ. Trước tòa, tờ báo có quyền đưa ra các giấy tờ và chứng tỏ rõ nguyên đơn đã thực sự nhúng tay vào vụ biến thủ, nếu sự dẫn chứng có kết quả, tờ báo sẽ được tha bổng. Tuy nhiên, luật cấm chỉ sự dẫn chứng trong những trường hợp sau:

- a) Trường hợp phỉ báng Tổng Thống, Phó Tổng Thống VNCH hay người thay quyền.
- b) Trường hợp phỉ báng Quốc Trưởng, Đại Sứ các quốc gia có liên lạc ngoại giao với Vietnam Cộng Hòa.
- c) Sự kiện liên quan đến đời tư cá nhân.
- d) Sự kiện đã xảy ra từ 10 năm.
- e) Tội phạm đã được đại xá hay thời tiêu hoặc bản án xử phạt đã được thủ tiêu bởi sự phục hồi công quyền hay tái thẩm.

C.- Những giới hạn nhằm bảo vệ an ninh quốc gia.

Nếu để cho sự tự do phổ biến những bài báo xúi giục phạm tội, xúi giục lật đổ chế độ, v.v... thì có thể xảy ra rối loạn xã hội. Ấn định rõ những gì bị cấm đoán, những gì được phép trong các lãnh vực trên không phải là một sự dễ dàng. Luật pháp không thể trừu tượng tất cả mọi chi tiết mà chỉ đưa ra những sự kiện tổng quát.

1/- Bảo vệ an ninh quốc gia, kỷ luật quân đội, đoàn kết dân tộc.

Theo điều 27 và 28, tội phạm an ninh quốc gia gồm có an ninh quốc nội và an ninh quốc ngoại. Trong lãnh vực này, luật phân biệt:

a) Tội xúi giục: Không được dùng báo chí để xúi giục.

- Người khác phạm tội an ninh quốc gia hoặc bắt cứ một trọng tội hay một khinh tội nào khác.

- Quân nhân bất tuân kỷ luật quân đội.

- Đề cao những tội phạm trên.

b) Tội phổ biến tin tức có hại: Không được dùng báo chí để phổ biến tin tức, luận điệu phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng, kinh tế tài chính hoặc làm suy giảm kỷ luật quân đội gây chia rẽ tôn giáo, sắc dân, địa phương. Yếu tố quan trọng ở đây là sự "dung ý". Dung ý là cố ý không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu đã nhiều lần phổ biến những tin tức và luận điệu bị trách cứ thì sự dung ý càng thêm rõ ràng. Trái lại nếu chỉ là vô ý, ngay tình thì không có yếu tố dung ý.

2/- Bảo vệ thể chế: Điều 4 Hiến pháp VNCH qui định: "Việt Nam Cộng Hòa chống lại chủ nghĩa Cộng sản dưới mọi hình thức". Điều 29 luật báo chí cấm "không được dùng báo chí phổ biến các tin tức tài liệu và luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của Cộng sản hoặc Trung lập thân Cộng". Như vậy điều 29 luật báo chí có phạm vi rộng lớn hơn điều 4 Hiến pháp vì đã cấm thêm sự phổ biến tin tức luận điệu nhằm đề cao "trung lập thân Cộng".

Trung lập không thân Cộng sản có bị cấm đoán không? Theo nguyên tắc giải thích chặt chẽ hình luật thì "không". Thế nào là trung lập thân Cộng? Trong số các quốc gia phi liên kết, có những quốc gia theo Cộng sản chủ nghĩa như Nam Tư, có những quốc gia theo chủ nghĩa xã hội riêng biệt. Vậy phải phân biệt theo tiêu chuẩn nào?

D.- Những giới hạn nhằm bảo vệ thuần phong mỹ tục.

Giới hạn này được qui định tại điều 12 Hiến pháp và các điều 1 và 35 của luật báo chí. Ý niệm về thuần phong mỹ tục có thể được quan niệm một cách rộng hay hẹp? Có quan niệm cho rằng khai thác trên mặt báo chí những tội đại hình, xấu xa cũng là phạm thuần phong mỹ tục. Quan niệm này đã đồng hóa việc bảo vệ thuần phong mỹ tục với việc bảo vệ xã hội. Quan niệm rộng rãi như vậy có thể đưa tới sự lạm quyền và độc đoán, hạn chế tự do báo chí một cách khắt khe. Vì vậy phải ấn định rõ ràng phạm vi của thuần phong mỹ tục. Thành tố quan trọng nhất là tính cách "công khai" của tội trạng. In trên báo chí, bày bán các tài liệu tục tũn là có tính cách công khai rồi. Điểm cần lưu ý là các tài liệu có tính cách giáo dục mỹ thuật không rơi vào phạm vi của luật báo chí và Hình luật.

E.- Những giới hạn nhằm bảo vệ công quyền.

Ngoài sự bảo vệ danh dự cá nhân của mọi người dân, luật báo chí còn trừng phạt sự mạ lỵ và phỉ báng một số cơ chế quốc gia, và một số chức vụ công quyền. Điều 32 và 33 cấm không được dùng báo chí để mạ lỵ hay công khai phỉ báng:

- Tổng thống, Phó Tổng thống VNCH hay người thay quyền.
- Quốc trưởng, đại diện các quốc gia có liên lạc ngoại giao với VNCH.
- Các cơ quan dân cử, đoàn thể công lập.
- Các Dân biểu, Nghị sĩ, Thẩm phán Tối Cao Pháp viện, nhân viên chánh phủ.

Cũng cần nhắc lại là đối với những chức vụ và nhân viên kể trên, không được phép dẫn chứng để biện minh.

F.- Những giới hạn nhằm bảo vệ giao hảo quốc tế:

Luật báo chí tuy không cấm phê bình chỉ trích chính sách đối ngoại, đối nội của các đại diện quốc gia có liên hệ hay không liên hệ ngoại giao với VNCH. Vì nếu như vậy là vi phạm trọng tự do báo chí. Nhưng muốn giữ mối giao hảo giữa các quốc gia nhất là những quốc gia có liên hệ ngoại giao, luật chỉ cấm dùng báo chí mạt ly hoặc công khai phỉ báng các Quốc trưởng hoặc đại diện ngoại giao của các quốc gia bạn.

Đoạn 2 : NHỮNG GIỚI HẠN CỦA QUYỀN TỰ DO THÔNG TIN.

Một trong những đặc tính của một nguồn tin có giá trị là sự xác thực. Nhưng sự xác thực ở đây không đồng nghĩa với việc bắt buộc phải phổ biến mọi chi tiết của nguồn tin tức đến nơi vi phạm quyền tự do của người khác. Việc thông tin vì vậy thường bị giới hạn trong một số lãnh vực để thỏa mãn nhu cầu an ninh công cộng và bảo vệ cho việc hành sử nhiệm vụ của các cơ quan công quyền.

A.- Việc thông tin Tòa án.

Tin toà án giữ một phần quan trọng trên các nhật báo. Nhiều vụ án đã được dư luận theo dõi chăm chú hoặc do tư cách của các bị can hoặc do tầm quan trọng của vụ phạm pháp. Báo chí thường cử phóng viên chuyên lo thu thập, theo dõi và cung cấp loại tin này.

Theo điều 34, báo chí không được công bố bản cáo trạng hay giấy tờ thủ tục thuộc các vụ Hình sự trước khi các văn kiện này được công khai đọc trước phiên toà. Việc cấm đoán này nhằm bảo vệ sự tiến triển và vô tư trong việc điều tra, thẩm vấn.

Không được đăng tải các tin tức có tác dụng ảnh hưởng đến sự xét xử vô tư của toà án.

Không được tường thuật các cuộc tranh luận tại Tòa liên quan đến những tội phỉ báng, mạt ly, ly hôn, ly thân, v.v... Mục đích

của sự cảm đoán này nhằm bảo vệ danh dự cá nhân và sự an lạc gia đình.

Lại nữa, nhà làm luật thấy rằng, nếu để cho một số tài liệu tiết lộ quá sớm, công luận có thể xúc động bàn tán, ảnh hưởng làm lạc đến những sự xét xử của các vị thẩm phán.

B.- Tường thuật những cuộc tranh luận tại diễn đàn Quốc-Hội

Theo điều 23, báo chí không thể bị truy tố khi tường - thuật hay đăng tải trung thực và ngay tình:

- Các cuộc thảo luận công khai tại diễn đàn hay các Ủy - ban Quốc-Hội.
- Các lời tuyên bố về quan điểm chính trị của các vị dân biểu, nghị sĩ.
- Các bài tham luận, thuyết trình hay phúc trình đã được đọc trong các phiên họp công khai của Quốc hội hoặc mọi văn kiện không có tính cách mật hay kín đã được Quốc hội chính thức phổ biến.

Ta nhận thấy nhà làm luật đã miễn hẳn cho báo chí trách nhiệm hình sự về nội dung các loại tin tức và tài liệu liệt kê trong điều 23 kể trên. Rất có thể các cuộc thảo luận, các lời tuyên bố hay bài thuyết trình ấy chứa đựng một nội dung phạm pháp. Song cơ quan tư pháp không thể truy tố tờ báo được nếu tờ báo đã tường thuật hay đăng tải "ngay tình" và "trung thực".

Điều 23 chẳng khác nào một biệt lệ của điều 21, vì theo điều 21, báo chí có quyền tự do thông tin, nhưng lại phải chịu trách nhiệm nếu bản tin phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc gia và thuần phong mỹ tục. Nói cách khác, nếu một Dân biểu tuyên bố phỉ báng nặng nề một nhân vật trong chính phủ. Tờ báo đăng tải trung thực và ngay-tình lời tuyên bố giạt gân ấy vẫn không thể bị truy tố. Trái lại nếu lời lẽ phỉ báng trên đây do một người khác không phải Dân biểu, Nghị sĩ nói, tờ báo thuật lại nguyên văn vẫn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Một cuộc thảo luận tại Quốc hội dù sôi nổi đến đâu cũng khó gây được tiếng vang và áp lực mạnh mẽ nếu không được tường t h u ậ t nhanh chóng và rộng rãi trên báo chí. Vì vậy dưới khía cạnh này, nếu

Quốc hội gia tăng quyền hạn cho báo chí cũng có nghĩa là quốc hội tăng cường uy thế của chính mình.

C.- Trách nhiệm trả lời đính chính:

Báo chí khi loan tin và nghị luận có thể đã dựa vào những dữ kiện sai lầm hoặc nêu lên những sự việc mơ hồ gây ngộ nhận cho độc giả. Trường hợp một người bị liên hệ trong một bài báo, người ấy có thể khiếu tố trước Tòa án, tờ báo có thể bị xử phạt và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Nhưng vụ án sẽ còn kéo dài và trong khi chờ đợi tòa xét xử, bản tin hay bài báo sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tai hại trong dư luận. Gặp trường hợp trên, điều cần thiết cho người trong cuộc là gióng lên một tiếng chuông thứ hai để làm sáng tỏ sự thật, chính vì mục đích này mà luật lệ đã dành cho mỗi công dân cái quyền được đòi hỏi nhà báo phải đính chính bằng cách đăng tải bài trả lời trên mặt báo. Trách vụ trả lời của báo chí được qui định tại điều 26 luật 019/69.

Theo luật 1881 của Pháp, hai trường hợp được phân biệt: khi nhân viên công quyền sử dụng thì quyền trả lời được gọi là đính chính (Redification) và thể lệ cũng khác. Luật báo chí hiện hành trái lại, xếp cả 2 quyền "trả lời và đính chính" vào một điều luật chung, không ấn định một biệt lệ nào cho các cơ quan hay nhân viên chính quyền.

1/- Trường hợp nào phải trả lời.

Thế nhân hay pháp nhân bị nêu đích danh hay bị ám chỉ một cách không thể làm lẫn với người khác trong bài báo, có quyền buộc chủ nhiệm phải đăng miễn phí bài trả lời hoặc bài đính chính của mình trên báo đó. Cũng có khi chưa có lời yêu cầu, nhà báo vì nhận thấy sự sai lầm của mình tự ý cho đăng bài đính chính.

2/- Thời gian và cách thức trả lời.

(1) Thời gian trả lời: Chủ nhiệm tờ báo phải đăng tải bài trả lời hay đính chính trên 1 trong 3 số báo phát hành sớm nhất kể từ ngày nhận được bài đó. Riêng đối với tạp chí, sự đăng tải phải thực hiện trên 1 trong 2 số báo xuất bản sớm nhất kể từ ngày nhận được bài trả lời hay đính chính.

• Biệt lệ khi có bầu cử: Trong vòng 24 giờ sau khi nhận được bài trả lời hoặc đính chính tờ báo phải đăng tải ngay. Về mặt kỹ thuật những bài yêu cầu đính chính trả lời được gửi đến tòa báo 6 giờ đồng hồ trước khi nộp bản.

Điều luật chỉ dự liệu thời hạn phải đăng bài trả lời hoặc đính chính mà không ấn định trong thời hạn bao lâu quyền trả lời và đính chính phải được sử dụng.

(2) Cách thức trả lời: Theo điều 26 (đoạn 3), bài trả lời hoặc đính chính phải được đăng nguyên văn cùng cột, cùng cỡ chữ tại trang đã đăng bài báo trước, nhưng không được dài quá 2 lần bài báo trước tính theo số chữ.

(3) Trường hợp không trả lời: Nếu tờ báo không chịu đăng bài đính chính hay trả lời hoặc đăng không đúng thời hạn và cách thức, nạn nhân có quyền khởi tố tờ báo tại Biện lý cuộc và Tòa án bắt buộc phải xử trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận đơn (trong vòng 24 giờ khi có bầu cử).

Tuy nhiên nhà báo có quyền từ chối không trả lời nếu bài trả lời không do người trực tiếp liên hệ gửi đến. Thí dụ em gửi bài trả lời thay cho anh, cơ quan này thay cho cơ quan kia.

Nhà báo cũng có quyền từ chối nếu bài trả lời không theo đúng thể thức luật định. Thí dụ bài trả lời dài quá 2 lần bài nguyên thủy.

Ngoài ra, tờ báo cũng có quyền căn cứ vào nội dung để từ chối đăng bài trả lời. Thí dụ bài trả lời đề cập đến những điều không liên quan gì đến bài báo nguyên thủy. Trường hợp này không được luật lệ giải đáp nhưng thực tế có thể gây cho báo chí nhiều khó khăn. Đôi khi bài trả lời, đính chính được dùng để phỉ báng một đệ tam nhân hay để cổ vũ cho một khuynh hướng chính trị mà sự công bố sẽ bị trừng phạt.

TIẾT III :

**Tội phạm báo chí - Biện pháp
chế tài - Thẩm quyền xét xử và
Thủ tục truy tố.**

Về phương diện Hình luật, tội phạm báo chí là những tội hình thông thường (thường tội) hay là những tội đặc biệt: Chửi rủa mạ lỵ hàng xóm không thể so sánh với việc in lời chửi rủa ấy trên báo chí. Vì đăng trên báo chí có sự phổ biến rộng lớn. Phỉ báng bằng văn thư cũng không thể so sánh với sự phỉ báng trên báo chí. Vì vậy thông thường những tội phạm báo chí được xếp vào trường hợp gia trọng.

Tuy nhiên, vì tính chất cũng như ảnh hưởng đặc biệt của báo chí đòi hỏi một sự trừng phạt đặc biệt, khi thì khắc nghiệt khi thì dễ dãi so với thường tội.

Đoạn 1 : TỘI PHẠM BÁO CHÍ VÀ NHỮNG BIỆN
PHÁP CHẾ TÀI.

A.- TRONG LÃNH VỰC XUẤT BẢN BÁO CHÍ.

Theo điều 3, trước khi muốn xuất bản, tờ báo phải lập thủ tục khai báo hợp lệ tại Bộ DVCH. Vi phạm điều này có nghĩa là xuất bản báo chí mà không khai báo hoặc có nạm hồ sơ khai báo nhưng bị từ chối cấp biên lai chính thức, hoặc đơn khiếu nại bị Tối Cao Pháp viện bác khước mà vẫn tự động xuất bản báo chí.

Theo điều 45, sự vi phạm này sẽ bị phạt từ 6 tháng đến 3 năm tù và phạt vạ từ 500.000 đồng đến 5 triệu đồng hoặc 1 trong 2 hình phạt ấy. Ngoài ra số báo bất hợp lệ sẽ bị tịch thu. Hơn nữa nếu số báo ấy có những tin tức, bình luận phạm pháp thì những người liên hệ còn bị truy tố trước pháp luật.

1/- Vi phạm hồ sơ khai báo:

Đó là trường hợp khai báo gian dối hay ngụy tạo giấy tờ qui định tại điều 4. Tội này sẽ bị phạt tù 1 tháng đến 1 năm tù và phạt vạ từ 100.000 đồng đến 1 triệu đồng hoặc 1 trong 2 hình phạt ấy. . Ngoài ra, nếu lời khai gian dối và giấy tờ ngụy tạo chứng minh hay cấu thành một hành vi phạm pháp khác, đương sự còn bị truy tố theo hình thức luật hiện hành.

So với sắc luật 10/64, các hình phạt nêu trên nặng hơn vì trước kia xuất bản báo chí bất hợp lệ chỉ bị phạt tiền.

Điểm cần lưu ý là các bản án về xuất bản báo chí theo luật hiện hành không thuộc vào loại các tiền án tước đoạt quyền ra báo. Nghĩa là một người bị tòa án tuyên phạt về tội xuất bản báo chí bất hợp pháp vẫn có thể tiếp tục thiết lập hồ sơ khai báo để làm chủ nhiệm sau này.

2/- Vi phạm thể thức điều hành:

a) Việc công bố ấn hiệu: Theo điều 11 sau khi được chính thức hoạt động, tờ báo phải ghi rõ một số ấn hiệu luật định (tên Chủ nhiệm, chủ bút, quản lý; địa chỉ báo quán, nhà in, v.v...). Vi phạm thể lệ này, tờ báo sẽ bị phạt, theo điều 42, từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng.

So với luật 1881, chế tài trên có vẻ khoan hòa hơn. Thật vậy điều 2 của Luật 1881 cũng dự liệu phạt vạ đối với Vi phạm lần đầu. Nhưng riêng việc công bố danh tánh và địa chỉ nhà in luật này dự liệu phạt tù cho trường hợp tái phạm trong vòng 1 năm.

b) Nạp bản: Luật định rằng mỗi tờ báo trước khi phát hành phải nạp bản cho cơ quan công quyền liên hệ (như đã trình bày tại Chương I). Vi phạm thể lệ này, nghĩa là không nạp bản hoặc nạp không đủ số lượng, không có chữ ký và con dấu của Chủ nhiệm hay Quản lý, tờ báo sẽ bị phạt vạ từ 10.000 đến 100.000 đồng.

c) Cấm cho mượn nhãn báo: Điều 16 qui định: " Mọi hình thức cho mượn nhãn báo đều bị cấm chỉ". Ba chữ "mọi hình thức" có ý nghĩa bao gồm lối cho mượn công khai cũng như trá hình (như ngụy trang bằng một cuộc hùn vốn chẳng hạn). Thể lệ cấm đoán này nếu áp dụng

một cách thiếu sáng suốt sẽ có thể gây nhiều oan ức. Trong thực tế, nhiều vị Chủ nhiệm, nhất là các Ký giả công nhận làm chủ báo, vì thiếu khả năng tài chính nên phải mượn vốn hay nhận hùn hạp. Trường hợp này thật khác xa với trường hợp cho mượn nhãn báo, mặc dù khi mượn vốn hay nhận hùn hạp, Chủ nhiệm đã phải dành cho người có tiền một phần quyền hành về quản trị, vì chủ nhiệm vẫn đích thân điều khiển công việc biên tập tờ báo nghĩa là chủ nhiệm vẫn quyết định chủ trương đường lối của tờ báo. Vậy thiết tưởng việc cho mượn nhãn báo cũng nên xác định trong trường hợp chủ nhiệm vô quyền. Đó mới chính là trường hợp mà luật lệ cần ngăn cấm để phòng ngừa mưu toan tung tiền chi phối báo chí.

Vi phạm thể lệ này, sẽ bị phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm và phạt vạ từ 100.000 đến 1 triệu đồng hoặc một trong 2 hình phạt ấy.

d) Sự có mặt của Chủ nhiệm: Theo điều 14, Chủ nhiệm phải có mặt tại nơi xuất bản báo chí. Nếu vắng mặt quá 2 tháng Chủ nhiệm phải cử người thay thế (người này phải hội đủ điều kiện qui định bởi điều 6). Vi phạm điều này, sẽ bị phạt vạ từ 10.000 đến 100 ngàn đồng. Ta cũng cần nhắc lại, Sắc luật 10/64 trước kia không dự liệu hình phạt đối với sự vắng mặt của chủ nhiệm. Tuy nhiên sự thiếu sót này lại rất nguy hiểm cho báo chí. Vì bộ DVCH có thể linh động áp dụng chế tài hành chính như tiền lệ 1958, tờ Tin Điện của bà Lê Trung Cang bị thu hồi giấy phép vì Chủ nhiệm vắng mặt quá lâu ở Việt Nam.

e) Thông báo thay đổi nội bộ: Theo điều 15, mọi sự thay đổi chủ bút, quản lý, báo quán, nhà in, số vốn đều phải thông báo cho Bộ DVCH chậm nhất là 15 ngày trước ngày có sự thay đổi. Vi phạm thể lệ này, tờ báo sẽ bị phạt vạ từ 10.000 đến 100.000 đồng.

B.- TRONG LÃNH VỰC THÔNG TIN NGHỊ LUẬN.

Đây là lãnh vực mà báo chí có thể bị nhiều chế tài nhất và được qui định từ điều 18 đến điều 35 của luật báo chí 019/69. Trong phần này ta chia ra 3 trường hợp để phân tích:

- Trường hợp bị tịch thu
- Trường hợp bị đình bản
- Trường hợp phạt tù và phạt vạ

1/- Trường hợp bị tịch thu : Tờ báo sẽ bị tịch thu Hành chánh và tịch thu tư pháp.

a) Tịch thu Hành chánh : Báo chí sẽ bị tịch thu trước hoặc đang khi lưu hành nếu phạm 1 trong những tội sau:

- Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng, thuần phong mỹ tục
- Mạ lỵ, phỉ báng Tổng Thống, Phó Tổng - Thống VNCH hoặc người thay quyền hay Quốc Trưởng và đại diện các quốc gia bạn
- Mạ lỵ, phỉ báng các cơ quan và nhân viên dân cử và các đoàn thể công lập.

Lệnh tịch thu sẽ do Tổng Trưởng Nội vụ hoặc Tỉnh Trưởng tùy theo tờ báo xuất bản tại Saigon Gia đình hay tại địa phương và chậm nhất là 8 ngày, công tố quyền bắt buộc phải phát động, tờ báo trong khi chờ phán quyết của toà vẫn được tiếp tục xuất bản.

b) Tịch thu tư pháp : Nếu trong 1 vụ án báo chí, tòa xét xử xác nhận các tội báo chí qui định ở điều 13, 27, 28, 29, và 32 (a.b.c) thì tòa sẽ truyền tịch thu hoặc tiêu hủy tất cả những số báo vi phạm.

- đ 13 : Phát hành trước giờ ấn định
- đ 27 : Tội xúi giục người khác phạm tội
- đ 28 : Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng
- đ 29 : Phổ biến, đề cao chủ nghĩa Cộng sản
- đ 32 (a.b.c.) : Mạ lỵ Tổng Thống, Quốc Trưởng, các cơ quan dân cử.

2/- Trường hợp bị đình bản :

Báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hay vĩnh viễn nếu không có quyết định của cơ quan Tư pháp, ngoại trừ những trường hợp sau, việc đình bản được luật minh thị trao cho cơ quan Hành chánh (đ 19).

a) Tờ báo bị tịch thu lần thứ nhì cũng vì lý do xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng (với điều kiện là lần thứ nhất đã có truy tố nhưng chưa có án chung thẩm).

b) Công khai hoặc lên lút đưa báo ra khỏi cơ sở ở trước giờ phát hành.

o) Tiếp tục in thêm, cắt dấu hay đưa ra khỏi cơ sở ở ẩn loát những số báo đã bị tịch thu.

3/- Trường hợp phạt tù và phạt vạ :

Sau khi đã bị tịch thu và tạm thời đình bản như đã trình bày ở trên, tờ báo sẽ qua giai đoạn được xét xử trước tòa. Việc xác định tội danh và qui định hình phạt sẽ được căn cứ vào luật báo chí hiện hành.

BẢNG TÓM LƯỢC TỘI DANH VÀ HÌNH PHẠT

Tội danh	Đối tượng bị xâm phạm	Hình phạt dự liệu
Mạ lỵ	<ul style="list-style-type: none">- Các nhân viên dân cư và công cư- Các tư nhân- Các người quá cố- Các cơ quan, hiện định, dân cư, đoàn thể công lập- Quốc trưởng và đại diện các quốc gia bạn- Tổng thống, Phó Tổng Thống VNCH hoặc người thay quyền	<p>tù : 1 tháng đến 1 năm vạ : 100.000 - 1 triệu Hoặc 1 trong 2 hình phạt trên</p> <p>tù : 2 tháng - 2 năm vạ : 200.000 - 2 triệu Hoặc 1 trong 2 hình phạt trên</p> <p>tù : 6 tháng - 3 năm vạ : 500.000 - 5 triệu Hoặc 1 trong 2 hình phạt trên</p>
Phỉ báng	<ul style="list-style-type: none">- Các nhân viên dân cư và công cư- Các tư nhân- Các người quá cố- Các cơ quan, Hiện định, dân cư, đoàn thể công lập- Quốc Trưởng và đại diện các quốc gia bạn- Tổng Thống, Phó Tổng Thống VNCH hay người thay quyền.	<p>tù : 2 tháng - 2 năm vạ : 200.000 - 2 triệu Hoặc 1 trong 2 hình phạt trên.</p> <p>tù : 6 tháng - 3 năm vạ : 500.000 - 5 triệu Hoặc 1 trong 2 hình phạt trên</p> <p>tù : 1 năm - 3 năm vạ : 1 triệu - 5 triệu Hoặc 1 trong 2 hình phạt trên</p>
<ul style="list-style-type: none">- Xúi giục và dăng tin phung hại An ninh quốc gia, trật tự công cộng, Kinh tế tài chính quốc gia.- Làm suy giảm kỷ luật và tinh thần chiến đấu của quân đội.	<ul style="list-style-type: none">- Chia rẽ tôn giáo, sắc dân, địa phương- Xúi giục quân nhân bất tuân kỷ luật- Đe cao chủ nghĩa Cộng sản và Trung lập thân Cộng san.	<p>tù : oăm cố vạ : 1 triệu - 5 triệu (sẽ bị cả 2 hình phạt cùng một lúc)</p>

Tùy theo lời yêu cầu của dân sự nguyên cáo, tòa tuyên phải đăng toàn văn hoặc phần chủ văn bản án trên 3 tờ báo và phải liên - đối chịu lệ phí của sự đăng tải này.

Riêng về những khoản ngân hình, nếu chủ nhiệm hay Chủ bút không chịu bồi thường mặc dù đã có bản án chung thẩm, Tổng Giám Đốc Ngân Khố sau khi nhận được tổng đạt án văn sẽ đương nhiên khấu trừ trên số tiền ký quỹ của tờ báo. Khi bị khấu trừ, Chủ nhiệm hoặc Chủ bút hoặc Quản lý hay người đứng đầu cơ sở phát hành phải đóng thêm cho đủ trong 15 ngày. Nếu không tờ báo sẽ bị coi như tự ý đình bản.

C.- TRONG LÃNH VỰC PHÁT HÀNH BÁO CHÍ.

Vi phạm điều 37 tức là làm nghề phát hành báo chí mà không thông báo hoặc thông báo chậm trễ, sai thể thức, không đóng tiền ký quỹ hoặc gửi biên lai tới Bộ Nội vụ quá chậm trễ, báo - chí sẽ bị phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm và phạt vạ từ 100.000 đến 1 triệu hoặc một trong 2 hình phạt ấy. Ngoài ra, nhà phát hành sẽ bị đóng cửa.

• Cấm cho mượn báo : Luật báo chí hiện hành có một điểm mới lạ là cấm đoán mọi hình thức cho mượn báo. Theo điều 38 , người cho mượn cũng như người mượn báo đều bị phạt vạ từ 10.000 đến 100.000 đồng. Tuy nhiên, theo các quan sát viên nghề nghiệp tại Việt Nam hiện có một phong trào cho mượn báo phen thịnh nhất thế giới và hầu như chưa có một sự phạt vạ nào xảy ra.

Đoạn 2 : THẨM QUYỀN XÉT XỬ VÀ THỦ TỤC

TRUY TỐ.

A.- NHỮNG AI SẼ BỊ TRUY TỐ :

Theo điều 50, sẽ bị truy tố như chánh phạm theo thứ tự sau đây:

- Chủ nhiệm hoặc quản lý
- Chủ bút hoặc tác giả
- Chủ nhà xuất bản, chủ nhà in
- Những người phân phát và bán báo.

Các người bị tuyên phạt sẽ liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần và vật chất.

Trường hợp Chủ nhiệm, Chủ bút hoặc quản lý bị truy tố là ^{chánh}phạm, tác giả bài báo sẽ bị truy tố là tòng phạm và hình phạt áp dụng cho chánh phạm cũng là hình phạt tiên liệu cho tòng phạm. Như vậy điều 50 đã xác định rõ ràng cả trách nhiệm hình sự lẫn dân sự.

Về hình sự, mỗi trường hợp vi phạm phải có người lãnh trách nhiệm chính yếu. Phóng theo qui chế cũ, luật báo chí 019/69 cũng liệt kê cả một danh sách những người có thể bị qui trách như chánh phạm theo thứ tự căn cứ vào tư cách và sự liên hệ đối với bài báo. Đứng đầu danh sách là Chủ nhiệm hoặc Quản lý, chỉ khi nào không truy tố ra được những người ở hàng trên thì Công Tố Viên mới truy tố những người ở hàng kế tiếp. Tác giả bài báo chỉ bị truy tố là chánh phạm trong trường hợp không truy được Chủ nhiệm, Quản lý và Chủ bút. Trong hàng thứ ba điều luật nói đến chủ nhà xuất bản. Nhưng thực tế, báo chí Vietnam không có vai trò "Chủ nhà Xuất bản". Trong hàng thứ tư đề cập đến những người phân phát hay bán báo, tức là những nhà phát hành và các đại lý, các chủ sạp báo và các người bán báo, dạo nữa.

Ngoài chính phạm, tòa án còn có thể truy tố tòng phạm và những người liên hệ xa gần đến việc ấn hành, xuất bản số báo phạm pháp.

Về dân sự, tất cả những người bị tuyên phạt về hình sự sẽ liên đới chịu trách nhiệm về dân sự. Tuy nhiên, luật lại không đả động gì đến người hùn vốn. Người hùn vốn nếu có sẽ là người có nhiều khả năng tài chánh thanh toán các khoản ngân hình và bồi thường. Trong trường hợp đương sự không bị truy tố như tòng phạm về mặt hình, tất nhiên sẽ được miễn luôn trách nhiệm dân sự, mặc dù đương sự mới chính là người có nhiều quyền lợi trong việc khai thác cơ sở báo chí.

B.- THẨM QUYỀN XÉT XỬ :

Theo điều 52, việc xét xử các vi phạm luật lệ báo chí thuộc hệ thống thẩm quyền tòa thường tụng, ngoại trừ trường hợp vi phạm các điều 27, 28, 29 (đã trình bày ở trên) sẽ thuộc thẩm quyền tòa án quân sự mặt trận nơi xuất bản tờ báo. Tuy nhiên, nếu nhà chức trách quân sự khê

dành quyền truy tố thì tòa án thường vẫn tiếp tục thụ lý.

Theo qui chế cũ, việc xét xử các vi phạm báo chí còn thuộc cả các tòa án nơi bán báo. Điều này rất phiền phức cho báo chí vì tờ báo vi phạm luật lệ có thể bị đưa ra tòa ở bất cứ nơi nào trên toàn quốc.

C.- THỦ TỤC TRUY TỐ :

1/- Truy tố do Công Tố Viện : Theo điều 54, Công Tố Viện phát động quyền công tố đối với mọi tội phạm báo chí. Nguyên tắc trên đây có một biệt lệ. Trong các vụ án phỉ báng hay mạ lỵ, Công Tố Viện không thể tự mình phát động Công tố quyền mà phải chờ có đơn thư của nạn nhân. Trước kia còn một biệt lệ nữa, đó là trường hợp bị can là dân biểu Nghị sĩ phải được sự biểu quyết chấp thuận của các viện sở quan. Nay Công Tố Viện có thể truy tố Chủ bút, Quản lý. Sau đây là thể thức truy tố mà điều 54 đã ấn định trong các vụ kiện về phỉ báng và mạ lỵ :

a) Trường hợp 1 cơ quan công quyền hay đoàn thể công lập bị phỉ báng mạ lỵ phải có đơn khiếu tố của người điều - khiển cơ quan.

b) Trường hợp 1 nhân viên công quyền bị phỉ báng mạ lỵ về hành động liên quan đến chức vụ, phải có đơn khiếu tố của đương sự hoặc của Tổng Bộ Trưởng sở quan.

c) Trường hợp Quốc Trưởng hoặc đại diện các quốc gia bạn bị phỉ báng mạ lỵ phải có lời yêu cầu truy tố của các vị khách trên gửi đến Tổng Trưởng Tư pháp qua trung gian Bộ Ngoại Giao.

d) Trường hợp 1 Đại diện dân cử bị phỉ báng mạ lỵ phải có đơn khiếu tố của chính đương sự.

e) Trường hợp 1 tư nhân bị phỉ báng hay mạ lỵ phải có đơn khiếu tố của người bị phỉ báng mạ lỵ. Nhưng Công Tố Viện sẽ phát động quyền công tố nếu sự phỉ báng mạ lỵ nhằm một nhóm tư nhân thuộc một tôn giáo, địa phương hay sắc dân và có mục đích gây chia rẽ hận thù.

2/- Khởi tố trạng : Mỗi khi truy tố, theo điều 55, Công Tố Viện phải liệt kê trong khởi tố trạng và định tội danh các sự kiện,

nhân đó mà có sự truy tố. Đồng thời Công tố viện cũng phải viện dẫn các điều luật áp dụng. Thiếu các chi tiết ấy khởi tố trạng sẽ vô hiệu. Luật không ấn định thời hạn giữa ngày nộp khởi tố trạng và ngày ra tòa là bao nhiêu ngày.

3/- Trục tố triệu hoán trạng : Ngoài con đường khiếu tố tại Biện lý cuộc, nạn nhân vụ phỉ báng hay mạ lỵ còn có thể dùng "Triệu hoán trạng trục tố" tờ báo ra trước tòa. Trước hết, đương sự xin ông Biện lý chỉ định một phiên xử rồi đưa đối phương ra phiên xử ấy. Theo điều 26, Trục tố triệu hoán trạng phải liệt kê và định tội danh các sự kiện, viện dẫn điều luật áp dụng. Ngoài ra còn phải ghi rõ nơi tuyên trách trụ sở của nguyên cáo tại quản hạt của Tòa án có thẩm quyền. Nếu thiếu các chi tiết trên đây, sự truy tố sẽ vô hiệu. Theo điều 57, Trục tố triệu hoán trạng phải đồng thời được tổng đạt cho bị can và Công Tố Viện. Thời hạn giữa ngày tổng đạt và ngày ra Tòa là 20 ngày tròn. Tuy nhiên trong thời gian có cuộc bầu cử, rút xuống còn 48 giờ và nội vụ phải được Tòa tuyên xử trong thời gian cấp bách là 2 ngày tròn sau khi nhận được đơn khiếu tố. Thủ tục xét xử mau lẹ này không nhằm mục đích nào khác hơn là làm sáng tỏ các sự kiện để kịp thời phục hồi danh dự cho các ứng cử viên trước sự phê phán của cử tri.

4/- Xét xử trước Tòa : Khi một vụ án báo chí ra Tòa việc xét xử tất nhiên sẽ theo các thủ tục do luật Hình sự tố tụng qui định như thẩm vấn, nghe nhân chứng, buộc tội, biện hộ, v.v... Trong các vụ án phỉ báng, báo chí được quyền viện dẫn bằng chứng để chứng minh các sự kiện đăng trên báo là đúng sự thật. Khi đó, nguyên cáo hoặc Công tố viện cũng có quyền đưa phản chứng. Điều 59 và 60 đã qui định tỷ mỉ thể thức dẫn chứng và phản chứng trong 1 vụ kiện về phỉ báng.

a) Dẫn chứng : Tờ báo bị can trong vòng 10 ngày sau khi nhận được trát đòi phải thông tư cho Công tố viện và nguyên cáo:

- Các sự kiện đã bị trách cứ là có tính cách phỉ báng mà bị can muốn chứng minh.

- Bản sao các văn kiện liên hệ đệ nạp tại tòa
- Tên họ, nghề nghiệp, địa chỉ của các nhân chứng mà bị can muốn nại dẫn.

b) Phản chứng : 5 ngày sau khi được loan báo như trên và trong mọi trường hợp, ít nhất 3 ngày trước khi nội vụ đã ngưng đường, nguyên cáo hay Công tố viên phải thông tri cho bị can, nơi trụ sở đương sự tuyên trách, bản sao các văn kiện đệ nạp tại Tòa và tên họ nghề nghiệp địa chỉ các nhân chứng theo đó nguyên cáo hay công tố viên muốn đưa bằng chứng tương phản, nếu không sẽ mất quyền phản chứng

Thời gian và thủ tục dẫn chứng cùng phản chứng trên đây không áp dụng trong các vụ kiện phỉ báng vào thời kỳ tranh cử vì Tòa cần xử gấp, trong thời kỳ tranh cử, hai bên tụng phương có thể xin được phép nại chứng cứ ngay trước phiên xử. Cũng cần nhắc lại, điều luật c á m dẫn chứng về phỉ báng trong những trường hợp sau:

- Sự kiện liên quan đến đời tư cá nhân
- Sự kiện đã xảy ra từ 10 năm
- Tội phạm đã được đại xá, thời tiêu hoặc bản án xử phạt đã được thủ tiêu bởi sự phục hồi công quyền hay tái thẩm. Ngoài ra, điều 61 còn ấn định : "Nếu xét thấy sự hiện diện của một hay nhiều nhân chứng do 2 bên nại dẫn có phương hại đến trật tự công cộng hay thuần phong mỹ tục, Công tố viên có quyền ngăn cản". Tuy nhiên, chánh thẩm thụ lý nội vụ có quyền thu hồi lệnh ngăn cản này.

c) Bãi nại : Theo điều 62, đối với tất cả các tội phỉ báng hay mạ lỵ, sự bãi nại của nguyên cáo có hiệu lực hủy bỏ sự truy tố. Sự bãi nại có thể được chấp thuận trong mọi giai đoạn của sự kiện, ngay cả trước Tối cao Pháp viện.

Đây là một biệt lệ đối với luật hình sự tố tụng. Vì theo thường luật, một khi công tố quyền đã phát khởi, sự bãi nại của dân sự nguyên cáo không thể làm đình chỉ vụ kiện. Song lẽ theo điều 62 thì sự bãi nại chỉ có hiệu lực trước khi bản án trở thành uy - l ý c quyết tụng.

d) Tái phạm : Theo điều 63, sự gia tăng hình phạt về tái phạm không áp dụng cho các vi phạm về luật lệ báo chí. T u y

nhiên nếu có tái phạm quá 2 lần trong 1 năm thì Tòa án vẫn áp dụng các điều khoản Hình luật để gia tăng hình phạt.

e) Thời tiêu : Theo điều 64, Công tố quyền và dân tố quyền liên quan đến khinh tội qui định trong báo chí sẽ bị tiêu diệt sau 3 tháng tròn kể từ ngày phạm pháp hay từ ngày thi hành thủ tục truy tố cuối cùng nếu có.

Theo điều 65, dân tố quyền không được hành sử riêng biệt với Công tố quyền. Nạn nhân một vụ phỉ báng hay mạ lỵ phải đứng dân sự nguyên cáo, bắt buộc truy tố nhờ Công tố viện truy tố từ báo trước toà Hình chứ không thể khởi tố ngay trước toà án Dân sự để đòi bồi thường. Tuy nhiên, Công tố quyền có thể hành sử riêng rẽ trong 2 trường hợp: Bị can mệnh một hay đã được đại xá. Thí dụ vụ phỉ báng chưa kịp truy tố ở chánh phạm đã qua đời. Nạn nhân có thể nộp đơn tại toà dân sự để đòi bồi thường mặc dù sự truy tố đã bị tiêu diệt. Ngược lại, nếu vụ kiện đã khởi sự, Toà Hình đã thụ lý thì nạn nhân phải tiếp tục vụ kiện trước toà Hình. Trường hợp bị can được đại xá, dân tố quyền vẫn tồn tại và được hành sử theo đường lối nói trên.

f) Giảm khinh : Theo điều 66, qui tắc về giảm khinh dự liệu bởi Hình luật canh cải (đ 463) hoặc Hình luật Trung (đ. 413) sẽ được áp dụng đối với tội phạm báo chí. Thí dụ : sự khiêu khích là trường hợp giảm khinh của tội mạ lỵ. Tuy nhiên mỗi khi có trường hợp giảm khinh hình phạt tuyên phán không thể nào nhẹ hơn một nửa hình phạt tối thiểu dự liệu bởi luật Báo chí.

*
* *
*

Sau khi phân tích và trình bày, trong khung cảnh pháp lý những điều khoản của luật báo chí 019/69, ta có thể tạm thời đưa ra vài nhận định sau:

- Luật Báo chí hiện hữu chưa hoàn toàn là một quy chế tự do. Nhưng so với các qui chế cũ như Sắc Luật 21/64 và Sắc Luật 10/64 thời Nguyễn Khánh thì nhà làm Luật 019/69 đã có thiện chí nới rộng phạm vi cho hoạt động báo chí.

- Thẩm quyền xuất bản báo chí thuộc bộ DVCH và Nội Vụ, nhưng cơ quan tư pháp có quyền giải quyết mọi tranh tụng về báo chí từ lãnh vực xuất bản, lãnh vực thông tin nghị luận qua lãnh vực lưu hành báo chí.

- Về phương diện chế tài, nhà làm luật đã chọn giải pháp trừng trị thay cho giải pháp phòng ngừa. Để cho báo chí có quyền viết theo ý mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những gì mình viết và đăng trên báo. Quan niệm này phù hợp với lý thuyết trách nhiệm xã hội (Théorie de la Responsabilité sociale de la presse) bắt nguồn từ nhận định: "Được hưởng tự do thì phải có nghĩa vụ". Theo nhận xét khách quan, chế độ trừng trị tiên bộ hơn chế độ phòng ngừa. Vì chế độ phòng ngừa đã đặt báo chí dưới sự "Giám hộ" của nhà nước, sẽ là một cản trở cho sự trưởng thành và phát triển của báo chí.

- Tuy nhiên, dưới chế độ trừng trị, vai trò của Tòa án vô cùng quan trọng. Các điều luật không thể nào theo sát những sự kiện thực tế được, vì vậy nhiều khi phải được giải thích. Việc giải thích này sẽ được thực hiện theo chiều hướng nào, rộng rãi hay chặt hẹp? Đó là công việc của các vị Thẩm phán. Nói cách khác, các vị Thẩm phán sẽ qui định ranh giới cụ thể cho cái mà người ta gọi là quyền tự do báo chí.

★

★ ★

Người ta tự hỏi, pháp chế hiện hành sẽ hướng dẫn sinh hoạt báo chí hay thực tại chính trị sẽ chi phối luật lệ để tạo nên bộ mặt của làng báo? Thông thường việc áp dụng luật lệ còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố và chính sự áp dụng này sẽ nói lên thiện chí của nhà cầm quyền và trình độ trưởng thành của báo chí. Trên bình diện thực tế làng báo Việtnam đã mang những sắc thái đặc thù nào dưới sự chi phối của luật lệ hiện hành và làng báo có thể đóng góp được những gì trong vai trò đấu tranh chính trị? Đó là những vấn đề sẽ được trình bày trong phần thứ hai.

PHÂN THƯ HAI

THỰC TẠI CHÍNH TRỊ

Trong phần thứ nhất, chúng ta đã phân tích và trình bày những nguyên tắc luật định về tổ chức báo chí và trách nhiệm cùng quyền lợi của nhà báo.

Tuy nhiên, khung cảnh sinh hoạt của một quốc gia thường thường phản ảnh hai lãnh vực rõ rệt, một bên là những qui tắc luật lệ qui định sự hoạt động, một bên là những sự kiện thực tế. Thực tế có theo sát những nguyên tắc pháp lý hay không còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố.

Trong lãnh vực báo chí, sự ra đời của Luật 019/69 đã đánh dấu một sự tiến bộ trong sinh hoạt dân chủ, nhất là chứng tỏ thiện chí và can đảm của cả Lập pháp và Hành pháp trong giai đoạn khó khăn hiện tại. Về mặt pháp lý, với Luật 019/69, báo chí Vietnam đã thực sự thay đổi từ căn bản theo chiều hướng thuận lợi cho những người làm báo. Thực vậy, Luật 019/69 đã được lưỡng viện Quốc Hội soạn thảo trong một diễn trình thận trọng và lâu dài, theo đúng những thủ tục hiến định, cộng thêm với dư luận của báo chí trong khi soạn thảo. Những sự kiện đó đã đủ bảo đảm cho tính cách vô tư và tiến bộ của đạo luật. Tuy nhiên, sau hơn 2 năm áp dụng, trong khuôn khổ luật ủy quyền, Hành pháp đã ký ban hành : Sắc luật 007/72 ngày 4-8-1972 sửa đổi nhiều điều khoản của luật 019/69 nhằm hạn chế bớt số lượng báo chí lưu hành và qui định thêm những biện pháp chế tài nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm báo chí. Thực trạng báo chí Vietnam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Sắc luật này.

Sau đây, ta tìm hiểu ảnh hưởng của 2 văn kiện trên đối với báo chí Vietnam, sau đó sẽ đề cập đến bộ mặt thực của sinh hoạt chính - trị nhìn qua hệ thống báo chí.

Chương I

THỰC TRẠNG BÁO CHÍ VIỆT NAM

Báo chí Việt Nam đã được hơn 100 tuổi (8). Hơn một thế kỷ lịch sử ấy, không phải là không có những biến cố sóng gió, những đổi thay đáng ghi nhận, đánh dấu từng chặng đường tiến bộ của nghề làm báo tại xứ này. Đó là chưa kể những chi tiết lịch sử, những thăng trầm vinh nhục của nghề qua những biến thiên của thời cuộc. Biết bao tờ báo đã thành danh, cũng như biết bao ký giả đã gục ngã trên đường xây dựng một nền báo chí lành mạnh và tiến bộ của Việt Nam.

Nhưng cho đến nay hầu như chưa có một nỗ lực nào hay một chương trình đại qui mô nào để gom góp những tài liệu lịch sử ghi nhận những biến đổi và theo dõi những tiến triển của báo chí Việt Nam. Ngoài ra công việc dạy nghề làm báo cũng chưa bao giờ được trù liệu một cách đúng đắn. Chúng ta không có trường dạy làm báo (9). Sách vở viết về kỹ thuật hay lịch sử báo chí cũng hầu như không có. Một đặc điểm nữa là từ trước đến nay chưa có một tờ báo Việt Nam nào tồn tại được 1 thời gian khá dài, trong khi trên thế giới ngay cả các nước độc tài, nhiều tờ báo, không phải vì nịnh bợ luôn cúi, vẫn qua được những thử thách của thời gian và của chế độ để sống hàng chục năm, hàng trăm năm. Tại Nhật Bản, ba tờ báo lớn nhất là Asahi, Mainichi và Yomiuri đều là những tờ báo kỳ cựu góp mặt trên văn đàn từ thế kỷ trước, tờ La Stampa bên Ý Đại Lợi thành lập từ 9-2-1867.

(8) Tờ báo Việt Nam đầu tiên, Gia Định báo, số đầu tiên xuất bản đề ngày 1-4-1965.

(9) Tháng 10-1967, Viện Đại Học Đà Lạt mở ban Báo chí học cho Sinh viên năm cuối cùng của Trường Chính trị Kinh Doanh.
Năm 1968, viện Đại học Vạn Hạnh mở ban cử nhân báo chí với học trình 4 năm.

Nguyên nhân khiến cho ngành báo chí Việt Nam chưa được cải thiện và hệ thống hóa có lẽ là vì luật lệ về báo chí chưa được thống nhất thêm vào đó là thành phần kỹ giả chuyên nghiệp rất hiếm. Từ ngày 30-12-1969, tức ngày ban hành luật báo chí 019/69 trở về trước, luật lệ báo chí Việt Nam có tính cách vá víu bằng luật 1881 của Pháp và bằng những bản văn rời rạc khi thì Nghị Định, Sắc lệnh khi thì Quyết định. Muốn vào nghề báo không phải chỉ đi theo các nhà báo kỳ cựu để tập viết rồi sống lâu lên lão làng. Quan niệm như vậy là mới nhìn một khía cạnh của vấn đề. Thấy vậy, theo quan niệm mới, người làm báo không thể chỉ cần theo "học mót" những bậc đàn anh trong nghề là trở thành nhà báo ngay được. Với đà phát triển kỹ thuật ngày nay, người làm báo phải có đủ kiến thức và khả năng chuyên môn để thích ứng với những Biện pháp quản trị tân tiến tại Toà soạn, về Hành chánh cũng như kỹ thuật, phải có đủ kiến thức để tiếp thu mau lẹ và chính xác các nguồn tin của các hãng thông tấn ngoại quốc, ngoài ra còn phải thông thạo một số kỹ thuật khác như phỏng vấn, săn tin, v.v...

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh một quốc gia chậm tiến và chiến tranh một phần tư thế kỷ, người làm báo Việt Nam không thể nào theo kịp đà tiến triển kỹ thuật ấy. Phẩm chất của những người làm báo V.N vì vậy chưa đạt được trình độ khả quan. Yếu tố này đã trực tiếp ảnh hưởng đến việc tạo nên bộ mặt của báo chí Việt Nam.

TIẾT I :

Thực trạng báo chí Việt Nam qua các giai đoạn

Trong tiết này, ta sẽ lần lượt tìm hiểu thực trạng báo chí Việt Nam qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn trước khi có luật 019/69
- Giai đoạn dưới chế độ của luật 019/69
- Giai đoạn dưới chế độ của Sắc luật 007/72.

Đoạn 1 : TRƯỚC LUẬT 019/69 (từ sau cách mạng 1-11-63 đến 30-12-1969)

A.- Dưới chính quyền quân sự.

Sau ngày lật đổ nền đệ I Cộng Hòa, d ư ở i thời kỳ chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ, báo chí ra đời tương đối ồn ào rồi tàn đi rất mau. Ai cũng muốn làm báo, ngoài các ký giả chuyên môn, người ta còn gặp nhiều vị "bầu gánh", "Thương gia", v.v... cũng nhảy vào nghề, nô nức mở báo. Nhiều báo cũ thay đổi tên họ để cho hợp với 2 chữ "cách mạng". Chính quyền còn tương đối dành nhiều để dành cho các ký giả bộc lộ đòn nén của mình trong mấy năm trước cách mạng. Nhưng sau cuộc chỉnh lý của tướng Nguyễn Khánh, thì các biện pháp bóp nghẹt báo chí đã bắt đầu được thi hành như tịch thu báo, đóng cửa một vài tuần, phạt vì ra sớm hơn giờ ấn định, v.v... Chế độ kiểm duyệt được tái lập khi tình trạng khẩn trương ban bố ngày 7-8-1964.

B.- Dưới chính quyền dân sự.

Khi quân lực Việt Nam Cộng Hòa trao quyền cho Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ Tướng Hương, người ta nghĩ rằng báo chí sẽ được sử dụng quyền ngôn luận của mình một cách rộng rãi hơn trước. Nhưng chính dưới thời chính phủ Hương, báo chí lại bị đóng cửa nhiều nhất vì Thủ Tướng Hương bị quá nhiều báo chống đối dữ dội.

Tình trạng báo chí dưới thời chính phủ Phan Huy Quát cũng không có gì thay đổi vì Thủ Tướng Quát cầm quyền chưa đầy 4 tháng mà đã phải đối phó với một cuộc khủng hoảng chính trị nặng nề.

Điểm đáng lưu ý là trong 2 thời kỳ trên đây đã xuất - hiện những nhật báo tôn giáo do các tu sĩ làm chủ nhiệm như các tờ "Xây Dựng", "Chánh Đạo", "Đất Tổ".

C.- Dưới chính quyền quân sự (phục hồi)

Nội các chiến tranh nhận nhiệm vụ được 2 ngày thì công bố trong cuộc họp báo ngày 24-6-1965 quyết định đóng cửa tất cả các báo Việt ngữ một tháng để chấn chỉnh làng báo hàng ngày.

Các ký giả Việt bỏ cuộc họp báo ra về để phản đối, và quyết định không tường thuật cuộc họp báo của tướng Kỳ, chỉ đăng lên nửa trang đầu trong khung đen: "Chúng tôi cực lực phản đối quyết định đóng cửa tất cả báo chí". Nhưng sau đó các báo chỉ bị đóng cửa 3 ngày và 23 tờ nhật báo lại ra mặt độc giả (trừ một số báo khác bị thu hồi giấy phép).

Một đặc điểm khá nổi bật là vào những tháng cuối năm 1965 báo hàng tuần xuất hiện rất nhiều và chính quyền đã đặc biệt nâng đỡ cho nhiều nhật báo và tuần báo. Đồng thời, xảy ra hiện tượng khan giấy trầm trọng, đe dọa các nhật báo khiến một số báo phải in bằng giấy màu.

Tóm lại, trong thời kỳ trước luật 019/69, báo chí Việt Nam tuy có trưởng thành sau những năm tương đối ngột thở dưới thời đệ I Cộng Hoà. Nhưng sự tự do ấy quá ngắn ngủi. Bên cạnh đó, báo chí đã rơi vào những khuyết điểm có tính cách ấu trĩ như dùng trang trong để lôi cuốn độc giả bằng những phương tiện "phi báo" (bói số tử vi, gỡ rối tơ lòng, đăng nhiều truyện khiêu dâm và hoang đường, v.v...) . Người ta cũng ghi nhận một sự kiện lạ trong thời kỳ này là "hiện tượng cấp bông giấy" của chính quyền. Có nhiều báo chí chuyên sống về nghề bông giấy này bằng cách dùng giấy được cấp theo giá chính thức để bán chợ đen lấy lời. Tuy nhiên, bên cạnh những tình trạng hỗn độn nêu trên, người ta ghi nhận vài tờ báo chuyên về thông tin nghị luận mà vẫn sống giữa cảnh huyền ảo của "chợ báo". Đó là các tờ "Dân chủ mới" và "Than Chung".

Đoạn 2 : TRONG LUẬT 019/69.

Hiến pháp Việt Nam Cộng Hoà ngày 1-4-1967 ghi : "Quốc gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản miễn là sự hành sử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng hay thuần phong mỹ tục".

Về phương diện pháp lý, báo chí Việt Nam từ nay thực sự đã thay đổi từ căn bản. Người làm báo được luật pháp bảo đảm trong khi hành nghề, được tự do lựa chọn con đường để đi và cũng đồng thời nhận

lãnh mọi hậu quả do ngòi bút của mình mang lại. Chế độ kiểm duyệt được Hiến pháp (điều 12) minh thị bãi bỏ (trừ hai bộ môn điện ảnh và kỹ thuật trường).

So với chế độ pháp lý cũ, báo chí Việt Nam dưới chế độ của luật 019/69 được dành cho nhiều ưu đãi và bảo đảm hơn trong khi hành nghề, và chỉ chịu trách nhiệm nghề nghiệp nếu đi ngược lại những giới hạn do luật qui định. Ranh giới đã được định sẵn, nhà báo trước khi viết đã biết rõ điều đó và có quyền tự do lựa chọn, hoặc dừng lại hoặc vượt qua. Nói khác đi, với luật 019/69 về qui chế báo chí, nguyên tắc "trọng pháp" và "pháp căn" đã được tôn trọng.

Người cầm bút được tự do hành sử quyền của mình, không thể bị đặt dưới sự giám kiểm nào. Thực vậy, với chế độ khai báo (như đã trình bày ở phần thứ nhất), việc xuất bản và phát hành báo chí được mở ra cho mọi công dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, đảng phái. Sinh hoạt báo chí nhờ vậy được tự do mà hậu quả là trong chế độ của luật 019/69, số nhật báo và tạp chí gia tăng rõ rệt: nhật báo từ 21 tăng lên 40 tờ tuần báo và tạp chí từ 69 tăng lên 150 (10).

Về phương diện hành sử quyền tự do ngôn luận, Hiến pháp chỉ giới hạn có 3 lãnh vực là danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng và thuần - phong mỹ tục. Như vậy trên nguyên tắc, luật báo chí không có quyền qui định khác hơn. Tuy nhiên trên thực tế, báo chí Việt Nam thường gặp nhiều khó khăn trở ngại trong việc hành sử quyền tự do ngôn luận của mình. Những khó khăn này thường là do những biện pháp cảnh sát Hành chính mang lại được nguy trang dưới hình thức bảo vệ an ninh, trật - tự công cộng. Cũng có khi vì bản chất của những điều luật thường mơ hồ viển vông tạo cơ hội cho sự lạm quyền của các cơ quan Hành chính. Thí dụ thủ tục kiểm duyệt trá hình được che đậy dưới hình thức nộp bản. Như đã

(10) Trần Chánh Thành, Giảng văn năm thứ tư Công Pháp, Đại Học Luật - khoa, Sài Gòn.

trình bày ở phần thứ nhất, mọi thể nhân và pháp nhân đều có quyền xuất bản báo chí và chỉ cần lập thủ tục khai báo hợp lệ là đương nhiên được cấp biên lai chính thức để ra báo. Luật chỉ dự trừ một trường hợp là cơ quan Hành chính (Bộ DVCH) nếu muốn từ chối cấp Biên Lai chính thức phải viện dẫn lý do và đương đơn có quyền xin tiêu hủy lý do ấy trước Tối Cao Pháp viện. Phán quyết của Tối Cao Pháp viện có hiệu lực thay thế biên lai hợp lệ.

Tuy nhiên, trên thực tế nhà cầm quyền Hành chính vẫn có thể bằng mọi cách mà ta có thể gọi là "K xảo thuật" để hạn chế việc xuất bản của tư nhân. Thí dụ theo điều 7 (đoạn 3) quá hạn 1 tháng kể từ ngày cấp Biên Lai tạm, nếu Bộ Thông Tin không cấp Biên lai chính thức mà cũng không ra quyết định từ chối, hồ sơ khai báo đương nhiên được coi là hợp lệ. Thực tế, đương đơn làm cách nào để thiết lập cơ sở của Tòa báo khi trong tay chưa có một thứ giấy tờ gì xác nhận của Bộ DVCH? Trong trường hợp ấy đương đơn mang báo đến một nhà in liệu chủ nhà in có dám in muốn chăng? Ngoài ra, luật cũng không qui định trường hợp cơ quan công quyền không chịu cấp Biên Lai tạm và khi trường hợp này xảy ra thì không có một điều khoản nào bênh vực cho quyền khiếu nại của người xin ra báo cả. Đây là 1 sự sơ sót hay là một tri tình của nhà làm luật muốn dành cho Hành Pháp cơ hội để dễ làm việc?

Tại Việt Nam, vấn đề tư nhân đi kiện nhà cầm quyền thường rất hiếm vì lý do tương quan thế lực giữa 2 bên quá khác biệt. Nhà cầm quyền tại các quốc gia chậm tiến nói chung thường, hoặc nắm luôn cả cơ quan lập pháp và Tư pháp, hoặc cũng có ảnh hưởng rất mạnh đối với những cơ quan hiến định này. Do đó mỗi khi có vụ tư nhân kiện nhà cầm quyền thì đó nếu không là một hình thức "bánh vẽ dân chủ" thì cũng chỉ đem lại sự thất bại cho tư nhân đi kiện. Do đó, người ta không ngạc nhiên mấy khi thấy từ ngày ban hành luật báo chí 019/69 đến nay chỉ có một vụ án báo chí đầu tiên do một nhà báo thắng kiện bộ Thông tin: Ký giả Kỳ Cựu Hoàng Phố (tức Huỳnh Ngọc Phố) nộp đơn tại Bộ Thông Tin để xin tục bản tờ "Ngày mới" và xin xuất bản tờ tuần báo mang tên "Saigon tuần báo". Nhưng đã bị Bộ Thông tin từ chối cấp biên lai chính thức với lý do Ông Hoàng Phố không hội đủ những điều kiện ấn định nơi điều

6 Luật 019/69. Ông Hoàng Phổ khiếu nại trước Tối Cao Pháp Viện. Cơ quan này trong các phiên họp ngày 22-4-1972 và 31-7-1972 đã quyết định:

- Về hình thức, chấp nhận đơn khiếu nại của Ký giả Hoàng Phổ.

- Về nội dung, phần sự khiếu nại của Ký giả Hoàng Phổ là hữu lý. Tiêu hủy quyết định của Bộ Thông tin liên quan đến việc kéo từ cấp Biên lai chính thức cho Ông Hoàng Phổ (11).

Tuy nhiên, sau đó người ta không thấy ký giả Hoàng Phổ có ho xuất bản 2 tờ báo trên, nhưng vụ thắng kiện này cũng được dư luận báo chí cho là một kỳ công.

Điểm khó khăn thực tế thứ hai là vấn đề "nạp bản". Đây là một chế độ kiểm duyệt trá hình. Hiến pháp 1967 cấm chỉ mọi sự kiểm duyệt (ngoài bộ môn kịch ảnh và kịch trường). Do đó cơ quan Hành chánh có thể núp dưới chế độ nạp bản những xảo thuật tinh vi để buộc báo chí phải cắt bỏ những đoạn báo xét ra không có lợi cho chế độ. Vì vậy, ta thường thấy một hiện tượng kỳ lạ trên mặt báo, đó là hiện tượng "Tự đục bỏ". Hiện tượng này bề ngoài chỉ là việc làm của chính tờ báo nhưng bên sau ẩn dấu nhiều sự kiện lạ lùng mà chỉ những người trong nghề mới hiểu nổi. Cơ quan Hành chánh vì không được công khai kiểm duyệt, nên đã lợi dụng việc nạp bản để bắt chẹt báo chí thi hành chủ trương đường lối của mình. Đây là một biện pháp kiểm duyệt trong hậu trường mà trong danh từ chuyên môn, báo - e h í thường ám chỉ là "chiến dịch điện thoại" hay "bao thơ".

Trong môn "võ điện thoại", mỗi khi đọc những bản võ (Morasse) do báo chí đệ nạp trước giờ phát hành, nếu thấy một bài báo nào bất lợi, người phụ trách liên điện thoại ngay cho tòa soạn tờ báo liên hệ với lời lưu ý khéo léo, kín đáo nhưng không kém phần đe dọa rằng: "Theo ý chúng tôi, quý báo nên cắt bỏ đoạn báo đó, nếu không chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về những hậu quả".

Hoặc nhân một buổi họp báo nào đó, khi kết thúc, mỗi ký giả sẽ nhận được một bao thơ trong đó có một số tiền "thân tặng" kèm theo lời yêu cầu không nên tường thuật những phần nào đó của cuộc họp báo.

(11) Theo nhật báo Đuốc nhà Nam ngày 10-8-1972

Ngoài ra, cơ quan Hành chính còn có thể "bịt miệng" nhà làm báo bằng nhiều biện pháp khác như khủng bố ký giả, phong tỏa, đập phá tòa soạn; hạn chế việc phát hành tại địa phương. Một tờ báo có thể bị chính quyền cho lưu hành trễ tại địa phương chừng nửa ngày bằng cách chỉ thị mật cho các hãng máy bay, xe đò v.v..., hậu quả là tờ báo ấy sẽ mất thời gian tính và dĩ nhiên không thể cạnh tranh kịp với báo chí khác. Chỉ cần vài lần như vậy là ngân quỹ của tờ báo sẽ bị đe dọa nặng nề. Đối với ký giả, chính quyền thường hay áp dụng biện pháp cưỡng bách thi hành nghĩa vụ quân sự hoặc nhân một vi phạm nào đó về luật báo chí thay vì truy tố ký giả ra tòa, chính quyền lại "ngâm tằm nội vụ" để dùng làm lợi khí cho những sự mào cổ về sau.

Mặc dù những khó khăn và đe dọa triền miên của chính quyền đối với báo chí, trong hàng ngũ ký giả vẫn không thiếu những kiện tướng sẵn sàng hy sinh để bảo vệ quyền tự do thông tin nghị luận của mình. Có nhiều cây viết đã phải mai một vì hãng say phục vụ nghề nghiệp như Sức Mấy, Kiều Phong, Tiêu Lang; hơn thế nữa có những ký giả phải thân bại danh liệt hay phải hy sinh vì nghề nghiệp như trường hợp Chu Tử và T ừ Chung. Nhìn ra nước ngoài, trong số những người làm báo bị mai một vì những đe dọa của cơ quan công quyền vẫn không thể thiếu những chiến sĩ can đảm vượt gian nguy trở ngại để phục vụ lý tưởng. Ngày 13-6-1971, Ký giả Daniel Ellsberg tiết lộ những tin tức và tài liệu tối mật (Classified) trên 2 tờ New York Times và Washington Post. Tối Cao Pháp viện Mỹ đã tiêu phá bản án của tòa dưới dành cho Ký giả Ellsberg với 1 ờ i kết luận của thẩm phán niên trưởng Hugo Black đáng ghi vào lịch sử báo chí: "Quan trọng hơn hết trong tất cả các trách nhiệm của một nền báo chí tự do là bốn phen ngăn chặn không để bất cứ một cơ cấu nào của chính phủ lừa dối nhân dân. Theo ý tôi, thay vì phải bị trừng phạt vì những bài báo can đảm thì tờ New-York Times và Washington Post đáng được hoan nghênh (12).

(12) Tạp chí Thời nay, số 293 tháng 1 - 1972.

Đoạn 3 : TRONG SẮC LUẬT 007/72.

Ta biết rằng trong khuôn khổ luật ủy quyền, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã ký ban hành ngày 4-8-1972, Sắc luật 007/72 sửa đổi nhiều điều khoản của Luật 019/69 mà theo lời Tổng Thống Thiệu là 1 trong 3 cánh cửa mở để Cộng sản lợi dụng xâm nhập. Chúng ta cần phải có, vẫn theo lời Tổng Thống Thiệu những luật lệ chặt chẽ để ngăn chặn Cộng sản len lỏi vào hàng ngũ quốc gia.

Sắc luật 007/72 đã thực sự tạo khó khăn cho báo chí về phương diện xuất bản, phát hành và chế tài.

A.- Điều kiện ký quỹ năng nề:

Ngoài những điều kiện qui định tại Luật 019/69 về xuất bản và phát hành báo chí, Sắc luật 007/72 đặt thêm điều kiện ký quỹ cho những ai muốn ra báo và phát hành báo. Về xuất bản luật buộc phải ký quỹ 20 Triệu (đối với nhật báo) và 10 Triệu (đối với tạp chí định kỳ). Riêng về phát hành, điều luật tỏ ra nâng đỡ những người làm báo chuyên nghiệp hơn tư nhân. Nếu muốn phát hành tờ báo do chính mình xuất bản, nhật báo chỉ phải ký quỹ 5 Triệu đồng trong khi đó, tư nhân muốn phát hành trên 1 tờ báo do người khác xuất bản phải ký quỹ 50 Triệu đồng.

Đây là một điều lạ lùng ít thấy xuất hiện trong các chính sách báo chí mà hậu quả nhãn tiền là sau khi Sắc luật 007/72 ra đời, số nhật báo phát hành giảm xuống còn 16 tờ (thay vì 40 tờ như trước).

Điều kiện này khiến ta liên tưởng đến một sự kiện sẽ được cơ quan công quyền làm lợi khi để đè bẹp báo đối lập và nâng đỡ "báo nhà". Thực vậy, đối với những báo không có thể lực nếu không chạy đủ 20 Triệu thì chỉ còn một cách là đóng cửa tờ báo vô hạn định. Riêng những "báo nhà" sẽ được chính quyền hoặc các vị mạnh thường quân miễn oan sẵn sàng ứng ra 20 Triệu để tiếp tục xuất bản. Như vậy chính quyền một mặt loại trừ được một số báo cứng đầu, mặt khác hạn chế được số lượng báo lưu hành hậu để kiểm soát.

Đối với những báo khác còn muốn tiếp tục hoạt động mà không đủ khả năng tài chánh có thể vay tại Ngân hàng hoặc trông cậy vào

các nhóm áp lực như tôn giáo, đoàn thể. Nhưng sự kiện này sẽ đặt báo chí vào một trường hợp bi đát. Vì vay của Ngân hàng 20 Triệu m ở i tháng phải trả khoảng 200.000 đồng tiền lời, đó là chưa nói đến việc Ngân hàng có thể từ chối không cho vay nếu tờ báo không đủ tư cách để bảo đảm, nhất là nếu tờ báo lại có khuynh hướng đối lập. Nếu dựa vào các nhóm áp lực hay vào các đoàn thể thì tờ báo phần nào phải hy sinh tính cách độc lập của mình.

B.- Tịch thu, đình bản.

Sắc luật 007/72 qui định một số trường hợp tịch thu và đình bản.

1/- Về phương diện tịch thu, luật chia làm 2 loại: tịch thu hành chính và tịch thu tư pháp.

Trong loại tịch thu thứ nhất, Tổng Trưởng Nội Vụ (đối với báo xuất bản tại Saigon) có quyền ra lệnh tịch thu 1 tờ báo trước hoặc đang khi lưu hành. Lý do của sự tịch thu là vi phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục hoặc phạm tội mại dâm, phỉ báng một số nhân vật và cơ quan luật định.

Trong loại tịch thu tư pháp, Tòa án nhân một vụ xét xử báo chí nếu xác nhận tội phạm ghi ở các điều 27, 28 và 29 của luật báo chí (về tội xúi giục phạm tội, phổ biến đề cao chủ nghĩa Cộng sản ...) sẽ truyền tịch thu và tiêu hủy những số báo phạm pháp cùng những dụng cụ liên hệ.

2/- Về phương diện đình bản, điều 18 luật báo chí ghi: "Báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hoặc vĩnh viễn nếu không có quyết định của cơ quan tư pháp" và Tòa cũng chỉ có quyền đình bản trong trường hợp báo chí vi phạm các điều 27, 28 và 29 nêu trên. Đây là một điểm tiến bộ của luật 019/69 và Sắc luật 007/72, vì theo qui chế cũ (Sắc luật 30-04-64), Hành pháp được quyền đình bản báo chí một thời hạn hoặc vĩnh viễn và báo chí không có quyền bào chữa, kêu nài.

Tuy nhiên, luật báo chí lại dành cho cơ quan hành chính một đạo quyền trong việc đình bản. Thật vậy, cơ quan Hành chính đã được quyền đình bản có thời hạn trong những trường hợp sau:

- Báo chí công khai đưa ra khỏi nhà in trước giờ phá thành, hay tiếp tục in thêm, tàng trữ những số báo đã bị tịch thu.

- Bị tịch thu lần thứ hai cũng vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng.

Đặc quyền của cơ quan Hành chính đã tạo nên một hệ quả là "mở đường cho những vụ điều đình trong bóng tối". Nhà báo h o ặ c chấp nhận hy sinh danh dự và tự do của mình để duy trì sự sống c ò n của tờ báo bằng cách viết thư nhận lỗi tới cơ quan hành chính để nơi đây xếp nội vụ lại; hoặc hy sinh quyền lợi vật chất và đời sống của tờ báo để bảo toàn lương tâm chức nghiệp.

Ngoài ra, người ta tự hỏi nếu tịch thu mà không truy tố thì nhà báo làm cách nào để đòi bồi thường? Đó là chưa kể những vụ tịch thu "lõ" vì sự làm lãn của chuyên viên ra lệnh tịch thu.

Phát hành mau, kịp thời là một trong những mối ưu tư c ù a những người làm báo. Do đó những biện pháp tịch thu phải thi - hành gấp rút trước khi tờ báo được đem ra khỏi nhà in. Chính vì vậy m à người ta thường hay gặp những xe Cảnh sát có trang bị đầy - đ ù súng ống máy móc truyền tin đậu sẵn trước cửa các nhà in, đợi khi có lệnh là tràn ngay vào hốt tất cả số báo vi phạm trước khi báo ấy kịp phát hành.

Cũng cần ghi nhận rằng, trong suốt thời ðệ I Cộng Hòa chỉ có 2 vụ tịch thu và truy tố. Đó là trường hợp 2 tờ Thời Luận của Ông Nghiêm Xuân Thiện và tờ Đường Sống của Linh mục Vũ Ngọc Trác.

Sau đây là vài con số tịch thu và truy tố ghi nhận được sau khi có luật 019/69 và SL 007/72 (13).

o Tịch thu :

- 1970 : 418 vụ

- 1971 : 1158 vụ (riêng tháng 5 và 6 có tới 513 vụ được truy tố)

- Từ 4-8 đến 31-12-73 : 128 vụ
- 1973 : 105
- o Truy tố (kể từ ngày Biện lý cuộc nhận được thống kê của Bộ Nội Vụ)

Trong năm 1971 :

- tháng 1 : 30 vụ
- ' 2 : 70
- ' 3 : 73
- ' 4 : 75
- ' 5 : 78
- ' 6 : 187

Sự đối chiếu giữa hai thời kỳ đệ I Cộng Hòa và dưới chế độ của luật 019/69 và Sắc luật 007/72 về phương diện tịch thu và truy tố cho phép ta rút ra một hệ luận: "Phải chăng chế độ báo chí hiện hành đã tỏ ra kém hữu hiệu?"

C.- Chế tài nghiêm khắc.

Nhân buổi nói chuyện tại Trường Cao Đẳng Quốc Phòng ngày 1-8-1972, Tổng thống Thiệu đã tuyên bố đại ý: "Ba kẻ hở mà Cộng sản có thể lợi dụng để xâm nhập hoặc chống lại chúng ta là luật Báo Chí, luật bầu cử và luật đảng phái; Do đó cần phải có những luật lệ chặt chẽ và thích hợp hơn để ngăn chặn sự xâm nhập của Cộng sản cũng như dập tan các âm mưu xáo động chính trị của chúng". Ba ngày sau lời tuyên bố dọn đường trên, Hành pháp ban hành Sắc Luật 007/72.

Làng báo Việt Nam thực sự thay đổi bộ mặt. Như đã trình bày ở những đoạn trên, Sắc luật 007/72 nhằm 2 mục đích chính là hạn chế số báo lưu hành và xiết chặt thêm những biện pháp chế tài. Người làm báo từ nay phải sử dụng ngòi bút của mình sao cho vừa thể hiện được nhiệm vụ thông tin nghị luận của một nhà báo chân chính vừa "lách" được những cấm đoán qui định trong sắc luật này.

Khi phân tích mô xé tội phạm báo chí, chúng ta đã đề cập đến những hình phạt dự liệu cho các tội phạm báo chí. Tuy nhiên, chế tài nặng nhất nằm nơi điều 3 của Sắc luật 007/72 liên quan đến các tội ghi

ở điều 27, 28, 29 của luật báo chí. Tức là các tội xúi giục, tội loan những tin tức có hại và tội đề cao Cộng sản. Phạm vi của ba tội này rất rộng lớn và luôn luôn ám ảnh những người làm báo. Nhất là trong lãnh vực thông tin, nghị luận, sai một ly đi một dặm.

• Tội xúi giục : Theo điều 27, báo chí sẽ bị phạt tù cấm cố và phạt vạ từ 1 triệu đến 5 triệu đồng nếu xúi giục người khác xâm phạm an ninh quốc gia xúi giục quân nhân bất tuân kỷ luật, hoặc bất cứ một trọng tội hay khinh tội nào khác.

Nếu so sánh với qui chế ấn định tại luật 1881 thì chế tài này nghiêm khắc hơn nhiều. Thật vậy, theo luật báo chí 1881, sự xúi giục bằng phương tiện báo chí các tội phạm tương đương chỉ bị phạt tối đa 5 năm tù. Hình phạt này chỉ áp dụng trong trường hợp sự xúi giục có hiệu quả. Còn trong tất cả trường hợp sự xúi giục vô hiệu quả, không phân biệt trọng tội hay khinh tội, báo chí chỉ có thể bị trừng phạt với tư cách tòng phạm chiếu theo hình luật. Trong khi đó điều 27 của Sắc luật 007/72 minh thị trừng phạt những tội phạm xúi giục kể trên cả trong những trường hợp chưa đưa đến hiệu quả.

Hình phạt của điều 27 quá nặng nề trong khi đó về mặt nội dung lại quá cô đọng và mơ hồ. Thật vậy, điều khoản trên chỉ qui định sự xúi giục mà không định nghĩa các đặc tính của sự xúi giục.

Theo pháp lý thông thường, một bài báo bị buộc tội xúi giục tất nhiên phải có tính cách xúi giục trực tiếp nhằm thẳng vào số người nào đó và có mục đích thúc đẩy người ấy gây ra tội phạm. Thí dụ : một bài báo trình bày các hành động của một gian thương đầu cơ tích trữ phân bón khiến dân chúng nổi giận kéo đến hành hung gian thương, bài báo ấy không thể bị buộc vào tội xúi giục đã thương được. Tội xúi giục đã thương chỉ thành tựu nếu tác giả hô hào giới tiêu thụ thẳng tay trừng trị tên gian thương nọ. Một bài báo vạch ra những khuyết điểm của một chế độ quân vụ cũng không thể bị kết tội xúi giục binh sĩ bất tuân kỷ luật. Bài báo chỉ trích tác phong của một sĩ quan không đương nhiên có nghĩa là xúi giục binh sĩ chống lại mệnh lệnh của sĩ quan ấy v.v...

Tội xúi giục của báo chí sẽ là một cản trở cho việc hành nghề của nhà báo nếu tội ấy không được qui định một cách đúng đắn, nghĩa là phải được xác định trên cơ sở của những tương quan cụ thể, tương quan giữa bài báo với tội phạm xảy ra, hoặc mưu toan phạm pháp; tương quan giữa bài báo với kẻ phạm tội. Nếu chỉ được xác định bằng lối suy diễn thì thiết tưởng báo chí không còn ai dám đặt bút đả phá các điều bất công phi lý trong xã hội. Về phía chính quyền, những sai lầm sẽ không được nêu lên, hậu quả là quần chúng không nhìn thấy những tệ đoan, nhữg thói nát của chính quyền. Người lãnh đạo sẽ biến thành thần thánh, thiếu căn bản nhân dân, đúng như chính trị gia Montaigne đã tuyên bố: "Càng ngồi cao thì càng tự đào hố chôn mình" (Sits be on never so high a throw a man still on his own bottom).

Nếu đồng hóa sự "vạch trần bất công, tội ác và sai lầm của chế độ" với sự "xúi giục phạm tội" tức là tước mất quyền tự do báo chí. Ngược lại, nếu chính quyền lắng tai nghe những chỉ trích xây dựng của báo chí thì báo chí có cơ hội phát triển tự do của mình. Tại đó quyền tự do chỉ trích của báo chí sẽ là liều thuốc hiệu nghiệm để chống độc tài. Chỉ có những chính quyền mạnh mẽ độc tài mới sợ sự chỉ trích của báo chí, ký giả danh tiếng Mochtar Lubis, Chủ bút kiêm bình luận gia của tờ Indonesia Raya (hiện là 1 trong 4 bình luận gia xuất sắc của tạp chí Newsweek) đã từng bị chính quyền độc tài Sukarno bỏ tù 14 năm vì tội chống lại chính sách của Sukarno. Năm 1962, để biện minh cho sự độc tài của mình. Sukarno đã nại lý do chiến tranh và phát triển để phát động chiến tranh phi lý và ngu xuẩn với Mã Laiá. Ông nói: "Báo chí phải tham gia vào công cuộc phát triển mà chỉ chúng tôi (Sukarno) mới có đủ tư cách thực hiện. Ký giả Lubis bị tù 14 năm vì cương quyết chống lại chủ trương của Sukarno. Ông chỉ được phóng thích sau khi chính quyền Sukarno sụp đổ.

• Các tin tức có hại: Điều 28 luật báo chí dự liệu: "Không được dùng báo chí để phổ biến các luận điệu thất thiệt hoặc tin tức có thật nhưng với dụng ý có thể gây ra một trong những tác dụng sau:

- Làm phương hại nền an ninh quốc gia hay trật tự công cộng.

- Làm phương hại nền kinh tế tài chánh quốc gia.

- Làm suy giảm kỷ luật và tinh thần chiến đấu của quân đội.
- Gây chia rẽ giữa tôn giáo, sắc dân, địa phương.

Cả 4 tiêu chuẩn này đều chính đáng trong bản chất. Làm phương hại đến 1 trong 4 tiêu chuẩn ấy chẳng những nguy hiểm cho một cá nhân, một giới mà còn nguy hại cho cả cộng đồng. Luật báo chí 1981 và của các quốc gia dân chủ khác cũng qui định tương tự. Vậy chế tài của điều 28 kể trên là một điều cần thiết.

Tuy nhiên, báo chí Việt Nam thường gặp những khó khăn sau:

1/- Căn cứ vào tác dụng phương hại, điều 28 không những chỉ trừng phạt các luận điệu, tin tức thất thiệt mà còn trừng phạt cả các tin tức có thật nữa. Thí dụ một bản tin đăng báo, xét ra phương hại đến tinh thần chiến đấu của quân đội. Tin ấy dù đúng, dù sai, tờ báo loan tin vẫn có thể bị truy tố và bị hình phạt. Giữa 2 trường hợp chỉ có một điểm phân biệt: nếu bản tin thất thiệt, tờ báo chỉ có việc công bố bản tin là bị qui trách liền. Trái lại, nếu bản tin có thực, tòa sẽ xét coi tờ báo khi loan tin có dụng ý tác hại hay không? Nói một cách khác, tờ báo sẽ bị hình phạt nếu sự công bố bản tin nhằm mục đích làm suy giảm tinh thần quân đội hoặc nếu đã biết trước bản tin có tác dụng phương hại mà vẫn loan ra. Trong trường hợp này muốn tránh trách nhiệm, báo chí phải làm cách nào để chứng minh được sự ngay thẳng của mình. Đó không phải là một việc dễ dàng vậy!

2/- Điều 28 đã dùng 4 chữ "Có thể gây ra". Bốn chữ ấy có thể khiến cho tội phạm bao hàm một phạm vi quá rộng lớn. Tác dụng của bài báo không cần được thể hiện mà tờ báo vẫn có thể bị truy tố và bị hình phạt. Người ta sẽ dựa vào đâu để khẳng định hậu quả của một bản tin đăng trên báo?

Ngoài ra, những tội trạng bị truy tố có cần phát sinh một vài triệu chứng nào chẳng hay chỉ là một sự suy đoán. Tất cả nội dung của điều 28 đã mang số phận của báo chí đặt vào tay các vị Thẩm phán mà sự luận tội tùy thuộc vào sự suy đoán của các vị này. Sự suy đoán rộng rãi hay nghiêm khắc sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến báo chí.

• Đề cao Cộng sản : Theo điều 29, không được dùng báo chí để phổ biến các tin tức, tài liệu và luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của Cộng sản hoặc Trung lập thân Cộng.

• Nếu tội phạm được xác định, tòa án sẽ tuyên phạt tù giam có kèm theo phạt vạ từ 1 triệu đến 5 triệu đồng chứ không được chọn 1 trong 2 hình phạt ấy. Ngoài ra còn bị tịch thu toàn thể số báo phạm pháp và dụng cụ liên hệ.

Theo sát nguyên văn, ta thấy nhà làm luật không ngăn cấm những bài báo nói tới Cộng sản hay Trung lập một cách khách quan, không khen không chê. Thí dụ như một bài khảo luận về chủ nghĩa Cộng sản, về đường lối Trung lập thân Cộng. Nội dung bài báo chỉ có tác dụng giúp độc giả tìm hiểu vấn đề rồi tự mình quyết định thái độ. Bài báo ấy không nhằm đề cao Cộng sản hay Trung lập thân Cộng. Như vậy không rơi vào chế tài của điều 29.

Riêng về Trung lập, điều luật chỉ ngăn cấm sự đề cao Trung lập thân Cộng. Đối với những hình thái Trung lập khác, báo chí có thể có a ngại mà không bị truy tố. Tuy nhiên, đó chỉ là giải thích chặt chẽ điều luật. Thực tế, vấn đề xác định Trung lập kiểu nào lại tùy thuộc các vị Thẩm phán trước Tòa.

Ngoài ra trong lãnh vực chuyên môn, một bài báo thường đ ư ợ c thực hiện bởi 2 người: Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung, nhưng Tổng Thư ký tòa soạn là người có toàn quyền đặt tít (titre) cho bài báo. Nếu truy tố tít của bài báo thì người chịu trách nhiệm lại là tác giả chứ không phải vị Tổng Thư Ký.

Vệ phương diện chế tài những người trách nhiệm, có vài nhận xét sau đây:

Theo sự qui định của luật báo chí thì sẽ bị truy tố như chánh phạm theo thứ tự sau đây, nếu không truy tố được người ở những hàng trên:

- Chủ nhiệm hay Quản lý
- Chủ bút hay tác giả
- Chủ nhà Xuất bản, chủ nhà in
- Những người phân phát và bán báo.

Ta nhận thấy, quản lý và những người thuộc hàng thứ ba và thứ tư phần nhiều có trình độ trí thức yếu kém. Khi một tờ báo bị truy tố vì một tội danh có tính cách trêu tượng và mơ hồ như vi phạm an - ninh quốc gia chẳng hạn. Đặt giả thuyết rằng tòa không truy tố được vị chủ nhiệm, như vậy phải truy tố người quản lý hoặc những người thuộc hàng thứ ba và thứ tư. Sự truy tố như vậy quả là phi lý và bất công. Vì những người này đâu có hiểu gì về nội dung những bài báo. Hoạt - động chính của họ hoàn toàn có tính cách thương mại. Hãy tưởng tượng, một cô quản lý mà phạm vi hoạt động chỉ là "đếm tiền" bị truy tố ra tòa vì tội dùng báo chí để phổ biến tin tức nhằm đề cao Cộng Sản, được Tòa hỏi: "Vậy bị can đã kiểm soát kỹ bài báo trước khi in chưa?" Cô quản lý sẽ trả lời như thế nào?

Một khó khăn thực tế nữa là vấn đề "bút hiệu". Vì lý do bảo vệ bí mật và bênh vực đồng nghiệp, nhiều khi tòa soạn thường không chịu tiết lộ của những bút hiệu trong những bài báo có tính cách châm biếm, soi mói. Đành rằng, nếu không truy ra tác giả, tòa có thể truy Chủ nhiệm, Chủ bút, quản lý. Nhưng dù ba người này bị truy tố, tác giả bài báo vẫn bị coi là tòng phạm. Trong trường hợp này, vấn đề "Bút hiệu" đã trở thành rắc rối. Năm 1962, De Gaulle khi còn tại chức đã bị một bài báo chỉ trích về "giáo mơ thành lập một sức mạnh nguyên tử tách khỏi Âu Châu" của Ông. Tổng Trưởng Tư pháp được lệnh truy tố người ký tên dưới bài báo ấy. Nhưng không biết tên thật vì đó chỉ là một bút hiệu. Do đó, Tổng Trưởng Tư pháp đề nghị truy tố Chủ nhiệm. De Gaulle ra lệnh xếp nội vụ vì "không thể làm chuyện phi lý ấy được, ai làm người ấy chịu."

Tại Việt Nam, cách đây ít lâu, trong phiên tòa họp ngày 11-11-1971, Ký giả Tiêu Lang bị truy tố vì bài báo "Bí mật là lương thiện" có nội dung nhằm chỉ trích chủ trương "4 không". Bài báo được đăng trên mục "vui buồn với bạn đọc" của nhật báo Hòa Bình. Trước tòa, Chủ nhiệm nhật báo Hòa Bình xác nhận bút hiệu Tiêu Lang là của chúng tất cả anh em trong tòa soạn. Nhưng vị chánh án không đồng ý và lý luận một cách rất văn chương nghệ thuật rằng: Tiêu Lang là tên của Tiêu Sử chuyên thổi ống sáo, Trương tử Phòng là tên của Trương Lương

chuyên thổi ống tiêu. Cả Tiêu Sử và Trương Lương đều là những nhân vật trong truyện Tàu. Trương tử Phòng là Phạm Kim Vinh, vậy Tiêu Lang cũng là Phạm Kim Vinh. Luật sư biện hộ cho nhật báo Hòa Bình lúc đó đã giải thích rằng, về phương diện nghệ thuật, ống sáo và ống Tiêu là hai loại nhạc khí mà cách sử dụng hoàn toàn khác nhau, một đàn thổi dọc, một đàn thổi ngang. Vậy không thể khẳng định Tiêu Sử và Trương Lương là một được. Và lại, sự suy đoán như vậy không có gì là vững chắc vì không dựa vào những bằng chứng cụ thể và xác thực. Kết quả tòa vẫn phạt Phạm Kim Vinh 2 tháng tù treo (14).

Nếu ra vài thí dụ như vậy để ghi nhận những đe dọa và khó khăn thực tế của báo chí Việt Nam do luật báo chí mang lại. Thêm vào đó là những cách thức định tội danh mơ hồ tạo nên những xét xử vô đoán đã khiến cho người làm báo bị giới hạn quá nhiều trong khi hành nghề. Nhưng những giới hạn ấy lại được nhà làm luật xác định một cách vô giới hạn khiến cho nhà báo nhiều khi lúng túng không thể nào nhận định được rõ ràng ranh giới phải ngừng lại. Tóm lại, dưới chế độ của Sắc luật 007/72, người làm báo tại Việt Nam đã phải hành sử nghề nghiệp của mình trong những điều kiện vô cùng khó khăn. Gạt ra ngoài những tờ báo chủ trương "theo thời", lấy mục đích "kiểm ăn" làm cứu cánh, sẵn sàng đầu quân trong hàng ngũ "gia nô báo" để an phận. Những người làm báo o hân chính phải cố gắng để hành sử quyền của mình sao cho vừa chu toàn được bổn phận thông tin nghị luận, vừa tránh được những chế tài nghiêm khắc mà phạm vi rất mơ hồ và bao quát.

Đến đây, một câu hỏi được nêu lên, ngoài những tội phạm do luật báo chí qui định, báo chí và người làm báo còn có thể bị truy tố theo luật lệ nào khác nữa chăng? Trước khi có Luật báo chí, nhà báo đôi khi bị truy tố theo hình luật hoặc các luật đặc biệt ban hành riêng rẽ nhất là trong thời kỳ chiến tranh. Thí dụ Sắc luật 004/65, ngày 19-7-1965 trừng phạt các tội như phản nghịch, phá rối trị an, thân Cộng, nguy hòa, v.v... Lúc ấy cơ quan hữu trách có thể giải thích rằng qui chế báo chí

(14) Theo lời thuật của Luật sư Phạm Kim Vinh tại lớp Báo chí năm thứ 4 Viện Đại Học Vạn Hạnh.

mới chưa được ban hành, qui chế cũ đã được bỏ túc nhiều lần nên luật lệ áp dụng cũng phức tạp. Nhưng tới nay người ta đã có sẵn một đạo luật ổn định toàn bộ Quy chế báo chí. Các tội phạm mà báo chí cần phải tránh đều đã được dự liệu trong luật. Như vậy, thiết tưởng ngoài các điều khoản trong luật báo chí, người làm báo không bị buộc vào một tội nào khác nữa. Hơn nữa mỗi khi báo chí bị truy tố, Tòa án tất nhiên chỉ có thể căn cứ vào luật 019/69 (Sửa đổi bởi Sắc luật 007/72) để tuyên phạt, mặc dù tội phạm cũng được dự liệu bởi bộ Hình luật hay các đạo luật khác. Thí dụ, báo chí bị truy tố về tội cổ vũ Trung lập thân Cộng, nếu tội phạm được xác nhận, tòa án chỉ có thể tuyên phạt tối đa là cấm cổ và phạt vạ từ 1 triệu đến 5 triệu đồng theo điều 3 của Sắc luật 007/72. Tuy nhiên, nguyên tắc này chỉ có giá trị với tội phạm báo chí phát sinh từ hoạt động báo chí. Còn trường hợp chủ nhiệm hay ký giả phạm pháp do những hành vi không dính líu tới báo chí, chế tài sẽ do hình luật thông thường.

TIẾT II:

Ưu, khuyết điểm của Luật

019/69

Theo lý luận của nhà cầm quyền hành chánh, luật báo chí đã có một khuyết điểm lớn nhất là tạo nên 1 trong 3 cánh cửa ngõ để cho Cộng sản xâm nhập. Khuyết điểm này được nhìn dưới nhãn quan chủ quan theo đó, trong bối cảnh xã hội và chính trị Việt Nam, vì lý do chiến tranh và nhất là phải đấu tranh chính trị với Cộng sản nhà cầm quyền phải có thẩm quyền hành để dễ dàng đối phó với tình thế. Trong khi đó luật báo chí 019/69 ra đời, tước quyền của Hành pháp trong nhiều lãnh vực nhất là về phương diện xuất bản và chế tài. Sự kiện này đưa đến hậu quả là phạm vi kiểm soát của chính quyền đối với báo chí bị thu hẹp lại. Do đó, tác dụng của việc hành sử quyền thứ tư này đôi khi lại hoàn toàn không thỏa mãn tham vọng và chủ trương của nhà cầm quyền.

Về phía báo chí, sự xuất hiện của luật 019/69 đã mở màn cho một kỷ nguyên mới. Việc hành sử nghề nghiệp được luật pháp bảo đảm thực sự. Đó là ưu điểm quan trọng nhất mà tất cả những người làm báo ở Việt Nam đều công nhận. Như vậy phải chăng, đối với luật 019/69, những ưu điểm của báo chí lại là những khuyết điểm cho nhà cầm quyền?

Đoạn 1 : ƯU ĐIỂM.

A.- Luật 019/69 đặt nền tảng pháp lý cho Báo chí Việt Nam.

Luật báo chí ngày 29-7-1881 của Pháp (được áp dụng cho cả Việt Nam) có hiệu lực từ 22-9-1881 đến ngày 30-12-1898 (ngày ban hành Sắc luật 30-12-1898 hạn chế tự do báo chí). Được mô tả là một Đạo luật báo chí có nội dung tiến bộ và tự do nhất thế giới, luật 1881 qui định một cách khá rộng rãi về việc xuất bản và lưu hành báo chí theo đó mọi sự xuất bản và lưu hành đều không phải chịu một điều kiện tiên thiên nào. Sau hơn 17 năm sống dưới chế độ pháp lý rộng rãi ấy, báo chí Việt Nam phải trải qua đúng 71 năm (từ 30-12-1898 đến 30-12-1969) sinh hoạt dưới sự chi phối của một lô những luật lệ chấp vá, khi thì chặt chẽ khi thì lỏng lẻo bằng những Dự, Sắc luật, Nghị định. Những bản văn lẻ tẻ kia chỉ do nhà cầm quyền Hành chính ở phương qui định và ban hành. Vì vậy báo chí phải lãnh tất cả thiệt thòi và bất công.

Luật 019/69 đã có tác dụng chấm dứt tình trạng trên và đặt nền tảng pháp lý cho báo chí Việt Nam. Đây là một điểm son trong lịch sử báo chí, thể hiện chủ quyền quốc gia và đề cao nguyên tắc trọng pháp trong chế độ dân chủ.

Về mặt hình thức, sự ban hành luật 019/69 đã được thực hiện trong một tiến trình hợp hiến. Với sự mở xẻ bàn cãi và đúc kết của Quốc Hội lưỡng viện cộng thêm với sự nghiên cứu đề phúc nghị của Hành pháp đã là một bảo đảm cho sự đứng đắn và hợp lý của Đạo luật.

Về nội dung, luật 019/69 đã dung hòa được quyền lợi giữa người làm báo và nhà cầm quyền. Đạo luật đã ghi rõ những quyền lợi

dành cho nhà báo và những bốn phận mà họ phải thi hành kèm theo những biện pháp chế tài thích nghi. Người làm báo tại Việt Nam từ nay có thể nhận định được rõ ràng đâu là con đường phải theo và họ có hoàn toàn tự do trong khi hành sử quyền hạn của mình. Ngược lại họ cũng hoàn toàn chịu trách nhiệm luật định về những hành vi của mình. Đó là một sự dung hòa giữa quyền lợi và trách nhiệm.

Đây là một nỗ lực của cả Lập pháp lẫn Hành pháp trong nhiệm vụ thi hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia vì điều 12 (khoản 3) Hiến pháp Việt Nam Cộng Hoà qui định: "... một đạo luật sẽ ấn định qui chế báo chí".

Về phương diện nghề nghiệp, luật 019/69 đã có công định hình hóa hàng ngũ những người làm báo. Theo điều 39, Hội Đồng báo chí do các hội đoàn báo chí bầu lên có tư cách pháp nhân, là tiếng nói chính thức của báo chí trong nhiệm vụ đại diện, chấp hành qui ước báo chí và là gạch nối giữa báo chí và chính quyền. Tuy trên thực tế, người ta chưa ghi nhận một hiệu năng nào của Hội Đồng báo chí và Hội Đồng này cũng chưa thể hiện một thực quyền nào. Nhưng việc qui định định chế Hội Đồng báo chí đã mở đường cho sinh hoạt dân chủ trong lãnh vực báo chí.

B.- Luật 019/69 bảo đảm hữu hiệu ký giả trong khi hành nghề.

Theo các luật lệ cũ, việc đóng cửa báo thuộc thẩm quyền chuyên quyết của cơ quan Hành chánh. Nhà báo không có quyền khiếu nại hoặc bắt buộc cơ quan Hành chánh viện dẫn lý do. Đó là một chính sách "thuật trị", không hề có căn bản pháp lý. Mỗi khi cần biện minh cho một hành vi của mình, chính quyền thường viện dẫn những lý do trừu tượng mơ hồ như để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự và vệ sinh công cộng. Cái khó cho nhà báo trong khi hành sử quyền của mình là không phân biệt được những điều nên làm, phải làm với những điều cấm đoán. Nói khác đi không thể suy đoán được ý chí của nhà cầm quyền. Nhà báo phải tìm đường để "lách" khỏi những "đòn" của nhà cầm quyền. Nhưng những đòn ấy có thiên hình vạn trạng, nhà báo không thể nào tránh né hết được.

Dưới chế độ của luật 019/69, trên nguyên tắc, Hành pháp đã bị truất quyền trong nhiều lãnh vực (như trong các lãnh vực xuất bản, phát hành và chế tài). Sự kiện này đã tạo cho người ký giả một "an ninh tinh thần" (Sécurité mental) vì ranh giới quyền hạn giữa báo chí và nhà cầm quyền đã được minh định. Những vi phạm luật báo chí được trao cho cơ quan Tư pháp, biệt lập hẳn với Hành Pháp, do đó báo chí được sự vô tư trong việc xét xử. Nhà báo trước khi bị truy tố được biết rõ mình phạm tội gì và sẽ bị hình phạt tối đa ra sao để có thể sử dụng quyền biện minh của mình trước tòa. Mỗi khi bị hành pháp uy hiếp hoặc cản trở việc hành nghề, báo chí có quyền nhờ công lý (cơ quan tài phán) làm trọng tài. Tuy nhiên, luật lệ đặt ra là như vậy, còn việc tôn trọng hay không lại là chuyện khác, Luật pháp tự nó không thể lỏng lẻo mà do con người áp dụng sai lệch. Vì vậy, chúng ta không thể đồng ý với Tổng thống Thiệu khi ông cho rằng luật báo chí là một kế hớ mà có thể đồng ý với Montesquieu rằng "Hình phạt không cần nặng nề nghiêm khắc mà cần chắc chắn", nghĩa là phải được thi hành nghiêm chỉnh và đồng đều.

Một ưu điểm khác là luật 019/69 đã bãi bỏ chế độ kiểm duyệt. Nhà làm luật khi qui định như vậy đã mặc nhiên công nhận biện pháp hậu kiểm thay cho biện pháp tiền kiểm (kiểm duyệt). Đây là một thiện chí của nhà cầm quyền. Vì thông thường tại các quốc gia chậm tiến, biện pháp tiền kiểm thường được dùng nhiều hơn. Lý do là vì "Phòng bệnh hơn chữa bệnh", thứ nữa là tại các quốc gia này trình độ dân chúng nói chung và ký giả nói riêng tương đối còn yếu kém. Do đó chưa ý thức được quyền hạn và nghĩa vụ một cách đúng đắn, việc hành sử quyền tự do báo chí rất dễ trở thành phóng túng, gây hỗn loạn xã hội. Sau nữa, vì nhà cầm quyền thường có khuynh hướng tập trung quyền hành để dễ cai trị.

Ta phải công nhận rằng trình độ báo chí phải đạt được mức khá cao mới có thể ý thức được sự nguy hiểm của việc sử dụng phóng túng tự do báo chí. Đây là một thử quyền đòi hỏi người hành sử phải biết dừng lại trước một ranh giới cần thiết, nếu vượt qua sẽ có một hậu quả là trật tự xã hội sẽ bị xáo trộn và việc hành sử quyền tự do của mình

vô tình lại xâm phạm đến quyền tự do của người khác. Luật báo chí đã ấn định ranh giới đó và để cho nhà báo tự do hành động trong phạm vi ấy. Đây là một biện pháp thường được áp dụng tại các quốc gia dân chủ Tây phương. Việc bãi bỏ chế độ kiểm duyệt qui định nơi luật báo chí là tuân theo Hiến pháp 1967. Vì vậy nó vừa có hiến tính vừa có pháp tính. Đây quả là một bước tiến dài trong sinh hoạt dân chủ tại Việt Nam Cộng Hòa. Tuy nhiên hậu quả của điều luật này có tốt đẹp hay không còn tùy thuộc vào thiện chí của nhà cầm quyền Hành Pháp và vào tinh thần trọng pháp của người làm báo.

Sau cùng, luật 019/69 đã có ưu điểm trong việc chấm dứt nạn độc quyền phát hành báo chí. Thật vậy, theo qui chế cũ, việc phát hành báo chí phải được phép của nhà cầm quyền Hành chánh. Sự kiện này sẽ đưa đến độc quyền phát hành, bằng cố lẽ dưới thời đệ I Cộng Hòa chỉ có một cơ quan duy nhất được hoạt động. Đó là nhà phát hành "Thông-Nhất" của Hội Cựu chiến sĩ. Hậu quả của nạn độc quyền này là chính quyền chi phối hoàn toàn việc lưu hành báo chí, do đó ta sẽ không gặp làm lạ khi tại địa phương, người dân ít được đọc những báo có khuynh hướng đối lập. Trái lại, theo thể lệ hiện hành, việc phát hành báo chí được mở ra cho tất cả mọi người. Luật chỉ đòi hỏi giấy phép đối với trường hợp phát hành báo do người khác xuất bản. Thể lệ này đã chấm dứt quyền chuyên quyết của cơ quan Hành chánh trong lãnh vực cấp giấy phép lưu hành báo chí.

Đoạn 2 : KHUYẾT ĐIỂM

Phần lớn những khuyết điểm của Luật báo chí đều hội tụ nơi Sắc luật 007/72. Nhà cầm quyền Hành pháp khi ban hành Sắc luật này đã chủ trương hạn chế bớt quyền hành nghề của người làm báo do luật 019/69 qui định, đồng thời tăng thêm quyền hành của mình.

A.- Qui định quá chặt chẽ về chế độ xuất bản.

Theo thể lệ ấn định tại Luật 019/69, việc xuất bản báo chí không đòi hỏi một điều kiện tiên thiên nào, ngoài việc khai báo theo một sổ thủ tục hành chánh. Nhưng thể lệ này đã được sửa đổi bởi

Sắc luật 007/72 theo đó, ngoài điều kiện khai báo nêu trên, người xin ra báo còn phải ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố trong một trường mục có lời một số tiền là 20 triệu đồng (đối với nhật báo) và 10 triệu đồng (đối với báo định kỳ).

Ngoài ra, trong các điều kiện dành cho Chủ nhiệm, Chủ bút và Quản lý, luật buộc phải là người "không có hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản". Đây là một điều kiện mơ hồ; trên thực tế người ta tự hỏi nhà cầm quyền sẽ căn cứ vào đâu để xác định "hành vi nhằm mục đích tuyên truyền cho Cộng sản" hay chỉ là vô đoán. Phải chăng nhà làm luật đã dành cho cơ quan Hành pháp quyền quyết định nên cấp giấy phép ra báo cho những loại người nào?

Về phương diện pháp lý, Hiến pháp 1967 minh thị công nhân : "Quyền tự do và bình đẳng giữa mọi công dân", điều kiện ký quỹ chỉ nhằm vào một thiểu số giàu có. Đối với giới chủ báo tài phiệt hay thân chính, số tiền 20 triệu ký quỹ không thành vấn đề. Trái lại, với giới làm báo công nhân, lấy công làm lời thì việc "xoay" ra số tiền ký quỹ trên không phải là một chuyện dễ. Như vậy điều kiện ký quỹ dự liệu nơi Sắc luật 007/72 đã tạo nên một sự bất bình đẳng giữa các người làm báo mà giới bị thiệt thòi chính là thành phần ký giả công nhân nghèo và không có thế lực. Đối với những tờ báo có đủ điều kiện (20 triệu) để tiếp tục hoạt động sẽ phải giải quyết một vấn đề khó khăn, đó là viết thế nào để khỏi bị tịch thu và truy tố. Bởi vì mỗi lần bị tịch thu và phạt vạ thì số vốn của tờ báo sẽ cạn dần. Đó là chưa kể trường hợp vi phạm những điều 27, 28 và 29, tờ báo không được hưởng nguyên tắc "lương cấp tài phán" nghĩa là sẽ chỉ do toà án Quân sự mặt trận xử chung thẩm mà không được quyền kháng án lên toà trên và chỉ được quyền xin tiêu phá bản án trên Tối Cao Pháp viện với điều kiện phải nộp một khoản tiền dự phạt tương đương với khoản ngân bịnh mà toà quân sự mặt trận đã xử (từ 1 triệu đến 5 triệu đồng). Người ta tự hỏi, kháng tố là một quyền hay một ân huệ mà bắt nộp tiền dự phạt? Ngoài ra trong trường hợp được toà án Quân sự mặt trận tha bổng, theo luật thì ngay tại phiên toà ấy báo chí có quyền phản tố đòi bồi thường thiệt hại, số tiền này sẽ do ngân quỹ quốc gia gánh chịu. Tuy nhiên

trước tòa án Quân sự việc đòi bồi thường không được chấp thuận vì theo bộ quân phiệt không ai được đứng dân sự nguyên cáo trước tòa án quân sự. Vậy báo chí sẽ phải đòi bồi thường ở đâu?

• Vấn đề Tòa án Quân sự mất trận: Trên căn bản pháp lý, Tòa án Quân sự mất trận thường được dư luận cho là một định chế vi hiến, vì theo pháp chế hiện hành, việc thiết lập một tòa án phải được một đạ o luật qui định do Quốc Hội biểu quyết và Hành pháp ban hành. Về phương diện tổ chức, một tòa án phải hội đủ thành phần thẩm phán chuyên nghiệp (công tố và xử án). Ngoài ra, việc xét xử, phải tôn trọng nguyên tắc lưỡng cấp tài phán để bảo đảm tự do tối thiểu cho người dân. Tòa án quân sự chỉ được thiết lập bởi một Nghị định của Bộ Quốc Phòng do đó thiếu tính cách độc lập và vô tư. Tối Cao pháp viện cho đến nay v ẫ n chưa có thái độ về vấn đề này.

B.- Định tội danh một cách mơ hồ.

Ta biết rằng theo nguyên tắc "vô tội vô hình" (pas de peine sans lois), một tội phạm dù là trong lãnh vực báo chí cũng phải được luật qui định rõ ràng; nhiều khi đối với một tội mà đáng lẽ theo phép thông thường rất xứng đáng phải phạt, nhưng nếu luật không đ ị n h thì tòa vẫn phải tha. Tòa phải căn cứ vào bản văn của luật lệ để định tội danh, vị Thẩm phán sẽ xét xử công minh và đở vát và nếu tội danh được luật qui định rõ ràng dứt khoát, ngược lại nếu tội danh được qui định một cách mơ hồ trừu tượng khiến cho vị Thẩm phán phải giải thích, suy đoán, do đó dễ đưa đến việc định tội chủ quan, rất hại cho bị cáo. Đặc biệt là đối với những tội thuộc lãnh vực báo chí vốn mang sẵn đặc tính trừu tượng thì việc qui định tội danh lại càng phải thận trọng. Một quyết định võ đoán sẽ có ảnh hưởng tai hại đến cả sự nghiệp của tờ báo và ký giả.

Những ý niệm "an ninh quốc gia", "Trật tự công cộng", "có hành vi đề cao chủ nghĩa và chủ trương của Cộng sản", "làm giảm tinh thần chiến đấu của quân đội", v.v... có một phạm vi vô cùng rộng rãi, gây khó khăn cho việc xét xử trước tòa. Về phía nhà cầm quyền, sự giải thích những ý niệm trên luôn luôn có tính cách chật hẹp và chủ quan để "giữ thế" và "phòng ngừa". Dăng tin quân Cộng sản Bắc Việt t ấ n

công căn cứ Udorn bên Thái Lan hồi 1972 phải chăng là xâm phạm nền an ninh quốc ngoại? Đấng thỉnh nguyện thư của một binh sĩ xin được chuyển về một đơn vị gần gia đình vì đã phục vụ quá làm ngoài đơn vị tác chiến, có bị buộc tội làm giảm tinh thần chiến đấu của quân đội không?

Cái khó của nhà báo là phải đoán ra được ý chí của nhà cầm quyền. Việc suy đoán này lại càng khó khăn khi mà những ý chí ấy luôn luôn linh động, tùy thời, tùy hứng. Thí dụ vào những năm 1971, 1972, khi chưa có Hiệp Định Balê nếu báo chí đề cập tới "phía bên kia" hay "thành phần hòa hợp hòa giải dân tộc" hoặc "hiệp thương Nam Bắc", thì có thể bị ghép vào tội phá hoại an ninh quốc gia hoặc đề cao Cộng sản.

Vì vậy, người làm báo muốn an phận thủ thường, phải chăng chỉ còn một cách duy nhất là chỉ đăng những tin tức do Thông tấn xã nhà nước cung cấp. Bộ mặt báo chí lúc đó sẽ có một nội dung rất nghèo nàn và cùng mang một màu sắc, như lời Phan Khôi đã nhận định khi phê bình về tình trạng văn nghệ miền Bắc: "... Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình thì rồi đến ngày kia hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết" (15). Việt Nam Cộng Hòa không thể chấp nhận đường lối đó vì chính Hiến pháp và luật báo chí đã cùng long trọng xác nhận quyền tự do báo chí là bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là đừng dùng hình thức tự do như một bình phong để che dấu những hành động chuyên đoán. Sự lừa bịp dân dốt ở chiều bài tự do báo chí còn nguy hiểm hơn cả chế độ độc tài Cộng sản.

Hậu quả của việc định tội danh mơ hồ, như vậy sẽ mở đường cho những xét xử độc đoán và thiên lệch bất công. Về phía báo chí, đây là một cản trở lớn cho việc hành sử quyền tự do ngôn luận. Đứng trước một nguồn tin liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng, nhà báo sẽ lúng túng không biết chọn con đường nào. Về phía độc giả, sẽ

(15) Phan Khôi, Phê bình lãnh đạo văn nghệ, Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc, Mặt trận bảo vệ Tự do Văn Hóa - Saigon 1959, trang 61.

rất khó được thưởng thức những nguồn tin xác thực ngõ hầu nhận định được một cách chính xác, vô tư tình thế trong những biến chuyển của thời cuộc. Chính quyền và quần chúng càng ngày càng xa cách vì không tìm được tiếng nói trung thực của quảng đại quần chúng. Do đó ta sẽ không lấy làm lạ khi có nhiều người Việt Nam lại theo dõi những việc xảy ra tại Việt Nam qua báo chí ngoại quốc.

Đoạn 3 : MỤC TIÊU CỦA SẮC LUẬT 007/72 CÓ ĐẠT

ĐƯỢC KHÔNG?

Theo tài liệu học tập của Bộ DVCH, Sắc luật 007/72 nhằm những mục tiêu chính sau đây:

- Dung hòa hai nhu cầu "Dân chủ" và "Chiến tranh"
- Thể hiện công bằng xã hội
- Bảo vệ an toàn cá nhân
- Dung hòa quyền lợi quốc gia và quyền lợi người làm báo.
- Thực thi nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia

Ta lần lượt phân tích 5 mục tiêu trên để có thể rút ra được những nhận định khách quan.

A.- Về mục tiêu dung hòa nhu cầu "dân chủ" và "chiến tranh".

Đồng ý rằng, trong hoàn cảnh hiện tại, chúng ta phải đồng thời giải quyết hai vấn đề, đó là xây dựng dân chủ tự do và chiến thắng Cộng sản. Báo chí cũng như các cơ cấu khác phải chấp nhận hy sinh cho 2 mục tiêu trên tuân theo kỷ luật quốc gia là bổn phận của toàn dân chứ không riêng gì báo chí. Nhưng vấn đề đặt ra là luật pháp phải hợp lý về cả 2 phương diện hình thức và nội dung.

Sắc luật 007/72 đã do cơ quan Hành pháp đơn phương ban hành không qua thủ tục hiến định, hơn thế nữa những người làm báo không được tham khảo ý kiến, vì vậy đã tạo nên nhiều khuyết điểm cả về nội dung lẫn hình thức như đã trình bày ở trên. Vì được soạn thảo và ban hành đơn phương như vậy, chắc chắn Sắc luật 007/72 không thể

nào đáp ứng được mọi nhu cầu dù những nhu cầu ấy được quan niệm một cách chủ quan đi nữa. Chính quyền căn bản ở nhân dân, vậy tiếng nói của nhân dân phải được thể hiện, kể cả những tiếng nói không phù hợp đường lối, chủ trương của chế độ. Những tiếng nói ấy sẽ là dịp để chính quyền nhận định và kịp thời cải thiện, góp phần vào việc xây dựng tự do dân chủ, mà tự do dân chủ là "lợi khí để chiến thắng Cộng sản" đúng như nhận định của tài liệu học tập của Bộ DVCH.

Việc hy sinh tự do dân chủ cho nhu cầu chiến tranh phải được quan niệm một cách đúng đắn, đừng lợi dụng chiến tranh để bóp nghẹt dân chủ. Phải luôn nhớ rằng chỉ có những chính quyền mạnh mẽ độc tài mới sợ tự do báo chí. Sắc luật 007/72 đã hạn chế việc xuất bản báo chí trong điều kiện ký quỹ. Việc hạn chế lưu hành báo chí phải chăng là nhằm đáp ứng nhu cầu chiến tranh? Thiết nghĩ đó chỉ là 1 sự hy sinh quyền tự do mà không thỏa mãn được nhu cầu chiến tranh. Vấn đề là báo chí trong khi hành sử quyền của mình có hợp pháp và hợp luân không, chứ không phải số lượng lưu hành báo chí nhiều là đương nhiên đe dọa mục tiêu chiến thắng Cộng sản.

B.- Về mục tiêu thể hiện công bằng xã hội.

Vấn đề cạnh tranh nghề nghiệp trước khi có luật 019/69 đã tạo nên cảnh "chợ báo", bên cạnh những báo đứng đắn thường có những người nhảy vào làng báo với mục đích duy nhất là thương mại, do đó bất chấp mọi biện pháp cạnh tranh bất chính như in 2 ấn bản khác nhau, tranh nhau phát hành trước giờ ấn định, bất chấp những luật lệ do chính làng báo đưa ra, in tại nhiều nhà in khác nhau, cho mượn báo, v.v... Những tệ trạng đó, trên nguyên tắc đã được luật báo chí chấm dứt. Thật vậy, để cải thiện sinh hoạt đồng thời tạo cơ hội đồng đều cho mọi người làm báo phát triển nghề nghiệp của mình luật minh thị cấm chỉ phát hành trước giờ ấn định, phải khai báo tên và địa chỉ tất cả các nhà in dùng để in tờ báo, cấm chỉ 2 ấn bản khác nhau, cấm cho mượn báo, v.v... Tóm lại sự xuất hiện của luật báo chí đã thể hiện công bằng xã hội giữa những người làm báo và ở độc giả, tất cả mọi tờ báo không phân biệt của ai, của nhóm nào đều

phải tự ghép mình vào những qui định của luật báo chí và khi vi phạm thì đều bị chế tã như nhau.

Tuy nhiên với Sắc luật 007/72 công bằng xã hội đã bị xâm phạm. Trước hết, dù được ban hành trong khuôn khổ luật ủy quyền, Sắc luật 007/72 cũng không thể coi như có giá trị như một đạo luật vì nó không thể hiện được ý chí của toàn dân. Ngoài ra, theo điều 39 luật 019/69 : "Hội Đồng báo chí đại diện chính thức cho báo giới" và "liên lạc với chính quyền và các đoàn thể báo chí về những vấn đề liên quan đến báo giới". Thế nhưng Hội Đồng này đã không được chính quyền tham khảo ý kiến trong việc ban hành Sắc luật 007/72 chính quyền có thể không hài lòng về hiện tình làng báo cũng như đã nhìn thấy một vài bề bối của báo chí, nhưng chắc chính quyền chưa thấu đáo những khó khăn trầm trọng của báo giới. Vì vậy việc đơn phương ban hành Sắc luật 007/72 làm sao tạo được công bằng xã hội?

C.- Về mục tiêu bảo vệ an toàn cá nhân.

Ngay tại điều 1 của luật báo chí (không bị sửa đổi), nhà làm luật đã long trọng xác nhận: "... sự hành sử quyền tự do báo chí không được phương hại đến danh dự cá nhân ...". Ngoài ra theo điều 32 và 33, tội mạ lỵ phỉ báng tư nhân cũng bị cấm chỉ. Với những qui định như vậy, các người làm báo phải thận trọng trong việc hành sử quyền của mình và phải đền bù xứng đáng cho các cá nhân bị phỉ báng mạ lỵ. Đây là một ưu điểm của luật báo chí, phù hợp với tinh thần điều 6 Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa: "Quốc gia tôn trọng nhân phẩm, bảo vệ tự do sinh mạng, tài sản và danh dự mọi công dân". Vấn đề đặt ra là nếu an toàn cá nhân được bảo vệ quá kỹ thì người làm báo đành bó tay trước những tệ trạng do cá nhân gây ra phương hại đến cộng đồng xã hội. Điều 24 cho phép báo chí được phê bình, chỉ trích "chính sách" và "Kế hoạch" của chính quyền. Trong trường hợp báo chí vạch ra những lỗi lầm của một viên chức trong khi thi hành công vụ thì có được miễn trách không? Luật không đề cập đến trường hợp này, tuy nhiên nếu giải thích chặt chẽ ta có quyền nghĩ rằng báo chí sẽ không bị qui trách tội mạ lỵ và phỉ báng trong trường hợp này.

D.- Về mục tiêu dung hòa quyền lợi quốc gia và quyền lợi người làm báo.

Trong một quốc gia mà tình trạng chiến tranh còn lại là mối ưu tư của chính quyền thì quyền lợi tối thượng phải là quyền lợi của quốc gia. Chính Tổng Thống Thiệu đã từng tuyên bố: "Cứu nước là luật tối thượng" như vậy quyền lợi của cá nhân phải hy sinh cho quốc gia dân tộc. Tuy nhiên, điều quan trọng là khi nào thì phải hy sinh, nói khác đi không phải quyền lợi quốc gia luôn luôn lấn át quyền lợi của tư nhân. Nhà cầm quyền cũng không nên quá nhấn mạnh vào yếu tố "quyền lợi quốc gia" để lãng quên quyền lợi quần chúng. Và chẳng trong một quốc gia tự do dân chủ thì quyền lợi quốc gia chính là quyền lợi của nhân dân và phục vụ nhân dân là phục vụ quốc gia. Quan niệm như vậy có vẻ cực đoan. Vì đặc tính của chế độ dân chủ tự do là tôn trọng quyền tư hữu, ngoài ra đối tượng quyền lợi của quốc gia và tư nhân cũng khác nhau, một đằng nhắm vào những công ích, công dịch, một đằng nhắm vào tư lợi. Vì vậy vấn đề dung hòa 2 thứ quyền lợi ấy được đặt ra.

Để bảo vệ trật tự công cộng và an ninh quốc gia, Sắc luật 007/72 cho phép cơ quan hành chính được phép tịch thu và đình bản những tờ báo vi phạm luật báo chí trong 2 lãnh vực trên. Ngược lại, chỉ tòa án mới có quyền xét xử xem tờ báo có vi phạm hay không. Tờ báo nếu được tòa xác nhận vô tội thì có quyền ngửa tay tại phiên tòa ấy phản tố đòi bồi thường thiệt hại. Sự qui định như vậy quả thật đã dung hòa được quyền lợi của quốc gia và người làm báo. Nhưng, như đã trình bày ở phần trên, Sắc luật 007/72 đã trao một số tội phạm báo chí cho tòa án quân sự mật trận xét xử chung thẩm. Sự kiện này khiến cho quyền lợi người làm báo bị hy sinh hoàn toàn mà không được đền bù tương xứng. Thật vậy với thủ tục xử chung thẩm, người làm báo không được quyền xử lại ở cấp ^t _{áo} phán khác, và khi xin tiêu phá bản án tại Tối cao pháp viện, tờ báo phải đóng tiền dự phạt (từ 1 triệu đến 5 triệu đồng). Như vậy đã mất quyền kháng án. Vậy xét cho kỹ, với Sắc luật 007/72 quyền lợi của người làm báo bị hy sinh và đe dọa nhiều hơn.

Phải chăng sự kiện này đã chứng tỏ cái yếu kém của chế độ, vì sợ tự do báo chí mà chính quyền phải đặt ra những hạn chế khắt khe như vậy.

E.- Về mục tiêu thực thi nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia.

Theo lý luận của nhà cầm quyền, vì những biện pháp chế tài qui định tại luật báo chí 019/69 đã tỏ ra không hữu hiệu. Mặc dù đã từng bị tuyên phạt, nhưng những báo vi phạm vẫn tiếp tục con đường cũ (16). Sắc luật 007/72 buộc người làm báo phải ký quỹ một số tiền tương xứng với các trách nhiệm của họ cùng nhiều biện pháp phạt nặng hơn các điều khoản cũ, không ngoài mục đích giúp cho người làm báo ý thức được trách vụ của họ đối với quốc gia dân tộc, đối với luật cũng như chính họ.

Đồng ý rằng, luật pháp quốc gia phải được thi hành nghiêm chỉnh và đồng đều. Nhưng sự thi hành nghiêm chỉnh không có nghĩa là phải tăng biện pháp chế tài nặng hơn. Nếu những hình phạt do pháp chế cũ đã tỏ ra không hữu hiệu thì đó không phải là hình phạt quá nhẹ mà có thể là do sự áp dụng hình phạt không chắc chắn, không công bằng. Biện pháp gia hình của Sắc luật 007/72 chỉ tạo thêm bất mãn đối với người làm báo. Biện pháp ấy có thể giảm bớt được tự do búa bãi của người làm báo nhưng đồng thời nó cũng bóp chết sự phát triển của báo chí trong nhiều lãnh vực. Nếu quan niệm hình phạt phải có mục đích cải hóa thì không cần nghiêm khắc mà cần chắc chắn và công bằng. Tội danh phải được định nghĩa chính xác, nhà cầm quyền đừng lợi dụng quyền của mình để bóp nghẹt báo chí, cơ quan tư pháp phải xét xử công minh. Thiết tưởng đó là những điều kiện tạo nên sự khâm phục và tự giác trong hàng ngũ báo chí. Theo chiều hướng ấy tội phạm báo chí sẽ giảm dần với thời gian. Đó cũng là mục đích cuối cùng của Hình luật đúng như Irving từng chủ trương: "Lịch sử của Hình luật chỉ là một sự giảm hình phạt khi ôn g ngừng".

(16) Theo tài liệu học tập của Bộ DVCH.

Chương II

BÁO CHÍ VÀ ĐẤU TRANH

CHÍNH-TRỊ

Ngày nay không ai phủ nhận "yếu tố chính trị" trong hoạt động báo chí. Tác dụng của báo chí đã trực tiếp ảnh hưởng đến đường lối và chính sách của nhà cầm quyền. Báo chí có thể hướng dẫn và tạo ra dư luận quần chúng bằng cách giáo dục kiến thức chính trị độc giả qua những công tác như huấn chính, bình luận, trao đổi kiến thức và ngôn ngữ chính trị. Trình độ báo chí càng cao thì vai trò trên càng tỏ ra hữu hiệu và tạo được sự hợp tác giữa chính quyền và báo chí. Trong một cuộc sinh hoạt dân chủ, báo chí luôn luôn đóng vai trò đối lập triền miên với chính quyền. Điều quan trọng là đừng biến đối lập thành thù nghịch. Báo chí ý thức được điều đó sẽ góp phần vào việc cải thiện guồng máy quốc gia.

Tuy nhiên, những vai trò trên của báo chí có hiệu quả hay không phần lớn tùy thuộc vào sự chấp nhận của độc giả. Nói đến sự chấp nhận của độc giả tức là đi tìm hiểu trình độ quần chúng đọc báo. Trong một quốc gia mà tỷ lệ mù chữ quá cao thì ảnh hưởng của báo chí đến quần chúng sẽ yếu kém. Do đó báo chí sẽ chu toàn vai trò của mình một cách khó khăn.

TIẾT I :

Trình độ quần chúng đọc báo.

Đoạn 1 : BỐI CẢNH ĐẶC BIỆT CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM.

Sức đề kháng của dân tộc Việt Nam trong quá khứ đã tạnôn óc chống đối, tinh thần tranh đấu và đã trở thành một truyền thống nhất là từ sau Pháp thuộc.

Năm 1867, khi được Thống Đốc Nam Kỳ Kerguda mời ra làm quan, Trương Vĩnh Ký trả lời: "Không muốn làm quan, chỉ muốn làm báo để khai hóa quốc dân". Trương Vĩnh Ký được coi là ký giả đầu tiên của làng báo Việt Nam. Người ký giả ấy đã chọn con đường khai hóa quốc dân bằng phương tiện báo chí và có lẽ đó cũng là chủ trương của t ở Gia Định do ông chủ trương. Như vậy, ngay từ buổi khai sinh, báo chí Việt Nam đã tự nhận lấy trách nhiệm hướng dẫn độc giả: những người nối tiếp Trương Vĩnh Ký như Nguyễn an Ninh, Phan Văn Hùm cũng đã từng dùng báo chí để giáo dục quần chúng. Chính thể hệ làm báo tiên phong đó đã tiếp tay trong việc tạo nên sức đề kháng và tinh thần đấu tranh của dân tộc mà sự đúc kết là những cuộc khởi nghĩa chống lại t h ự c dân Pháp của các vị anh hùng liệt nữ. Qua báo chí, mỗi người d ã n Việt Nam đã hấp thụ một chí khí hào hùng và bất khuất.

Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, người dân Việt Nam đã là nạn nhân của nhiều sự vinh nhục, từ sự đô hộ của thực dân, tiếp đến cuộc chiến tranh triền miên hơn một phần tư thế kỷ, từ vĩ tuyến 17 trở xuống nhiều biến chuyển chính trị liên tiếp xảy ra. Tất cả những sự kiện ấy đã khiến cho người dân Việt Nam trưởng thành về ý thức chính trị. Trong nhiều năm, nếu họ có chấp nhận đường lối của các chính quyền thì đó chỉ là một sự chấp nhận bề ngoài. Họ vẫn âm thầm theo dõi và đánh giá những việc làm của chính phủ.

Đoạn 2 : PHÂN LOẠI ĐỘC GIẢ.

Có nhiều cách để phân loại độc giả như theo thành phần xã hội theo tuổi tác, theo giới tính, theo chính kiến, v.v... ở đây chúng ta phân loại độc giả theo chính kiến vì cách phân loại này phù hợp với vai trò đấu tranh chính trị của báo chí.

Theo cách phân loại này người ta chia ra: thành phần độc giả thuộc phe tả, phe hữu, đứng giữa, lờ mờ.

Từ vĩ tuyến 17 trở xuống việc phân loại này rất khó. Vì trên nguyên tắc, những người sống dưới chế độ Cộng Hòa không thể thuộc phe tả được. Ngoài ra, ranh giới giữa các phe cũng rất mơ hồ, không rõ rệt. Thông thường người ta đánh giá khuynh hướng của tờ báo rồi đem

đối chiếu với số độc giả của tờ báo ấy để biết thành phần độc giả. Thí dụ nếu độc giả của tờ báo có khuynh hướng trung lập đông thì khuynh hướng của người đọc báo thuộc phe đứng giữa sẽ chiếm đa số.

Tuy nhiên nhận xét trên chỉ thích hợp với dân chúng sống tại thành thị Việt Nam. Dân quê đa số là có trình độ học thức thấp kém nên ít để ý đến việc đọc báo. Do đó việc phân loại cũng rất phức tạp. Sự phân loại còn gặp khó khăn đối với loại độc giả có thái độ lơ mờ, không dứt khoát, khi thì đọc báo này khi thì đọc báo khác.

Tại Việt Nam, theo sự dò hỏi riêng của chúng tôi thì vào những tháng đầu năm 1974, 2 tờ "Điện tín" và "Đại dân tộc" có số phát hành cao nhất. Do đó ta có thể suy đoán được khuynh hướng chính trị của đa số dân thành thị là đang theo dõi thật sát những tin tức liên quan đến hoà bình, thành phần thứ ba, v.v... vì hai tờ báo này có nội dung trái ngược với những báo thân chính và đặc biệt hay bình luận về những vấn đề liên quan đến hoà bình Việt Nam. Nếu kể từ những năm chưa có Hiệp định Ba Lê thì tờ báo có số phát hành cao nhất lại là tờ có nội dung hoàn toàn thương mại như khai thác vụ năng công chúa của Tổng thống Bokassa, truyện con ma vú dài v.v. Vậy khuynh hướng của độc giả Việt Nam thay đổi tùy theo từng thời kỳ và tùy từng biến chuyển.

Đoạn 3 : SỰ LỰA CHỌN CỦA ĐỘC GIẢ.

A.- Lựa chọn theo trình độ văn hóa.

Đối với thành phần bình dân, những tờ báo có nội dung hoặc những bài bình luận quá cao sẽ không thu hút được họ và dĩ nhiên cũng sẽ không thể ảnh hưởng đến họ được. Chỉ những tờ báo gần với tâm tư của họ và đáp ứng được những nhu cầu thường nhật là được họ lựa chọn.

Đối với những độc giả phe hữu thường có lập trường rõ rệt và dứt khoát trong việc lựa chọn tờ báo. Do đó những tờ báo có lập trường chống Cộng với những bài bình luận tỏ bày lập trường quốc

gia vững chắc sẽ là món ăn tinh thần của họ. Đôi khi họ còn hăng hái tham gia ý kiến trong những mục tham luận do tờ báo đề xướng để trợ lực với Chính quyền trong nhiệm vụ chống Cộng và cải thiện gương máy công quyền. Tuy nhiên trong sinh hoạt chính trị, vấn đề lựa chọn tờ báo chỉ thực sự đặt ra với thành phần trí thức, chính giới này sẽ quyết định khuynh hướng của tờ báo. Các báo có nhiệm vụ bắt mạch thị hiếu giới trí thức để kịp thời cải tiến nội dung tờ báo.

B.- Lựa chọn theo thành phần xã hội.

Thông thường, thành phần xã hội được chia ra làm 3 loại: giàu, nghèo và đủ ăn.

Đối với thành phần giàu có, vì không phải bận tâm về kế sinh nhai, nên tương đối họ có nhiều thì giờ, để theo dõi những biến chuyển của thời cuộc qua báo chí. Nhất là những bài nhận định về tình hình chính trị sẽ có sức thu hút và hướng dẫn loại độc giả này. Ta có thể nói, thành phần giàu có đã chiếm một tỷ lệ cao nhất trong số những người "chịu" đọc báo. Có điều đáng buồn là thành phần độc giả giàu có rất ít so với thành phần đông đảo quần chúng nghèo nàn.

Nhìn chung, thành phần dân chúng nghèo và đủ ăn tuy chiếm đa số nhưng lại có một "cường độ" tham gia vào sinh hoạt chính trị qua các báo chí rất yếu. Lý do là vì đời sống kinh tế khó khăn, những nhu cầu mưu sinh đối với họ thiết thực và cấp bách hơn. Do đó, dù họ có muốn tham gia vào sinh hoạt chính trị, nhưng cũng không có thì giờ hay nói đúng hơn là họ có thái độ mà không có hành động tích cực. Họ cũng lựa chọn tờ báo cho hợp với quan điểm chính trị của họ, nhưng rất ít tham gia vào việc cải tiến nội dung của tờ báo. Đặc biệt là gần đây, giá báo đã tăng gấp bội, nên việc theo dõi và lựa chọn tờ báo để đọc dường như không được đặt ra với giới độc giả loại này nữa. Việc tăng giá báo đã là một thiệt thòi cho giới độc giả bình dân.

Đoạn 4 : NHỮNG ĐÒI HỎI VÀ ĐÓNG GÓP CỦA ĐỘC GIẢ.

Báo chí ngày nay được coi là một định chế nhằm phục vụ quyền lợi đông đảo quần chúng. Mỗi khi người dân mất tin tưởng vào gương máy cai trị của nhà cầm quyền thì họ thường trông cậy vào quyền thứ tư này người dân đòi hỏi và chờ đợi ở tờ báo rất nhiều qua những thư hỏi về pháp luật, y học, và những vấn đề phổ thông khác. Sự đòi hỏi ấy nhiều khi vượt quá mức trở thành khó tính. Trong khi báo chí thường bị qui định khắt khe bằng những điều khoản của luật 007/72, thì độc giả vẫn đòi hỏi báo chí phải bới móc, chửi bới và đề cập đến những vấn đề thời sự có tính cách nóng hổi và giục gằn. Nhưng khi báo chí bị truy tố thì độc giả đâu có bênh vực cho tờ báo? Chính những đòi hỏi của độc giả sẽ khiến cho một tờ báo bán chạy hay ế ẩm. Vì vậy vấn đề đặt ra là sự đòi hỏi của độc giả phải có tính cách xây dựng để tránh tình trạng đưa báo chí đến chỗ sa đọa. Sự đòi hỏi của độc giả nếu được xây dựng trên những điều kiện hợp lý sẽ góp phần vào việc cải thiện làng báo. Một tờ báo chuyên khai thác khuynh hướng thấp hèn sẽ không thể sống được nếu không có độc giả.

Báo chí là của quần chúng, vậy quần chúng có bốn phần góp phần vào việc cải tiến báo chí bằng cách đừng muốn báo, đừng khuyến khích người làm báo có khuynh hướng thương mại, đừng đòi hỏi tờ báo vượt quá khả năng của mình. Đi xa hơn nữa, độc giả có thể đóng vai trò trọng tài giữa báo chí với chính quyền. Vẫn biết nhiệm vụ chính của báo chí là phục vụ độc giả, nhưng sự phục vụ kia phải có giới hạn để không đi ngược lại quyền lợi của chính tờ báo.

TIẾT II :

**Vai trò báo chí trong sinh
hoạt chính trị**

Đoạn 1 : GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ QUẦN CHÚNG.

Trong khung cảnh sinh hoạt chính trị ngày nay, muốn hoà mình vào cộng đồng sinh hoạt, người công dân phải có một số kiến thức

tối thiểu. Theo Thomas Ritchie: "Công dân và chính trị gia chỉ là một" (Le citoyen et le Politicien n'est qu'un). Muốn tham gia vào những sinh hoạt chính trị phải có kiến thức chính trị vững vàng.

Tại những quốc gia chưa có một hệ thống chính đảng hữu hiệu báo chí thường giữ vai trò giáo dục quần chúng để tạo điều kiện kiến thức chính trị của họ. Nhất là tại Việt Nam, một quốc gia đang thực tập dân chủ, trình độ dân trí quá thấp kém, đa số dân chúng tập trung ở thôn quê không tha thiết đến những biến chuyển thời cuộc thì vai trò giáo dục của báo chí lại càng nặng nề và cần thiết. Có thể nói đa số dân chúng Việt Nam rất ít chú ý đến chính trị. Nguyên nhân chính là vì các vấn đề chính trị càng ngày càng trở nên phức tạp, xa xa, lừa đảo, trong khi vấn đề cơm áo thường nhật lại có tính cách cấp thiết và thực tiễn hơn. Người dân quê Việt Nam, chiếm 80% dân số, vì đức tính hiền hòa, bảo thủ, nên ít chịu phóng tầm mắt ra khỏi lũy tre xanh. Đứng trước tình trạng này, ngoài báo chí ra, chưa có một nhóm nào đảm trách nổi vai trò "lưu thông chính trị hai chiều". Mặc dù ảnh hưởng của báo chí ở thôn quê rất kém, nhưng không phải là không có. Ảnh hưởng của báo chí sẽ tạo nên ở mỗi công dân một khả năng bàn cãi chính trị. Theo một luật gia: "Báo chí có thể xem như một tổ chức có nhiệm vụ tổng hợp các vấn đề, đưa các vấn đề lên một mức độ đại cương, đặt các vấn đề trong một khung cảnh chính trị, cho mỗi vấn đề một ý nghĩa chính trị".

Thực vậy, báo chí đã đảm nhận vai trò này một cách khá hữu hiệu vì đã tạo nên ngôn ngữ chính trị, giản dị hóa các ý niệm trừu tượng để phù hợp với mọi trình độ độc giả. Đối với độc giả, nhất là độc giả bình dân, những danh từ như "tự do, dân chủ, giải kết, ưu đãi, miễn trừ, v.v..." quả là tối nghĩa và xa lạ. Bằng cách cụ thể hóa những ý niệm trừu tượng ấy để lồng vào các biến cố quốc tế và quốc nội, báo chí đã giúp cho độc giả có một kiến thức chính trị tương đối. Đó là vai trò chính huấn độc giả của báo chí, được thực hiện thường xuyên, có tác dụng chậm chạp nhưng chắc chắn. Tiến trình xâm nhập trí óc độc giả được thực hiện một cách tự nhiên, không ưỡnng bách đã trực tiếp ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối lý luận và quan điểm của họ.

Tuy nhiên, công tác này chưa có ảnh hưởng sâu xa đối với thành phần quần chúng có tầm mức hiểu biết khá cao và trung bình như những đô, tỉnh, thị dân. Vì vậy vấn đề huấn chính độc giả muốn thành công, phải đặt nặng trọng tâm vào hai điều kiện tối quan trọng. Đó là cải thiện hệ thống phát hành báo chí sao cho mau chóng và phổ cập đến tận thôn quê. Thứ hai là phải giải quyết gấp rút nạn mù chữ. Hai điều kiện này là bốn phần của chính quyền nhiều hơn báo chí. Tóm lại, cho đến khi nào những phương tiện thông tin không còn là đặc quyền của thị dân, bấy giờ vai trò chính huấn độc giả của báo chí mới đạt được tính cách hữu hiệu toàn diện.

Đoạn 2 : ĐIỀU HÒA SINH HOẠT GIỮA CÁC CƠ CHẾ CÔNG QUYỀN

Quồng máy dân chủ Việt Nam Cộng Hòa đã thành hình khá đầy đủ, nhưng quá trình xây dựng quá ngắn ngủi lại thiếu kinh nghiệm và đặc biệt là tình trạng chiến tranh triền miên nên sinh hoạt dân chủ chưa thể diễn tiến tốt đẹp. Nếu chấp nhận mô thức dân chủ như là một lý tưởng thì phải thừa nhận vai trò tối yếu của báo chí trong sinh hoạt chính trị. Chế độ dân chủ căn bản ở nhân dân, những cơ cấu công quyền phải được giám hộ bởi dân chúng, là thành phần cấu tạo nên chúng. Do đó không thể chấp nhận được tình trạng một quyền hành này có thể nảy nở do gì để khống chế quyền kia. Chính quyền không nên tìm cách hạn chế và chi phối báo chí mà nên giúp báo chí phát triển để hợp tác xây dựng chế độ.

Cũng có quan niệm cho rằng hoàn cảnh đặc biệt của Việt-Nam đòi hỏi một sự tập trung quyền hành cho Hành pháp để quốc gia có thể thoát khỏi tình trạng chậm tiến và mối nguy cơ xâm lăng của Cộng sản. Quan niệm này đã được cụ thể hóa bằng luật ủy quyền của Quốc Hội trao cho Hành pháp được quyền ban hành bằng Sắc luật những vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng, kinh tế và tài chính, và mối dây với sự tu chính Hiến pháp tăng thêm nhiệm kỳ của Tổng thống đồng thời sửa đổi lại điều kiện ứng cử Tổng Thống.

Thiết tưởng quan niệm này không thể chấp nhận được. Qua hình thức phân quyền của chế độ hiện hữu phải chăng chúng ta đã mặc nhiên

chấp nhận mô thức dân chủ là phương tiện duy nhất đáp ứng nguyện vọng của dân tộc và có khả năng tạo sự tiến bộ cho quốc gia? Và công việc tăng quyền cho Hành pháp chỉ là một sự độc tài nguy trọng. Trong bản đúc kết của cuộc Hội thảo Báo chí Á châu Kỳ 3 ghi nhận: "Không có gì đau lòng cho người dân miền Nam hơn là sau bao nhiêu năm chiến đấu cực khổ chống Cộng sản để rồi bị nạn độc tài cai trị". Các phái đoàn cũng nhìn nhận rằng vấn đề ủy quyền tại Việt Nam Cộng Hòa trong lúc đang có xâm lăng là cần thiết, nhưng họ cũng bày tỏ hy vọng sẽ không có nạn độc tài ở Nam Việt Nam nhất là tự do báo chí vẫn được luôn luôn tôn trọng (17).

Nếu chấp nhận lập luận như vậy, ta có thể đặt đúng vị trí của báo chí trong mối tương quan giữa các quyền lực chính trị hiện tại. Đó là một lực lượng chính trị bình đẳng với những cơ cấu phân quyền hiến định. Báo chí sẽ đóng vai tưởng của một quan sát viên vô tư, có khả năng phát hiện những khe hở, những bộ phận trục trặc trong guồng máy chính trị tối cao, đề nghị những giải pháp bổ khuyết để kiện toàn guồng máy dân chủ.

Đoạn 3 : TẠO SỰ LƯU THÔNG CHÍNH TRỊ ĐA PHƯƠNG.

Có người đã nhận xét một cách đáng chú ý rằng, sự sụp đổ của nền đệ I Cộng Hòa bắt nguồn từ sự thiếu thông đạt giữa chính quyền và dân chúng. Ngày nay, sự kiện gia tăng khối lượng công việc lôi cuốn theo sự bành trướng ưu thế và quyền hành của chính quyền đã là những yếu tố góp phần vào việc đưa nhà cầm quyền xa dần dân chúng. Khi dân chúng không còn cơ hội tham gia bày tỏ ý kiến của họ đối với quốc sự thì khoảng trống hợp tác trở nên trầm trọng và chính quyền đã mất hẳn căn bản quần chúng.

Thiết tưởng sự thông đạt chính trị là điều kiện căn bản của một nền dân chủ điều hợp. Như vậy sẽ có một chu luân thông đạt đa phương giữa chính quyền dân chúng và đảng phái mà báo chí sẽ đóng vai

(17) Trương Tử Phòng - Hội thảo báo chí Á Châu Kỳ 3 - Hòa Bình ngày 24-7-1972 - trang 2.

trò trung gian, gạch nối. Hậu quả là sinh hoạt chính trị sẽ phổ cập rộng rãi trong phạm vi quốc gia, khiến mọi thành phần dân chúng và khuynh hướng chính trị có cơ hội tham gia vào công tác chung.

Nhìn vào thực trạng Việt Nam hiện nay, sự bế tắc thông đạt giữa các lực lượng chính trị đang là nguyên nhân của bao nghi kỵ và thù nghịch. Chính quyền chưa bao giờ chấp nhận một cuộc đối thoại chính trị để giải tỏa mâu thuẫn giữa chính quyền và dân chúng. Mỗi nghi kỵ này đã làm mất ý nghĩa của những nỗ lực xây dựng dân chủ và không tạo được sự "đồng thuận" chính trị cho quốc gia trong lúc hữu sự.

Nếu chấp nhận vai trò thông đạt của báo chí, chính quyền có thể trả lời từng điểm chỉ trích của đối lập, vạch cho dân chúng thấy rõ rằng đối lập đã vượt ra ngoài khuôn khổ của "trò chơi dân chủ". Có như thế báo chí mới trở nên hữu ích cho công cuộc xây dựng dân chủ.

Đoạn 4 : TƯƠNG QUAN GIỮA CHÍNH QUYỀN VÀ BÁO CHÍ.

A.- KIỂM SOÁT CHÍNH QUYỀN.

Điều 24 luật báo chí: "Báo chí có quyền phê bình chỉ trích kế hoạch, chính sách của chính quyền miễn là không nhằm mục đích tuyên truyền cho Cộng sản hay trung lập thân Cộng". Đây là một tác dụng của báo chí trong sứ mạng xây dựng nền dân chủ. Đặc tính của một nền dân chủ pháp trị là người dân có quyền biết những gì chính quyền đã làm và sẽ làm. Bởi vì những chính sách đường lối của chính quyền nhằm mục đích phục vụ dân chúng. Vậy chính quyền không thể dành độc quyền trong lãnh vực này và người dân có quyền nhận định phê phán để cải thiện. Cố Tổng Thống Hoa Kỳ Eisenhower khi còn tại chức đã từng tuyên bố đại ý: "Làm Tổng Thống cũng như làm một người đầu bếp, có chịu được lửa mới có món ăn ngon, có chịu được sự chỉ trích của báo chí mới trở thành Tổng Thống nổi danh". Ngược lại, báo chí lạm dụng quyền của mình để chỉ trích bừa bãi, vô căn cứ, hoặc hướng sự chỉ trích vào một cá nhân hoặc nhằm mục đích phục vụ quyền lợi riêng tư, tức là tự tước đoạt quyền tự do ngôn luận của mình, lúc

đó sự phê bình chỉ trích trở thành sự phá hoại. Vậy báo chí có thể kiểm soát chính quyền bằng những cách nào?

1/- Phê bình chính sách: Cơ quan Hành pháp mỗi khi đưa ra một chính sách thường phải tôn trọng một số điều kiện như "nguyên tắc trọng pháp", "nguyên tắc đẳng cấp quyền hành", v.v...

Một chính sách đề ra phải hợp hiến, hợp pháp. Thêm quyền lập qui của cơ quan Hành chính không cho phép tạo ra cho người dân những bổn phận và quyền lợi mới, không ghi trong Hiến pháp. Nói khác đi cơ quan Hành pháp không được phép tạo ra luật. Ngoài ra để bảo vệ người dân, mỗi khi có xảy ra tranh chấp giữa người dân và chính quyền luật minh thị trao cho cơ quan tư pháp làm trọng tài xét xử. Trong những trường hợp ấy, người dân thường e ngại không muốn phiền phức trong việc thưa kiện và khiếu nại, nhất là đối với cơ quan công quyền từ lâu đã được thần thánh hóa. Do đó vấn đề "đáo tụng đình" với những thủ tục rườm rà rất ít được người dân áp dụng. Họ chỉ còn một cách là đạo đạt nguyện vọng, nhận xét và phê bình của mình qua phương tiện báo chí.

Thí dụ, trong thời gian vừa qua, tờ "Diều Hâu" và một số báo khác đã có công vạch ra những sai lầm và bất công của chính sách "Quỹ tiết kiệm Quân Đội". Đành rằng việc chấm dứt hoạt động của cơ quan này còn do nhiều yếu tố khác nữa, nhưng ta phải công nhận báo chí đã đóng vai trò tiên phong, khai sơn phá thạch trong việc vạch ra trước công luận những tệ trạng của guồng máy công quyền.

Nếu chính quyền chịu khó theo dõi báo chí thì quyền lợi của quần chúng được bảo đảm. Tuy nhiên không phải mọi sự phê bình chỉ trích của báo chí đều đáng sửa đổi. Phải cân nhắc so sánh để nhận ra ưu khuyết điểm để có biện pháp thích nghi. Nhưng sự phê bình chỉ trích của báo chí dù có sai lệch đi nữa thì đó cũng là dịp để công luận nhận ra chân giá trị của công việc làm của chính quyền.

2/- Hữu hiệu hóa guồng máy cai trị: Dưới hình thức loan tin, bình luận, phóng sự điều tra, v.v... báo chí sẽ phối b à y

trước công luận những cơ cấu cai trị thối nát, cố hủ, nặng nề. Những tác phong bê bối thấp hèn của hệ thống nhân sự từ Trung ương tới địa phương. Với hệ thống thông tin viên toàn quốc, báo chí rất dễ tìm kiếm những khuyết điểm ấy để trình bày trên mặt báo hầu giúp chính quyền có thêm dữ kiện và kịp thời thanh lọc hàng ngũ. Những cuộc điều tra, giám kiểm của các vị dân biểu nghị sĩ nhằm tố giác những phần tử hà lạm nếu không được báo chí phổ biến rộng rãi thì "nội vụ" rất dễ bị chìm xuống luôn. Một tiếng kêu của dân tại những vùng xa chính quyền Trung ương sẽ có tầm ảnh hưởng lớn mạnh nếu được đăng tải trên báo chí. Chính quyền cần mạnh dạn ghi nhận những lỗi lầm mỗi khi được phanh phui để sẵn sàng cải thiện guồng máy cai trị hầu phục vụ dân chúng hữu hiệu hơn. Ngược lại, báo chí phải thận trọng trong việc trình bày trên mặt báo những tệ đoan ấy. Phải luôn luôn dựa vào tiêu chuẩn chính xác và ngay tình. Đừng tố cáo vu vơ, đừng mỵ dân. Về phía chính quyền không nên "bịt miệng" báo chí bằng những biện pháp phi luật lệ. Đừng dùng quyền lực sẵn có của mình để bắt chẹt báo chí, đừng dùng biện pháp trừng trị làm cứu cánh. Bởi vì đôi khi dư luận quần chúng có thể đi ngược lại chủ trương của mình, nhưng nếu chỉ vì vậy mà nóng nảy đòi trừng trị báo chí thì chỉ gây thêm hận thù chứ không phải hợp tác. Thomas Jefferson: tác giả bản tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ đã từng khẳng định: "Việc chính phủ đưa báo chí ra tòa trừng phạt những người chỉ trích chính phủ cũng giống như chuyện con chó sói trong ngụ ngôn đòi bày cừu phải nộp nhẽ con chó cắn cừu làm con tin để bảo đảm hòa bình và tín nhiệm giữa cừu và sói. Báo chí có thể thối nát, có thể đê hèn, man trá, nhưng báo chí phải được tự do, ... Chính phủ căn bản ở nhân dân thì mục đích của chính phủ là phải giữ sao cho dư luận nhân dân được đứng -
đắn".

3/- Thanh lọc tham nhũng: Có người cho rằng, một trong những khuyết điểm của Hiến pháp 1967 là để ra quá nhiều cơ quan Hiến định đưa đến việc gánh chịu nặng nề cho ngân sách quốc gia. Nhiều cơ quan chỉ có tính cách "Hữu danh vô thực". Hậu quả là guồng máy cai trị trở nên nặng nề, nhân sự thừa thãi, tạo điều kiện cho tham nhũng mà chính Phó Tổng Thống Trần Văn Hương khi còn làm Thủ Tướng đã từng

tuyên bố một cách bi đát: "Nếu diệt trừ tham nhũng lấy ai mà làm việc". Gần đây, chính Tổng Thống Thiệu cũng nhìn nhận tệ trạng tham nhũng và đưa vấn đề lên hàng quốc nạn.

Người dân hiền hòa Việt Nam mỗi khi bị áp bức, bóc lột thường ít khi dám mở miệng kêu nài tại cơ quan công quyền. Tâm lý chung là muốn cho "được việc" dù có tốn ít tiền cũng đành hy sinh. Và lại giặc tham nhũng cấu kết rất chặt chẽ trong mọi cơ cấu, việc khiếu nại cũng chỉ là một việc làm "ném bùn sáng ao" lại còn tốn thêm thì giờ. Trong tình cảnh ấy, báo chí trở thành một nơi duy nhất mà người dân đặt tin tưởng để giải bày mọi ẩn ức và đạo đạ t nguyện vọng lên chính quyền. Sự tin tưởng vào báo chí tuy chỉ là biện pháp tiêu cực, nhưng không phải là không có hiệu quả. Những "đơn thỉnh nguyện", "khiếu nại", "dân kêu", "đập cửa quan" được đăng tải trên báo chí sẽ có tác dụng về 2 phương diện. Một mặt giúp chính quyền lưu ý trưng trị, mặt khác hạn chế bắt những vụ tham nhũng khác còn đang trong thời kỳ chuẩn bị.

B.- CỘNG TÁC VỚI CHÍNH QUYỀN.

Trong vai trò xây dựng chế độ dân chủ, sự đối thoại giữa chính quyền và dân chúng là một điều kiện tất yếu. Sự đối thoại sẽ có tác dụng làm phát sinh cơ hội cho việc nảy n ở sinh hoạt dân chủ, giúp cho chính quyền cơ hội để tìm hiểu nguyện vọng và dư luận quần chúng. Đặc điểm của một quốc gia dân chủ là, mặc dù đóng vai trò đối lập triền miên với chính quyền, nhưng báo chí luôn luôn sử dụng thế đối lập ấy một cách chân chính và x â y dựng. Mỗi khi tình thế đòi hỏi, vẫn sẵn sàng từ bỏ hàng ngũ đ ối lập để cùng đứng chung một chiến tuyến với chính quyền. Hồi năm 1972, khi quân Cộng sản ồ ạt tràn qua vĩ tuyến 17 để mở cuộc đại tấn công lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, toàn thể báo chí tại Saigon, tuy không công khai, đã cùng đứng về phía chính quyền. Bên Ấn Đ ộ hồi 1962, khi Trung Cộng xua quân xâm lăng Ấn, chỉ 24 giờ sau, toàn thể báo chí Ấn Đ ộ, đối lập cũng như thân chính đều tình nguyện đặt dưới sự kiểm duyệt của nhà nước để nâng cao tinh thần quân đội.

Xem vậy, vai trò cộng tác với chính quyền của báo chí được thể hiện không những trong tư thế đối lập, mà ngay cả trong những trường hợp chính quyền gặp khó khăn. Chính quyền và báo chí là hai định chế khác nhau về thể đứng, về đường lối sinh hoạt, nhưng cả hai lại cùng theo đuổi một mục tiêu là phục vụ quốc gia dân tộc. Tuy nhiên, theo Sử gia Arthur Schlesinger: "Nếu báo chí và chính quyền tiếp tục ganh đua để giữ độc quyền yêu nước thì không phải chính quyền, cũng không phải báo chí mà cả hai đều bị thiệt thòi".

Đoạn 5 : THÁI ĐỘ MÀ BÁO CHÍ XỨNG DANH PHẢI CÓ.

Trong tư thế đối lập với chính quyền, với nhiệm vụ giáo dục chính trị quần chúng, báo chí phải nhận ra nhiệm vụ và quyền hạn của mình để khỏi lạc đường, gieo hại cho dư luận và cho chính mình. Phạm vi hoạt động của báo chí trong xã hội lại rất lớn, vì vậy báo chí có thể gây ảnh hưởng tốt để phục vụ độc giả, ngược lại sẽ tác hại cho quốc gia và xã hội. Chính vì tầm ảnh hưởng lớn mạnh như vậy mà báo chí đã được nâng lên thành đệ tứ quyền. Báo chí có thể làm lung lay địa vị của một Bộ trưởng hoặc kéo theo sự sụp đổ của cả chính phủ như vụ cựu Bộ Trưởng Profumo và cô "gái gọi" (Call girl) Christine Keeler bên Anh quốc. Gần đây là vụ Watergate với 2 tờ Washington Post và NewYork Times bên Hoa Kỳ.

Trong một quốc gia dân chủ, tự do báo chí phải được tôn trọng và được hành sử bởi những người có lương tâm chức nghiệp cao độ. Những nguyên tắc căn bản mà bất cứ người làm báo nào cũng phải tuân theo đã được ghi trong Hiến chương báo chí quốc tế 1918 (18). Ở đây chúng ta chỉ nêu lên những thái độ chính mà một nhà báo phải có.

(18) Xem nguyên văn trong phần "Phụ lục".

A.- Thái độ độc lập.

Chủ nhiệm tờ Times, một tờ báo uy tín vào bậc nhất ở Anh, đã tuyên bố: "Thi hành nhiệm vụ với tinh thần hoàn toàn độc lập và như vậy là phục vụ độc giả đến mức tối đa, báo chí không thể liên kết trói tay nhà cầm quyền, cũng không thể đầu hàng chính phủ".

Tuy nhiên, sự độc lập của báo chí không phải chỉ với chính quyền mà còn với các lực lượng chính trị, tôn giáo, tư bản, quân đội, thế lực ngoại quốc, v.v... Vì vậy báo chí độc lập không thể là trợ cấp của chính quyền hay của bất cứ ai.

Nhà báo giữ được thái độ độc lập sẽ làm tăng uy tín của tờ báo, tạo được sự tin tưởng nơi độc giả và sự nể vì nơi chính quyền.

B.- Tôn trọng sự thật.

Theo Hiến chương 1918, người viết báo xưng danh là ký giả, chịu trách nhiệm về tất cả những gì mình viết, coi sự vu khống, tố cáo không bằng chứng, sửa đổi tài liệu, bẻ queo sự việc, dối trá là những lỗi lầm nghề nghiệp nặng nhất. Và chẳng tôn trọng sự thật là phải chính xác, kiểm soát tin tức trước khi đăng. Đối với nhật báo bị thời gian thúc đẩy thì đây là một trở ngại lớn. Nếu tòa soạn đợi kiểm soát kỹ thì có thể chậm trễ, mất thời gian tính. Trong trường hợp này báo chí phải đăng một cách dè dặt. Nếu đăng tin sai lầm, không đúng sự thật thì phải cải chính. Nhiều khi vì tự ái, báo chí đã bỏ qua bốn phần sửa chữa sai lầm. Như vậy là lừa dối độc giả.

Theo F. Bond, sự thật của bài báo cũng như sự thật của tài liệu lịch sử, nghĩa là phải được trình bày theo bản chất của sự kiện chứ không phải theo ý muốn của độc giả hay của nhà cầm quyền.

C.- Tinh thần trách nhiệm.

Báo nào chỉ biết bán báo càng nhiều càng hay, bất chấp hậu quả là vô trách nhiệm. Tinh thần trách nhiệm đòi hỏi nhà báo bắt chấp nguy hiểm, coi thường "mua chuộc" để hành sự cho được quyền tự do thông tin của mình. Nghề nghiệp đã quyết định lựa chọn, kẻ làm báo phải coi đó là lẽ sống của cả cuộc đời để sẵn sàng hy sinh

vì nghề nghiệp, luôn luôn học hỏi để cầu tiến, mỗi khi lầm lẫn dám nhận lãnh mọi hậu quả, bất chấp thử thách gian nguy. Trong vụ Watergate, khi bị 2 tờ Washington Post và NewYork Times phanh phui, chính quyền Nixon, một mặt cực lực phủ nhận, mặt khác dùng mọi biện pháp đe dọa, mua chuộc, khủng bố để hy vọng bịt miệng các ký giả của 2 tờ báo trên. Bất chấp mọi biện pháp trên, các ký giả vẫn tiếp tục tìm tòi và phanh phui trên mặt báo tất cả sự thật chung quanh vụ nghe lén tại Watergate. Cuối cùng chính quyền Nixon phải nhận lãnh mọi trách nhiệm.

Cái can đảm của các ký giả của 2 tờ Washington Post và New-York Times trong sứ mạng thanh lọc ung nhọt trong guồng máy chính trị nước Mỹ xứng đáng được ghi vào lịch sử của những người làm báo chân chính.

Bên cạnh những người làm báo chân chính còn có những bọn "ma cô báo chí". Bọn này thường dùng báo chí làm phương tiện để phục vụ quyền lợi riêng tư, bất chấp dư luận và hậu quả. Đường lối của những con sâu báo này là khai thác thị hiếu thấp hèn của độc giả bằng những phương tiện "phi báo". Mục đích chính của họ là thương mại. Nhà báo chính danh phải nhận ra những sai lầm ấy để tự tạo cho mình một hướng đi trong nghề, phù hợp với những đòi hỏi của lương tâm.

TIẾT III :

Quan niệm một hội đồng báo chí hữu hiệu

Trước ngày ban hành luật báo chí 019/69, những người làm báo tại Việt Nam đều hành động một cách riêng rẽ, mặc dù cũng có một vài đoàn thể nghề nghiệp báo chí như "Hội chủ báo", "Nghịệp đoàn ký giả Nam Việt", "Nghịệp đoàn ký giả Việt Nam", nhưng phạm vi của các đoàn thể này chỉ giới hạn trong lãnh vực thuần túy chuyên môn, mặt khác không tạo được thế lực với chính quyền. Vì vậy

mỗi khi báo chí bị chính quyền sai khiến, chèn ép, ký giả bị đe dọa hay khủng bố, không có một cơ quan chính thức để bênh vực quyền lợi cho họ. Điều 39 và 40 luật báo chí đã qui định việc thành lập, bổn phận và quyền hạn của Hội Đồng báo chí. Nhiệm vụ của cơ quan này là liên lạc và tham dự với chính quyền cũng như các đoàn thể khác về những vấn đề liên quan đến báo chí.

Đoạn 1 : TÂM QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG BÁO CHÍ.

Tại Anh Quốc, định chế Hội Đồng Báo Chí (Press Council) giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong mọi sinh hoạt báo chí. Nhiệm vụ của Hội Đồng là trực tiếp bảo vệ quyền lợi vật chất và tinh thần của người làm báo. Tất cả các ký giả nếu muốn tự đặt mình trong hệ thống của tổ chức đều được Hội Đồng bảo trợ. Chủ báo và Ký giả trước khi ký hợp đồng cộng tác đều phải qua trung gian của Hội Đồng. Mục đích của sự kiện này là ngăn chặn sự bóc lột của chủ báo và cung cấp ký giả có phẩm chất cao cho các báo. Về phương diện chế tài, mỗi khi chính quyền muốn truy tố một ký giả bắt buộc phải qua Hội Đồng báo chí. Ngoài ra, Hội Đồng còn có thể, trong một số trường hợp, nhận bảo lãnh cho các ký giả tội phạm. Tóm lại Hội Đồng báo chí Anh Quốc đã đạt được tới trình độ "tự đóng cửa bảo nhau".

Xem vậy, Hội Đồng báo chí đã là một tổ chức nghề nghiệp tiến bộ trong một quốc gia dân chủ, thể hiện tinh thần "hợp quần gáysức mạnh", dung hòa quyền lợi giữa ký giả công nhân và chủ báo, chặn đứng sự độc tài chuyên đoán của nhà cầm quyền, trực tiếp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho ký giả.

Đoạn 2 : MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG BÁO CHÍ.

A.- Sự hữu danh vô thực của Hội Đồng Báo chí hiện hữu.

Hội Đồng báo chí được công nhận là một pháp nhân tư pháp, đại diện chính thức cho báo giới để liên lạc với chính quyền và các đoàn thể khác. Đây là một sự quy định hoàn toàn có

tính cách tiêu cực. Vì luật không đề cập đến trường hợp chính quyền không tham khảo ý kiến của Hội Đồng trong những vấn đề hệ trọng trực tiếp đến báo chí. Do đó ta có thể suy đoán, việc tham khảo ý kiến của Hội Đồng báo chí của chính quyền chỉ là một việc nên làm. Sự kiện này đã được chứng minh cụ thể, khi chính quyền ban hành Sắc luật 007/72 sửa đổi một số điều khoản của luật báo chí, Hội Đồng báo chí không hề được tham khảo ý kiến dù gián tiếp hay trực tiếp. Ký giả Trần Tấn Quốc khi bàn về tình trạng này đã nhận định: "Cơ quan đại diện chính thức cho báo giới không còn lý do tồn tại. Vì sự tiếc rẻ mà phải nín thở Hội Đồng Báo chí trong khung cảnh đất nước hiện nay chỉ là cố giữ cái xác chết không được tằm liệm và chôn cất, mặc dù không phải chính mình giết (19).

B.- Điều kiện hữu hiệu hóa Hội Đồng Báo Chí.

Theo điều 39 (khoản 3): "Hội Đồng Báo chí liên lạc và tham dự với chính quyền và các đoàn thể báo chí về những vấn đề liên quan đến báo giới".

Về phía chính quyền, phải mạnh dạn trao cho Hội Đồng Báo Chí những quyền hạn thiết thực để Hội Đồng này có cơ hội tham gia trực tiếp vào những vấn đề liên quan đến báo giới. Thực lực của Hội Đồng Báo Chí phải được quan niệm một cách tích cực hơn bằng cách ghi tổ trong những phạm vi nào chính quyền bắt buộc phải có ý kiến của Hội Đồng và những ý ấy phải được chính quyền tuân theo.

Về phía báo chí, Hội Đồng Báo chí phải được bầu lên bởi đại diện của tất cả mọi giới trong làng báo. Hội Đồng báo chí có nhiệm vụ soạn thảo qui ước báo chí để làm văn kiện căn bản cho hoạt động báo chí. Trong qui ước phải nêu rõ điều kiện hành nghề của ký giả bốn phần người làm báo và đặc biệt là phải trao cho Hội Đồng Báo chí

(19) Trần Tấn Quốc, "Sắc luật mới về báo chí ... đã rồi"
Đuốc nhà Nam ngày 29-7-1972.

áp dụng những biện pháp che tài đối với những con sâu báo chí, khen thưởng và khích lệ những ký giả tận tâm, gương mẫu và có khả năng. Hội Đồng Báo chí cũng nên luôn luôn cải tiến lề lối làm việc và lương tâm chức nghiệp của mình để tạo uy tín trong làng báo.

Đoạn 3 : NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HỘI ĐỒNG BÁO CHÍ.

A.- Kinh nghiệm quá khứ.

Sắc luật số 10/64 ngày 30-4-1964 qui định khá chi tiết về Hội Đồng Báo Chí, trac cho Hội Đồng này một số nhiệm vụ như: Bảo vệ tự do báo chí, kỷ luật quốc gia, kỷ luật báo giới; Tổ chức lớp đào tạo ký giả, chấp hành qui ước báo chí... Nhưng mãi đến tháng 4-1965 Hội Đồng này mới thành hình trong một phiên họp sơ khởi của Đại Hội Báo chí. Vị Chủ tịch đầu tiên của Hội Đồng là Ông Phạm Việt Tuyên.

Ngoài một số cố gắng của Hội Đồng như tổ chức những buổi nói chuyện liên quan đến nghề làm báo của các ký giả kỳ cựu như Nam Đình, Trần Tấn Quốc, Nghiêm Xuân Thiện, Văn Hoàn, Tô Văn, v.v... Hội Đồng còn tổ chức kỷ niệm 100 năm báo chí Việt Nam vào năm 1965, tổ chức giải thưởng "Gia Định báo". Những cố gắng trên hoàn toàn nằm trong lãnh vực chuyên môn. Trên thực tế, Hội Đồng đã không ảnh hưởng gì được đến chính quyền nhất là trong lãnh vực bênh vực quyền hành nghề cho các ký giả. Mặt khác, những việc làm của Hội Đồng phần nhiều có tính cách ích lợi chung nên đã được báo giới tham gia tương đối đông đảo. Nhưng riêng trong lãnh vực gìn giữ kỷ luật trong làng báo Hội Đồng chưa hề chứng tỏ một thực lực nào. Có lẽ chính vì nhận thấy sự bất lực của Hội Đồng mà một số ký giả trong ban chấp hành đã từ chức và đổi nghề như Nam Đình (Phó Chủ Tịch), Tam Mộng (Phó chủ tịch), Ngô Công Minh (Thủ Quỹ). Sau đó Chủ Tịch Phạm Việt Tuyên đã cố gắng tổ chức bầu lại ban chấp hành mới (vì nhiệm kỳ ban chấp hành chỉ được ấn định 1 năm) nhưng không thành.

Như vậy, ta nhận thấy sự tan rã của Hội Đồng Báo Chí 1965, một phần là do sự thiếu thiện chí của chính quyền, không muốn cho báo chí hàng ngũ hóa để dễ nắm báo chí. Mặt khác do sự lung - củng chia rẽ trong nội bộ báo giới.

B.- Trở ngại thực tế.

Khi Hội Đồng Báo chí được thành lập, những đoàn thể báo chí hiện hành như Hội Chủ Báo, Nghiệp Đoàn Ký giả, v.v... còn tồn tại không? Nếu còn thì tư cách của các đoàn thể ấy như thế nào? Đại diện cho ai? Trên thực tế các đoàn thể ấy đều có tư cách pháp nhân. Không ai có thể phủ nhận tư cách đại diện của các đoàn thể ấy đối với quyền lợi của các đoàn viên. Như vậy nếu chẳng may giữa Hội Đồng báo chí và các đoàn thể hiện hữu có những quan điểm và quyết định trái ngược nhau thì chính quyền sẽ dựa theo bên nào để ấn định 1 thái độ hợp lý.

Điều 39 và 40 cũng không định rõ Hội Đồng Báo Chí có những quyền hạn gì đối với báo giới. Giả sử như Hội Đồng Báo Chí chấp hành qui ước báo chí mà một vài tờ báo hay Ký giả không tôn trọng thì Hội Đồng có thể áp dụng những biện pháp gì để đòi hỏi sự thi hành quyết định ấy? Nếu Hội Đồng Báo Chí đề nghị một biện pháp cứng rắn như khai trừ truy tố, rút giấy phép hành nghề, thì các cơ quan công quyền có làm theo những đề nghị ấy chăng? Nếu cơ quan công quyền hành động theo đề nghị trừng phạt của Hội Đồng Báo Chí, chẳng hạn như rút thẻ hành nghề của một ký giả, biện pháp ấy có tính cách hợp pháp hay không, nhất là trong trường hợp can nhân chỉ vi phạm kỷ luật nội bộ chứ không phạm pháp.

Đối với chính quyền, người ta cũng không hiểu Hội Đồng Báo Chí sẽ được một trọng lượng ra sao để xứng đáng là cơ cấu đại diện báo chí. Thí dụ mỗi khi Bộ Nội vụ quyết định tịch thu hay truy tố một tờ báo, Hội Đồng Báo Chí có được hỏi ý kiến hay không? Ý kiến nếu phát biểu sẽ được tôn trọng đến mức nào. Theo Sắc luật 10/64 trước kia, Hội Đồng Báo Chí có quyền tham dự và một số vấn đề mà bộ Thông Tin bắt buộc phải có ý kiến của Hội Đồng trước khi quyết định (Thí dụ trong trường hợp xác nhận tư cách ký giả chuyên nghiệp để xin xuất bản báo).

Luật báo chí hiện hành trái lại chỉ dự liệu Hội Đồng báo chí có nhiệm vụ liên lạc và tham dự với chính quyền về những vấn đề liên quan đến báo giới. Nhưng nếu chính quyền không mời tham dự và không hỏi ý kiến thì Hội Đồng Báo chí sẽ không dựa vào căn bản nào để đòi

hỏi quyền ấy. Như vậy, Hội Đồng báo chí đặt ra cũng chỉ nắm vai trò tư vấn là cùng. Qua vai trò của Hội Đồng Báo Chí, chính quyền sẽ có một cơ cấu để đối thoại, song cơ cấu ấy cũng không có gì bảo đảm rằng ý kiến của mình sẽ được các chủ nhiệm và các ký giả làm theo. Vì lẽ Hội Đồng báo chí, một tổ chức hỗn hợp, tất nhiên sẽ thiếu tư cách đại diện thuần nhất so với Hội chủ báo hoặc các nghiệp đoàn ký giả ở trong các vấn đề đặt riêng cho mỗi giới.

TIẾT IV :

Giải pháp đề nghị

Chính sách tự do báo chí được xây dựng trên một quan niệm triết lý nhân bản, lấy tự do con người làm trọng. Cộng đồng chỉ là một phương tiện để con người tồn tại và phát huy. Tuy nhiên, sự tự do nào cũng phải có giới hạn. Có điều sự qui định những giới hạn kia phải được quan niệm sao cho vừa phù hợp với quyền lợi quốc gia, xã hội, vừa đáp ứng được những nhu cầu tự do căn bản tối thiểu của người dân. Quốc gia càng gặp khó khăn, người dân càng phải hy sinh quyền tự do của mình. Ngay cả những quốc gia tự do nhất, quyền tự do ngôn luận cũng bị hạn chế trong những giai đoạn khẩn trương, theo cuộc điều tra của tuần báo US News and World Report, vào năm 1960, đã có tới 96 quốc gia hạn chế quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận (20).

Tuy nhiên, sự hạn chế quyền tự do báo chí phải được xây dựng trên cơ sở hợp lý và công bằng. Việc hạn chế ở mức tối thiểu thì báo chí được hưởng quyền của mình ở mức tối đa. Và chẳng sự hạn chế tự do báo chí chỉ nên giới hạn trong một vài lãnh vực tối quan trọng như an ninh quốc phòng, danh dự cá nhân, ... Hồi thế chiến thứ hai, khi Anh Quốc đang ở trong tình trạng chiến tranh, Thủ Tướng Churchill chỉ xin báo chí đừng đăng những tin gì nguy hại đến nền an ninh Anh Quốc mà thôi. Những hạn chế chặt chẽ và nghiêm khắc quá chỉ chứng tỏ

(20) Trần Thúc Linh - Góp ý kiến về luật Báo chí Việt Nam - Báo chí Tập san số 2 - 1968, trang 178.

một chính quyền mạnh nhà độc tài hoặc một chính quyền không tin tưởng nơi báo chí, lo chống đỡ và "giữ võ". Đừng qui định một cách "Nửa vời", "hàng đôi", "mập mờ". Vì như vậy không những sẽ chẳng có lợi gì mà còn tạo điều kiện cho sự độc đoán của nhà cầm quyền.

Luật báo chí hiện hành đã dành cho cơ quan Hành pháp nhiều cơ hội để dễ "xoay sở". Ta biết rằng những biện pháp được hành sử bởi cơ quan hành chánh thường có nhiều đặc tính đe dọa người dân nhiều nhất. Sau đây ta đề cập đến những sơ hở chính của luật báo chí khiến cho cơ quan hành chánh nhân đó mà lạm dụng quyền của mình hầu chèn ép báo chí, sau đó sẽ đưa ra một vài đề nghị.

Đoạn 1 : VÊ MẶT PHÁP LÝ.

A.- Việc xuất bản và phát hành báo chí.

Đây là một vấn đề trọng hệ để bảo vệ một cách thiết thực quyền tự do ngôn luận. Vì vậy nguyên tắc "tự do kinh doanh" phải được dùng làm căn bản. Những hạn chế trong lãnh vực này nếu có chỉ nên giới hạn trong một số điều kiện tối cần thiết và phải có tính cách thực tiễn. Đừng đặt ra những lý do vu vơ nhằm "Giữ miếng" hơn là xây dựng.

Điều kiện ký quỹ để được xuất bản và phát hành báo chí nên bãi bỏ. Vì đây là một vi phạm quyền tự do của tư nhân. Và lại, điều kiện này đã chẳng giúp được gì cho nhà cầm quyền trong việc loại trừ Cộng sản hoạt động báo chí mà còn có thể vô tình loại khỏi diện đàn ngôn luận những chiến hữu báo chí nhưng vì nghèo và không có thế lực. Hơn nữa những phần tử Cộng sản, nếu muốn xuất bản báo chí, sẽ có tiền và mưu mô nguy trang để che mắt nhà cầm quyền. Như vậy điều kiện ký quỹ chỉ có một tác dụng là hạn chế việc xuất bản báo chí để chính quyền đỡ vất vả trong việc kiểm soát. Nhưng lại tạo ra một sự bất mãn trong hàng ngũ những người làm báo chân chính.

Luật còn buộc Chủ nhiệm, Chủ bút và Quản lý không được có "hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng sản". Đây là một điều kiện mơ hồ nhằm mở đường cho những hành vi độc đoán, vì làm sao biết ai có khuynh hướng Cộng sản? Nếu đã có bằng cứ thì đưa

họ ra tòa án quân sự hoặc đưa đi an trí rồi còn đâu. Và lại, Cộng sản chính công thường rất khó nhận diện vì chúng rất khéo léo che đậy tung tích trong hàng ngũ quốc gia, nhiều khi chúng còn có những bề ngoài "quốc gia" hơn cả những người chống Cộng. Điều kiện này rất dễ mở đường cho việc hạn chế hoạt động báo chí của những người quốc gia cố thiện chí nhưng vì tính tình bộc trực ngay thẳng hay bởi móc phê bình chỉ trích chính sách của chế độ. Thiết nghĩ đây là một điều kiện không thực tế và cũng chẳng mang lại sự hữu hiệu nào trong việc loại trừ những phần tử Cộng sản trong hàng ngũ báo. Và lại, đặt giả thiết có phần tử Cộng sản trong hàng ngũ báo chí, nếu trong khi hoạt động, chúng vi phạm luật báo chí trong những lãnh vực đề cao và tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản thì chúng sẽ bị truy tố ra Tòa án mặt trận theo luật hiện hành.

Sau cùng, luật còn buộc phải chứng minh xuất xứ tiền vốn bỏ ra làm báo và tiền ký quỹ. Không biết khi qui định như vậy nhà làm luật đã nhằm mục đích gì? Nếu nhằm ngăn chặn việc Cộng sản bỏ vốn ra để tay sai làm báo thì cũng không đưa đến đâu. Vì trên thực tế từ trước đến nay chính quyền đã tìm ra được một vụ nào Cộng sản bỏ tiền ra cho tay sai làm báo chưa hay chỉ thấy chuyện nhà chức trách lấy tiền Công nho cho bè đảng làm báo? Nếu nhằm ngăn chặn những phần tử đối lập bỏ tiền ra để khuyến khích báo chí thì cũng chỉ là một việc làm phản lại tinh thần dân chủ, bóp chết từ trong trứng nước những cuộc đối thoại dân chủ để chuẩn bị đi đến độc tài.

B.- Về phương diện chế tài.

Như đã trình bày ở những phần trên, vì luật định tội danh một cách mù mờ nên đã tạo khó khăn cho việc xét xử, có thể gây bất công và thiệt hại cho báo chí. Để bảo đảm quyền tự do tối thiểu cho những người làm báo trong việc qui định tội danh và áp dụng những hình phạt, đề nghị:

1/- Sửa lại các điều 27, 28 và 29 luật báo chí liên quan đến việc qui định tội danh trong các lãnh vực an ninh quốc gia, trật tự công cộng, kỷ luật quân đội, chia rẽ tôn giáo, sắc dân địa phương v.v...

Phạm vi của những tội trên có tính cách rất rộng rãi và bao quát, gây trở ngại cho vị Thẩm phán trong việc xét xử. Các vi phạm về báo chí không giống các tội phạm thông thường vì tác dụng của một bài báo luôn luôn có tính cách trừu tượng và gián tiếp. Khi danh dự cá nhân bị xúc phạm, toà án không thể nào xác định vết thương tinh thần ấy một cách dễ dàng như giáo nghiệm thân thể mang thương tích

một vụ bạo hành. Các tội phạm mang tính chất chính trị lại càng khó xác định hơn. Người ta có thể nhận diện một tay sai Cộng Sản cầm cờ đỏ biểu tình chống chính phủ, nhưng người ta sẽ khó phân biệt giữa một bài báo cổ võ cho Cộng sản và một bài báo trình bày chủ thuyết Cộng sản trong chiều hướng nghiên cứu.

Vì vậy, vấn đề định tội danh trong những lãnh vực trên giữ một vai trò vô cùng hệ trọng. Đối với những bài báo vi phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng, gây chia rẽ, v.v... thiết nghĩ khả năng khi hội đủ 2 yếu tố là "nguy cơ khẩn cấp" và "diệt chủng".

2/- Trao các tội phạm báo chí ghi tại các điều 27, 28 và 29 kể trên cho hệ thống pháp đình thông thường xét xử, thay vì toà án quân sự mặt trận. Vì đây là một quyền được xét xử theo chế độ "luồng cấp tài phán" trong chế độ dân chủ. Thủ tục xét xử đặc biệt của toà án quân sự mặt trận đã tước mất quyền kháng án và quyền đòi bồi thường của bị can (Trước toà án quân sự không được quyền đứng dân sự nguyên cáo).

Qui định lại việc trừng phạt theo hệ cấp những người trách nhiệm trong một vụ án báo chí. Vì theo luật định cả "Quản lý" và những người phân phát và bán báo "cũng có thể bị phạt nếu không truy ra được những người ở cấp trên (tức là chủ nhiệm, chủ bút, tác giả). Sự trừng phạt như vậy phải chăng là không có căn bản công bằng. Vì theo phép thường, ai làm người nấy chịu, trước pháp luật không ai được chịu tội thay cho ai. Ngoài ra, sự qui định như vậy còn tỏ ra phi lý khi toà truy tố và trừng phạt những người không hiểu gì về nội dung của những bài báo vốn mang sẵn những ý niệm trừu tượng như an ninh quốc gia, trật tự công cộng, v.v... (đó là "Quản lý" và những người bán báo).

Đoạn 2 : TRÊN BÌNH DIỆN THỰC TẾ.

Khi luật lệ đã được qui định rõ ràng và chính xác, bốn phận của báo giới và nhà cầm quyền hành chánh đã được phân định thì một vấn đề được đặt ra, đó là sự kiện thực tế.

Nếu chính quyền thực tâm muốn thực thi nguyên - tắc tự do báo chí và coi báo chí là một phương tiện để cải thiện guồng máy cai trị thì chính quyền phải nghĩ đến tương lai báo chí, sẵn sàng tiếp tay vào việc cải tiến báo chí Việt Nam. Báo chí ngoài việc thông tin còn có ưu điểm là cộng tác với chính quyền trong việc kiện toàn guồng máy dân chủ để ngăn chặn hiểm họa độc tài. Như vậy báo chí phải được tự do. Chính quyền không những không được dập tắt tự do ấy mà còn có bổn phận vun bồi và nuôi dưỡng. Theo Jefferson: "Tự do của chúng ta còn hay mất là ở chỗ báo chí có được tự do hay không. Nếu tự do báo chí mà bị hạn chế thì các tự do khác của chúng ta cũng sẽ bị tiêu diệt".

Thông thường, nhà cầm quyền hay có khuynh hướng lạm dụng quyền thế để đè nén kẻ bị trị.

"Người dân phải tìm cách ngăn cản khuynh hướng đó để giữ sao cho bọn người đầy tớ của dân ấy không trở thành những yêu quái, ác quỷ, hại nước, hại dân, (Jefferson)".

Vì vậy, chính quyền có thiện chí không bao giờ sợ sự c h í trích của báo chí, không bao giờ tìm cách bóp chết tư tưởng và tự do báo chí. Báo chí phạm tội trong khi hành sử quyền của mình đã có cơ quan tài phán áp dụng những chế tài luật định. Tất cả những "xảo thuật" phi luật pháp nhằm chặn họng báo chí đều chỉ thể hiện một chính quyền độc tài, tạo thêm bất mãn và nghi kỵ giữa chính quyền và báo giới, có hại cho công cuộc xây dựng chế độ dân chủ.

A.- Chấp nhận báo đối lập.

Tại các quốc gia dân chủ Tây phương, song song với hệ thống đảng phái, báo chí là một lực lượng đối lập quan yếu có nhiệm vụ kiểm soát những việc làm của chính quyền đồng thời đề nghị

những chính sách cải tiến hệ thống cai trị xuyên qua dư luận của quần chúng.

Tuy nhiên sự đổi lập của báo chí phải được quan niệm một cách đúng đắn và xây dựng. Theo nguyên ngữ, phải có 'lập' rồi với 'đối'. Thế nào là 'lập'. 'Lập' là phải có lực lượng quần chúng, có lý thuyết chỉ đạo. Khi đã có những yếu tố ấy thì mới có đổi lập có hình danh.

Báo chí đổi lập phải hội đủ một số điều kiện:

- Tiêu biểu thực sự cho một lực lượng đổi lập hay một phong trào đổi lập thực sự.

- Phải có một lý thuyết chỉ đạo minh bạch và vững chắc, một chiến lược được nghiên cứu kỹ càng.

- Phải có sẵn một giải pháp cho từng vấn đề mà báo chí đứng ở lập cho là chính quyền đã sai lầm.

- Nhẹ phần đả kích cá nhân và đời tư, nhằm đối tượng chính là chính sách, xuất phát điểm của chính sách tức là lý thuyết chỉ đạo.

Vậy chính quyền không được xen vào nội bộ của báo chí để bảo đảm tính oách vô tư và khách quan của dư luận quần chúng mà báo chí là cơ quan đại diện. Muốn cho dư luận quần chúng được phản ánh một cách trung thực, chính quyền không những phải chấp nhận sự hiện diện của báo đổi lập mà còn phải giúp phương tiện cho những báo đổi lập phát huy và nảy nở. Ngay cả trong trường hợp báo chí chỉ trích quá khích nhằm mục đích đả phá, biến sự đổi lập thành thù nghịch, chính quyền cũng phải chấp nhận, nhưng sau đó phải giải thích để đánh tan ngộ nhận trong dư luận quần chúng. Thiết nghĩ đó là khung cảnh sinh hoạt lý tưởng của một chế độ dân chủ.

B.- Thành lập giải thưởng báo chí.

Nhiều quốc gia đã thành lập giải thưởng báo chí để khích lệ người làm báo. Thí dụ ở Hoa Kỳ có các giải thưởng Pulitzer, giải Sigma Delta Chi (ở Chicago), giải của Phân khoa báo chí trường Đại Học Missouri, giải của cơ quan Freedom Foundation, v.v... Ở Phi luật Tân có giải Magsaysay, v.v...

Tại Việt Nam hồi 1965 nhân dịp kỷ niệm 100 năm báo chí Việt Nam, Hội Đồng Báo chí có thiết lập giải 'Gia Định báo' dành cho tờ báo có số Xuân hay nhất. Năm 1967 có giải 'Phóng sự tiên phong' do sáng kiến của nguyệt san Tiên Phong của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Tuy nhiên chưa có giải thưởng nào do chính quyền chủ xướng. Trong giải thưởng 'Văn học nghệ thuật' của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa không thấy có phần nào dành cho các hoạt động của báo chí.

Việc thành lập giải thưởng báo chí không những khích lệ ký giả luôn luôn trau dồi nghề nghiệp mà còn là cơ hội tạo sự thông cảm và hợp tác giữa chính quyền và báo chí. Ngoài ra còn hướng dẫn báo chí vào những mục tiêu phục vụ lý tưởng tự do và quốc gia dân tộc bằng cách đặt ra những 'Chủ điểm'. Thí dụ chính quyền có thể mở ra giải thưởng hàng năm để tặng cho ký giả nào có những bài xuất sắc về những lãnh vực như 'phục vụ đại chúng', 'bài trừ tham nhũng', v.v... Ban tuyển chọn có thể là những nhà báo lão thành, những nhà văn học giả danh tiếng hoặc những giáo sư đã từng dạy tại một phân khoa báo chí.

Chính quyền cũng có thể góp phần vào việc cải tiến báo chí bằng cách yểm trợ cho các trường dạy báo chí để đào tạo những ký giả có đầy đủ kiến thức và khả năng hầu gia tăng phẩm chất cho làng báo.

Đoạn 3 : QUY CHẾ KÝ GIẢ.

Tổ chức dù kiện toàn bậc nào chăng nữa, luật lệ dù có đầy đủ và tiến bộ mà những người làm báo còn ấu trĩ thì kết quả cũng không đi đến đâu. Do đó vấn đề qui chế nghề nghiệp ký giả cần được đặc biệt lưu ý. Các nhà lập pháp khi soạn thảo luật báo chí 019/69 đã không thấy đề cập đến vấn đề này mà chỉ qui định một cách tổng quát những điều kiện để được công nhận là ký giả.

Quy chế ký giả gồm những luật lệ liên quan đến việc thiết lập và thẩm quyền của các tổ chức nghề nghiệp ký giả. Quy chế ký giả còn gồm các luật lệ do tổ chức nghề nghiệp nói trên đề nghị hoặc soạn thảo để ấn định những điều kiện chung về việc hành nghề ký giả và những điều kiện hành nghề riêng cho từng người.

Điều 40 luật báo chí hiện hành đã ấn định điều kiện cần hội đủ để được coi là ký giả chuyên nghiệp: "Ký giả là một danh từ chung mọi người có nhận thù lao dưới mọi hình thức, cộng tác thường xuyên với các nhật báo, tạp chí định kỳ hoặc cơ quan thông tấn với tư cách đ ặ o phái viên, biên tập viên, phóng viên, nhiếp ảnh, họa sĩ, dịch giả báo chí. Ký giả phải có thể hành nghề do chủ nhiệm các nhật báo, tạp chí hay giám đốc cơ quan thông tấn cấp phát. Thẻ hành nghề phải được đăng ký tại bộ DVCH".

Sự qui định như vậy quá rộng rãi, một người muốn trở thành ký giả chỉ cần một tờ báo hay một cơ quan thông tấn cấp phát thẻ hành nghề là đủ. Bộ DVCH chỉ đóng vai trò ghi nhận vì theo điều 40, thẻ ký giả chỉ cần "đăng ký" tại bộ sở quan mà không giao cho cơ quan này một quyền hạn nào khác. Việc trở thành Ký giả được qui định dễ dãi như vậy trong khi đó luật lại không đề cập đến việc rút thẻ hành nghề trong trường hợp ký giả vi phạm kỷ luật. Hơn nữa lấy gì bảo đảm rằng những người được cấp thẻ ký giả đã hội đủ những điều kiện luật định và khả năng văn hóa cũng như chuyên nghiệp trong khi chỉ trao cho các vị chủ báo đơn phương cấp phát thẻ ký giả?

Luật báo chí hiện hành phải được sửa lại riêng về điều kiện "qui chế ký giả" trong đó ấn định rõ việc thiết lập, thẩm quyền của tổ chức ký giả, ấn định lại điều kiện được coi là ký giả chuyên nghiệp và điều kiện hành nghề của giới này. Tổ chức ký giả phải chặt chẽ và hợp lý, chỉ được gia nhập hàng ngũ ký giả những người có đủ khả năng và tư cách. Những luật "danh dự" đặt ra rất tốt đẹp, nhưng mấy ai cố gắng theo đúng mà vi phạm lại không bị chế tài nên vấn đề giá trị cá nhân vẫn là chính.

Tìm được biện pháp để đoàn thể hóa những người làm báo mà không bị mang tiếng là "những đồ trang trí" hoặc trở thành một thứ công cụ, không phải là không thể thực hiện được, nhưng phải công nhận là rất khó.

Có lẽ giải pháp dung hòa nhất là tổ chức nghề nghiệp ký giả thành một đoàn thể theo kiểu y sĩ đoàn, luật sư đoàn, v.v... phải được công nhận và cho phép mới được hành nghề. Như vậy phải cải tổ lại định chế Hội Đồng báo chí để cơ quan này có đầy đủ khả năng và tư cách

trong vai trò cho phép và rút phép hành nghề của một ký giả. Giải pháp này có thể bị chỉ trích là vi phạm quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí; người không ở trong đoàn thể sẽ không được quyền diễn đạt tư tưởng của mình trên báo chí? Không hẳn như vậy, những ai tỏ ra thiếu tư cách sẽ bị khai trừ và rút phép hành nghề. Tuy nhiên họ vẫn có thể viết lách sinh nhai, nhưng không được hưởng các quyền lợi của các ký giả có thể chuyên nghiệp. Đối với ký giả thiếu khả năng mà có thiện chí, Hội Đồng báo chí sẽ phối hợp với chính quyền và các phân khoa báo chí tổ chức lớp tu nghiệp để cải tiến.

*

* *

KẾT LUẬN

"Việt Nam Cộng Hòa chống lại chủ nghĩa Cộng sản dưới mọi hình thức" (điều 4 Hiến pháp). Theo tôn chỉ ấy những người làm báo dưới vĩ tuyến 17 bắt buộc phải chấp nhận đường lối làm báo không Cộng sản.

Hiểu như vậy, việc hành sử quyền tự do thông tin và nghị luận đương nhiên phải bị hạn chế. Chính sách báo chí phải được quan niệm thế nào cho phù hợp với những điều kiện Hiến định. Mặt khác chính sách ấy lại cũng phải thoả mãn tình trạng chính trị và xã hội của đất nước. Đó là 2 mục tiêu mà luật báo chí hiện hành theo đuổi.

Báo chí là một xí nghiệp tư nhưng lại được suy đoán là có lợi ích chung. Vậy phải được coi là một định chế dùng để thoả mãn nhu cầu công cộng. Vì vậy vấn đề can thiệp của chính quyền vào những hoạt động của báo chí là điều kiện cần thiết để duy trì trật tự công cộng. Quyền lợi của báo chí phải tạm thời hy sinh cho mục tiêu ấy. Tuy nhiên sự hy sinh cũng phải có giới hạn. Chính quyền dùng lợi dụng "cơ hội" để lấn át báo chí quá đáng, bắt báo chí phải hy sinh quá nhiều cho những mưu đồ riêng tư nhằm củng cố chế độ, hơn là phục vụ quốc gia dân tộc.

Cũng như Hiến pháp 1967, Sắc luật 007/72 được ra đời trong khung cảnh chiến tranh, do đó chỉ thích hợp cho những điều kiện chiến tranh và chỉ nên coi là "luật thời cơ". Ngay sau khi điều kiện cho phép, nhà cầm quyền Hành pháp cũng như lập pháp phải có can đảm thay thế bằng một đạo luật báo chí mới, tiến bộ và tự do hơn, công bằng và hợp thời hơn. Một chính sách báo chí trong khung cảnh đó phải nhằm thoả mãn những điều kiện chính đáng sau đây:

1/- Về nội dung: Quyền tự do ngôn luận phải được triệt để bảo vệ. Báo chí phải được tự do thông tin, tự do bình luận, nhưng phải nhận trách nhiệm về mọi hành vi của mình.

2/- Về cơ sở: Quyền tự do kinh doanh và tự do xuất bản phải được quan niệm trong tinh thần thật sự dân chủ, các cơ sở báo chí phải có tính cách công sở để phục vụ đắc lực quyền lợi quần chúng.

3/- Về nghề nghiệp: Quyền tự do lập hội của các ký giả được khuyến khích để việc đào luyện ký giả được thường xuyên, kỷ luật đoàn thể được tôn trọng, lương tâm chức nghiệp được nâng cao. Tiếng nói của Hội Đoàn báo chí phải được chính quyền lưu tâm thật sự trong mọi vấn đề liên quan đến báo chí.

Saigon, tháng 6 - 1974

ĐINH XUÂN CẢNH

PHỤ LỤC

HIẾN CHƯƠNG BÁO CHÍ THẾ GIỚI

1918

Người viết báo xứng danh là ký giả chịu trách nhiệm về tất cả những gì mình viết, coi sự vu khống tố cáo không bằng chứng, sửa đổi tài liệu, bẻ queo sự việc, dối trá là những lỗi nghề nghiệp nặng nhất; chỉ công nhận quyền phán xử của đồng nghiệp là những người duy nhất có thẩm quyền về danh dự nghề nghiệp, chỉ nhận những chức tước và huy hiệu không tương những phương cách bất chính để xoay tin hoặc lừa gạt sự ngay tình của người khác; không nhận tiền của công sở hay một xí nghiệp tư nhân, nơi mà nhân danh là ký giả, ảnh hưởng và những mối liên lạc của mình có thể bị lợi dụng; không ký tên những bài báo quảng cáo tương mại hay tài chánh; không đạo văn, khi trích dẫn đồng nghiệp thì chưa xuất xứ; không tìm cách thế chỗ một đồng nghiệp hắt cẳng một đồng nghiệp để làm thay với điều kiện kém hơn; giữ bí mật nghề nghiệp; không sử dụng quyền tự do báo chí vào một mục đích vụ lợi; đòi quyền tự do công bố tin tức một cách trung thực; lấy sự quan tâm tôn trọng luật pháp làm đầu; không lẫn vai trò của người ký giả với người công an.

BẢNG KÊ

Các nhật báo và báo định kỳ đang hoạt động

A NHẬT BÁO

Số T.T.	Tên báo	Địa chỉ	Điện thoại	Chủ nhiệm	Chủ bút
1	BÚT THÉP	102-104 Lê Lai Sg	94.080	Lê Hiền	Lê Hiền
2	CHÍNH LUẬN	82 Lê Lai Sg	23.244	Đặng Văn Sung	Đặng Văn Sung
3	CÔNG LUẬN	143 Công Quỳnh Sg	22.323	Tôn Thất Đỉnh	Tôn Thất Đỉnh
4	DÂN CHỦ	174 Hiền Vương Sg	98.045 20.053	Nguyễn Hải Dương	Tùng Phong
5	DÂN LUẬN	432 Hồng Thập Tự Sg	95.214 95.942	Thanh Quang	Trần Dũ Khiêm
6	ĐỘC LẬP	164 Võ Tánh Sg	96.262	Hoàng Châu	Hoàng Châu
7	ĐỒNG PHƯƠNG	96 Võ Tánh Sg	22.709 94.630	Bà Vân Sơn	Phan Mỹ Trúc
8	ĐẠI DÂN TỘC	106 Gia Long Sg	94.178 24.902	Võ Long Triều	Võ Long Triều
9	DIỆN TÍN	101 Võ Tánh Sg	91.905	Hồng Sơn Đông	Hồng Sơn Đông
10	SÓNG THẦN	133 Võ Tánh Sg	98.810 95.644	Trùng Dương	Nguyễn Thị Thái
11	HÒA BÌNH	397 Lý Thái Tổ Sg	25.809 52.402	Trần Du	Trần Du
12	QUẬT CƯỜNG	40 Nguyễn An Ninh - Sg	91.352	Hồng Hà	Hồng Hà
13	TRẮNG ĐEN	272 Lê Thánh Tôn Sg	22.029	Việt Đ. Phương	Việt Đ. Phương
14	TIA SÁNG	47 Phát Diệm Sg	23.868	Ngõ Trung Thành	Sơn Trung
15	THANG TIẾN	270 Hai Bà Trưng Sg	40.560	Phan Văn Thâm	Phan Văn Thâm
16	TIỀN TIẾN	2 Hồng Thập Tự Sg 140 Lê Lai - Sg	99.533 96.034	Nguyễn Huy Hùng	Nguyễn Huy Hùng

B

TẠP CHÍ ĐỊNH KỲ

Số T.T.	Tên báo	Địa chỉ	Điện thoại	Chủ nhiệm	Chủ bút
1	VĂN NGHỆ TIỀN PHONG	86 Lê Lai, Sg	25.528	Ng Thanh Hoàng	Ng Thanh Hoàng
2	SÂN KHẤU MỚI	522 Phan Thanh Gián, Sg	93.239	Ng Văn Chính	Đặng Tấn
3	PHỤ NỮ MỚI	96 Võ Tánh, Sg	22.709	Đặng Văn Bé	Mặc Thu
4	THẨM MỸ TÂN TIẾN				
<u>BÁO THIẾU NHI</u>					
5	TUỔI HOA				
6	TUỔI NGỌC	63 Bùi Thị Xuân Sg		Vũ Mộng Long	Duyên Anh
7	THIẾU NHI	159 Thiệu Trị Phủ Nhuận	42.152	Ng Hùng Trương	Nhật Tiến
<u>BÁO THỂ THAO</u>					
8	NGUỒN SỐNG	206 Bùi Viện Sg	40.106	Huyền Vũ	Huyền Vũ
<u>NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC</u>					
	TƯ TƯỞNG	222 Trương Minh Giảng, Sg	25.946	Thích Minh Châu	Thích Minh Châu
	MINH ĐỨC			Bùi Qg Diệm	Bùi Qg Diệm
	NGHIÊN CỨU SỬ ĐỊA	221 Cộng Hòa, Sg		Nguyễn Nhẽ	
	VĂN HÓA NGUYỆT SAN	8 Ng Trung Trực Sg	92.038	Tân Văn Hỉ	Tân Văn Hỉ
<u>NGHIÊN CỨU XÃ HỘI</u>					
	NGUYỆT SAN XÃ HỘI	33 Vĩnh Viễn, Sg	37.523	Phạm Thị Tự	Trần Qg Hùng
	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI	33 Vĩnh Viễn, Sg	37.776	Lê Xuân Khoa	Tạ Văn Tài
<u>NGHIÊN CỨU HÀNH CHÁNH</u>					
	NGHIÊN CỨU HÀNH CHÁNH	200 Trần Qc Toán	23.119	Nguyễn Qc Trị	
<u>NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ</u>					
	TẬP SAN QUỐC PHÒNG	2 Thống Nhất, Sg	93.288	Vĩnh Lộc	

BẢNG KÊ

Các luật lệ đã và đang chi phối báo chí Việt Nam.

1. Loi du 29 Juillet sur la liberté de la Presse
2. Loi du 2 Août 1882 sur la répression des outrages aux bonnes mœurs
3. Loi du 19 Mars 1898 relative aux annonces sur la voie publique
4. Loi du 28 Juillet 1894 ayant pour objet de réprimer les menées anarchistes.
5. Décret du 4 Octobre 1927 relatif au régime de la presse en Indochine exception faite de la Cochinchine
6. Décret du 12 Août 1936 portant répression des fausses nouvelles
7. Décret-Loi du 21 Avril 1939 tendant à réprimer les propagandes étrangères
8. Décret-Loi du 24 Juin 1939 concernant la répression de la distribution et de la circulation des tracts de provenance étrangère.
9. Décret du 29 Juillet 1939 relatif aux conditions d'exécution de l'Article 2 du Décret-Loi du 21 Avril 1939 tendant à réprimer les propagandes étrangères
10. Décret-Loi du 29 Juillet 1939 relatif au contrôle de la presse indigène dans les colonies, protectorats et territoires sous mandat, dépendant du Ministère des Colonies.
11. Décret-Loi du 29 Juillet 1939 relatif contrôle de la presse étrangère dans les Colonies relevant du Ministère des Colonies.
12. Décret du 24 Août 1939 concernant le Contrôle de la presse et des publications.
13. Décret du 27 Août 1939 relatif du contrôle préventif des imprimés, dessins ou écrits de toute nature destinés à la publication, de s textes de toutes émissions radiophoniques et de toutes projections cinématographiques.
14. Décret du 1^{er} Septembre 1939 répriment la publication d'information de nature à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée et des populations.

15. Dụ No 78 du 15 Janvier 1940 sur la poursuite des auteurs d'information de nature à favoriser les entreprises étrangères contre (la France ou) l'Empire d'Amour ou à exercer une influence fâcheuse sur l'esprit de l'armée ou de la population.
16. Décret du 29 Mai 1941 modifiant le décret du 2 Octobre 1927.
17. Loi du 13 Décembre 1941 soumettant à l'autorisation préalable la création du tout nouveau journal quotidien et périodique dans les territoires relevant du Secrétariat d'Etat aux Colonies.
18. Ordonnance du 6 Mai 1944 relative au régime de la presse en temps de guerre.
19. Décret No 46-1644 du 17 Juillet 1946 tendant à fixer les conditions du dépôt légal dans les territoires relevant du Ministère de la France d'Outre-Mer.
20. Ordonnance du 24 Novembre 1944 relative au régime de la presse dans les Colonies françaises.
21. Sắc lệnh số 36-TT ngày 19-9-1949 ấn định chức trưởng của Bộ Trưởng Bộ Thông tin.
22. Arrêté No 146-CAB/SG du 7 Mars 1952 fixant un délai de deux mois pour la parution des journaux.
23. NE số 275 PTT/TTK ngày 5-4-1954 ấn định thể lệ kiểm duyệt các ấn loát phẩm xuất bản trong nước.
24. NE số 269. NE/BTT ngày 15-4-1954 cấm các Chủ nhiệm báo chí không được cho người khác mượn hoặc khai thác giấy phép xuất bản báo chí của mình.
25. Dụ số 65 ngày 17-10-1955 qui định sự kiểm duyệt ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng vào Việt Nam.
26. Dụ số 7 ngày 01-12-1955 dành cho quốc gia độc quyền về vô tuyến truyền thanh và Vô tuyến truyền hình và xác định cho Nha Giám Đốc Đài Phát thanh quốc gia quyền chuyên nhất khai thác ngành này.
27. NE số 266 - NE/BTT ngày 14-12-1955 cho phép những cá nhân hoặc Tổ chức nào muốn phát hành báo chí phải có giấy phép của Bộ Thông Tin
28. NE số 1- BTT/NE ngày 05-01-1956 qui định thể thức kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng.

29. Sắc lệnh số 23-TTP ngày 19-2-1956 đình chỉ kiểm duyệt báo chí
30. Dụ số 13 ngày 20-2-1956 ấn định hình phạt tiền và hình phạt giam đối với những vi phạm hiện hành về báo chí và tất cả các phương tiện phổ biến khác.
31. NE số 151 - BTT/NE ngày 29-6-1959 ấn định thể lệ nộp bản báo chí và xuất bản phẩm định kỳ.
32. Quyết định số 491/PT/NGT/QĐ ngày 25-8-1960 về việc thiết lập một Ủy Ban Liên Bộ để lựa chọn các sách cho phép nhập cảng.
33. Sắc luật số 2/64 ngày 19-2-1964 công nhận quyền tự do ngôn luận và ấn định thể thức truy tố các tội trạng do Báo chí gây ra.
34. NE số 90 - B/BTT/NE ngày 19-02-1964 về vấn đề các đảng phái xuất bản báo chí.
35. Sắc luật số 10/64 ngày 30-4-1964 về qui chế xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí.
36. NE số 402 - BTT/NE ngày 14-7-1964 về việc phát hành báo chí.
37. Sắc luật số 18/64 ngày 7-8-1964 ấn định các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn trương.
38. Trích Hiến chương lâm thời ngày 20-10-1964 về những quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí.
39. Sắc luật số 027/67 ngày 20-7-1967 đình chỉ việc kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông Tin trên toàn lãnh thổ VNCH.
40. Trích Sắc luật số 004/65 ngày 19-7-1965 trừng trị các tội đầu cơ, phản nghịch, phá rối trị an, thân Cộng và Trung lập.
41. Luật số 10/68 ngày 5-11-1968 ban hành tình trạng chiến tranh trên toàn lãnh thổ VNCH.
42. Sắc luật số 005 giao một số tội phạm báo chí cho Tòa án quân sự xét xử.

★

★ ★

THƯ TỊCH

I.- VĂN KIẾN PHÁP LÝ.

- Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1-4-1967
- Luật số 019/69 ngày 30-12-1969.
- Sắc luật số 005/72 ngày 25-7-1972
- Sắc luật số 007/72 ngày 04-8-1972
- Các văn kiện pháp lý đã được ban hành trước Luật 019/69 nhưng vẫn còn áp dụng một vài điều khoản:
 - o Dụ ngày 17-10-1955 và ND ngày 15-01-1956 qui định sự kiểm soát ấn loát phẩm từ ngoại quốc vào VN
 - o Luật ngày 29-7-1881.

II.- SÁCH.

(A) Việt ngữ:

- Trương Tiến Đạt : Hiến pháp chú thích, Saigon 1967
- Nguyễn Văn Bông : Luật Hiến pháp và chính trị học, Saigon 1969
- Hồ Hữu Tường : 41 năm làm báo, Saigon 1972
- Nguyễn Đình Tuyên : Bốn lý thuyết về báo chí, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh, Saigon 1969
- Tạ Văn Tài : Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội
- Lê Thái Bằng : Phương pháp khảo luận

(B) Ngoại ngữ:

- Alwin, Silverman : The American Newspaper
- PJ, Lianté : The function of the Press
- Nourquin : La Liberté de Presse
- André Toulemon : La Presse et le liberté de Pensée

III.- GIẢNG VĂN. Các giảng văn của

- Giáo sư Trần Chánh Thành, năm thứ tư cử nhân Công Pháp tại Trường Đại Học Luật Khoa Saigon.

- Các giáo sư Huỳnh Văn Tông, Nguyễn Hùng, Lê Thái Bằng, Phạm Kim Vinh, năm thứ tư Cử nhân báo chí tại Viện Đại học Vạn Hạnh.

IV.- LUẬN VĂN.

(A) Ban Cao Học và Đốc Sự Trường Quốc gia Hành Chánh:

- Trương Quang : Báo chí và Sinh hoạt Chính trị tại VNCH, CH6 - 1972
- Hà Vĩnh Yên : Vấn đề Kiểm Duyệt báo chí tại VNCH, ĐS16 - 1971
- Nguyễn Ngọc Cầm : Vấn đề tự do báo chí tại Việt Nam, ĐS17 - 1972

(B) Ban Cử nhân báo chí Viện Đại Học Vạn Hạnh:

- Nguyễn Hiền : Những khó khăn của báo chí Việt Nam hiện nay, ĐHVH 1971
- Đinh Khắc Duyệt : Từ Đại Hội Báo chí 1965 đến Đại Hội báo chí 1971, ĐHVH 1971
- Nguyễn Văn Bùi : Báo chí và Chính quyền tại Việt Nam, ĐHVH 1971

V.- CÁC BÁO ĐỊNH KỲ VÀ NHẬT BÁO.

- Báo chí tập san, Bộ 1 số 1 + 2 + 3 năm 1968
- Bách khoa , số 217 ngày 15-1-1966
- Tư tưởng , số 2 ngày 15-4-1971
- Các nhật báo "Chính luận", "Hòa Bình", "Đuốc nhà Nam", "Xây dựng" có bài liên quan đến Sắc luật 007/72.